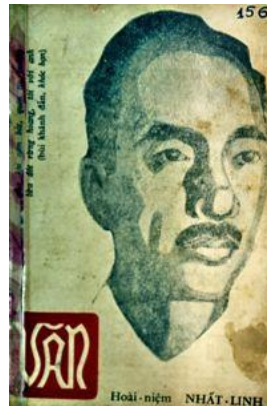


## Tác Giả và Tác Phẩm

### Nhất Linh (V)

Tạp chí Văn  
Hoài niệm Nhất Linh



### Mục Lục

1. Vũ Hoàng Chương - 2
2. Hiếu Chân - 3
- 3 - Trần Văn Bang - 18
- 4- Vũ Bằng - 26
- 5 - Huỳnh Phan Anh - 34
- 6 – Triết lý tuyệt hảo trong cuộc đời Nhất Linh - Trương Bảo Sơn - 48

*(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")*

## Tạp chí Văn Hoài niệm Nhất Linh

*Nhớ khi ném bút, quên tin tưởng  
Lửa đốt rừng hoang, tôi với anh.  
(Bùi Khánh Đản, “Khóc bạn”)*

\*\*\*

### 1. Vũ Hoàng Chương Ai điều Nhất Linh – Nguyễn Tường Tam

#### Câu đối thứ nhất

- *Sổ thập niên bút mặc thành danh, nhất khả đoan nhị khả tuyệt, nhi tam bất hủ.*
- *Song thất dạ vân tiêu lạc phượng, tiền phong hoá hậu văn hoá, ư trung lập ngôn.*

Tạm dịch lấy ý

- Từ năm ba mươi ba (1933) bút mực đã thành danh, tuy bút có thể đoan mực có thể tuyệt, mà vẫn danh kia bất hủ.
- Giữa ngày tháng bảy (7-7-1963) trời mây vừa rớt phượng, nhưng trước có phong hoá sau có văn hoá, đủ rồi phượng ấy lập ngôn.

#### Câu đối thứ hai

- *Người quay tơ đôi bạn tối tăm, anh phải sống chứ sao đoan tuyệt?*
- *Đời mưa gió lạnh lòng bướm trắng, buổi chiều vàng đâu nhĩ nắng thu?*

Ghi chú: Trừ bốn chữ in đứng, tất cả những chữ khác đều ứng vào nhan đề tác phẩm của Nhất Linh.

#### Câu đối thứ ba

- *Đời nay máy mặt tiên tri, thế đó: nửa thương nửa giận!*
- *Văn bút hai ta cổ vấn, giờ đây: một mất một còn!*

(Sài Gòn, 11-7-1963)

\*\*\*

### Vũ Hoàng Chương Bài văn truy điệu

*Than ôi! Đời chính trị lông hồng gieo núi Thái, ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa nguôi; việc văn chương một tác để ngàn thu, ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn.*

*Muốn gào to hồn phách anh linh; để vọng khắp giang sơn tam biển.*

*Nhớ xưa tiên sinh: Chào đời khi gió nổi Đông du; mài thép dưới trăng mờ Thế chiến.*

*Nghiep truyền gia giáo, thuở nhập môn từng đất Bắc vui quê; vai nặng quốc thù, bước du học lại trời Tây vượt biển.*

*Rèn chí đấu tranh; đua tài hùng biện.*

*Chí khí ngày kia một kiên cường; tài năng ấy càng thêm phát triển.*

*Bao năm xuất ngoại, đã lưu tâm tại chỗ, từng mưu lừa chước dối thực dân; một sớm hồi hương, lại ngửa mắt trông ra, cả tấn kịch trò hề phong kiến.*

*Thi văn đoàn Tự lực thế tất phải xung phong; mà tuần báo Ngày nay phải kịp thời xuất hiện.*

*Vì dân vì nước đẩy mạnh phong trào; có chí có gan thiếu gì phương tiện.*

*Nào hia với hốt, phá cho tan trò hoạn lộ thanh vân; nay cấp mai bằng, cười đến tỉnh lữ thư sinh bạch diện.*

*Từ đó tiên sinh: Lấy văn đàn làm nơi bá tánh, cờ phát dọc ngang; giữa chính trường cao giọng lập ngôn, bút mài sắc bén.*

*Làm sống lại tinh thần Yên Bái, nửa bước không lùi; cuốn ào lên tâm huyết Quốc dân, một dòng thẳng tiến.*

*Bôn ba nơi hải ngoại, Hàng Châu, Quỳ Châu, Liễu Châu; đối lập mọi cường quyền, chống Pháp, chống Cộng, chống Diệm.*

*Ai hay: Gió gọi chưa lên; giờ nghe đã điểm.*

*Giữa cao trào Phật giáo, để hoàng dương chính pháp, lửa từ bi vừa thượng tọa thiêu thân; nêu đại nghĩa Nho gia, nhằm cảnh cáo độc tài, chén tân khổ cũng tiên sinh tuyên chiến.*

*Sét ngang tai, bạo lực thấy ghê hồn: Trời cúi mặt, không gian chờ nãy điện.*

*Lửa-Cách-Mạng dâng về thư tuyệt mạng, thôi rồi tay lãnh tụ! Khấp các giới: thức giả, bình dân, sinh viên, đồng chí, cùng dạt dào tim vỡ máu sôi; Người-Quay-Tơ đành bỏ trống guồng tơ, đâu nữa mặt kinh luân? Cả bốn phương: Cà Mau, Thuận Hoá, Bến Hải, Nam Quan, nghe giục giả sông đời núi chuyển.*

*Nhưng đau đớn thay: Phút hạ huyết súng gươm vây kín, muôn dòng châu đứt nối chưa tròn; buổi cầu siêu hương khói âm thầm, bao tiếng khóc dở dang còn nghẹn.*

*Cho nên hôm nay: Mừng quốc gia vừa khắc bạo trừ hung; đẹp hy vọng sẽ hà thanh hải yến.*

*Dân chúng thủ đô hướng về tiên sinh: Lễ Truy điệu mở đầu năm dương lịch, chạnh tưởng còn dâu bãi bể, đốt hương lòng toả khắp mười phương; vườn Tao Đàn rung hết đợt âm giai, trông ra ngọn cỏ lá cây, hoà nước mắt vẫy quanh một chén.*

*Mong cảm tới tiên sinh: Dám nề chi u hiển.*

*Hỡi ơi: Tổ Đoạn-tuyệt thành hồ đoạn tịch, mộng dẫu chơi vui nửa cuộc, sử còn thom danh liệt sĩ Tường Tam; Phượng Nhất Linh hề thiên nhất phương, lâu tuy ngõ ngác bên sông, gió vẫn nổi tiếng vẫn hào họ Nguyễn.*

(Sài Đô, 5-1-1964)

\*\*\*

## **2. Hiếu Chân - 3**

## Hoài niệm Nguyễn Tường Tam

*Bài này trước đây (tháng 7 năm 1963) đã được đăng trên nhật báo Tự do (mục “Nói hay đừng”), nhưng bị kiểm duyệt bỏ mất nhiều. Nay, chúng tôi tìm được bản thảo viết tay và xin phép tác giả Hiếu Chân cho lục đăng toàn vẹn nguyên văn.*

Vào một ngày đầu xuân năm Bính Tuất (1946), lần thứ nhất tôi gặp Anh trên căn gác hẹp của toà nhà 80 Quan Thánh. Buổi sáng hôm ấy tuy đã sang giêng mà trời còn rét như cắt vì đường như mùa đông gió lạnh hiem có của năm Ất Dậu vừa qua hầy còn muồn nán lại, đất Bắc đang trải qua một cuộc chuyển mình vĩ đại đầy tang tóc với không biết bao nhiêu biến cố trọng đại dồn dập diễn ra từng ngày, từng giờ. Lúc tôi đẩy cửa phòng bước vào thì đã thấy Anh ngồi đối diện với anh Khái Hưng trước một chiếc bàn trên có hai tách cà-phê đang bốc khói. Hôm ấy Anh mặc chiếc blouson da đúng như trong bức ảnh đã đăng trên các báo hồi anh mới từ Hoa Nam trở về. Tuy biết đó là Nguyễn Tường Tam, một lãnh tụ trong Mặt trận Cách mạng Đồng minh mà tôi đang là một cán bộ, nhưng tôi vẫn không khỏi kinh ngạc và e dè trước bộ mặt quắc thước của Anh: tôi dừng chân, gật đầu chào định nói lời xin lỗi để quay ra thì anh Khái Hưng nhìn tôi qua cặp mắt kính cười “hà hà” đứng lên nắm lấy cánh tay tôi kéo vào và bảo:

“Anh Nhất Linh của chúng mình đây chứ có phải hồ cáo gì đâu mà anh ngại? Cứ vào đây.”

Tôi e ấp đáp:

“Nhưng sợ các anh có chuyện riêng chẳng?”

Lúc này Nguyễn Tường Tam cũng nhìn tôi mỉm cười đáp:

“Lúc này còn làm gì có chuyện riêng nữa! Đồng chí cứ vào!”

Tôi ngồi xuống ghế rồi nhưng vẫn yên lặng ngắm nhìn Anh không chớp mắt: con người cao lớn, quắc thước ngồi trước mặt tôi đây đã ngự trị trong tâm hồn tôi suốt cả thời kỳ niên thiếu; trong mấy năm học ở Trường Bưởi tôi đã say mê Nhất Linh và Khái Hưng qua các tác phẩm văn nghệ. Cũng như hầu hết – nếu không muốn nói là toàn thể – thế hệ thanh niên cùng lứa tuổi với tôi. Tôi đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của Tự lực Văn đoàn về mặt văn nghệ, tư tưởng. Nhưng giờ đây chính người ấy lại là người lãnh đạo tôi trên con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Bởi vậy tôi không biết phải nhìn Nguyễn Tường Tam theo khía cạnh nào.

Thấy tôi ngồi ngây người, phân vân, anh Khái Hưng liền cất tiếng giới thiệu tôi với Nguyễn Tường Tam:

“Đồng chí đây là một cây bút xuất sắc mà chúng tôi mới tìm ra; anh ấy đã viết mấy thiên phóng sự rất đặc biệt trên *Ngày nay* bộ mới sau ngày Nhật đảo chính và từ trước ngày 19 tháng 8 năm ngoái anh ấy đã hoạt động cách mạng.”

Nguyễn Tường Tam nhìn lại tôi lần nữa rồi đưa tách cà-phê mời tôi. Khái Hưng quay lại tôi hỏi:

“Thế nào? Ở Lạng Sơn về rồi đấy à? Tình hình trên ấy ra sao?”

Tôi tuần tự tường thuật lại tình hình Lạng Sơn về mọi mặt chính trị, quân sự, nội bộ rồi đôi mắt

tôi chăm chăm nhìn vào Anh, tôi nói nửa như chất vấn, nửa như trách móc:

“Lệnh của Trung ương ban xuống bắt phá cuộc tổng tuyển cử bịp bợm của cộng sản đã được học tập và chuẩn bị chu đáo, chỉ đợi ngày thi hành thì đánh đập một cái lại có phản lệnh bãi bỏ rồi tiếp đến việc Trung ương ký Tinh thành Đoàn kết với cộng sản mà không hề có lời giải thích hoặc giải thích không đầy đủ khiến tinh thần các đồng chí cán bộ và chiến sĩ Quốc dân quân hoang mang. Cán bộ các cấp chúng tôi ở địa phương không thể hiểu được thái độ của Trung ương ra sao cả! Chúng tôi hy sinh tính mạng, sống cơ cực hiểm nguy có phải là để tranh lấy 70 ghế cho Trung ương trong cái Quốc hội của bọn Vẹt đâu? Và chẳng, nếu các đồng chí thấu hiểu tình hình địa phương, tất các đồng chí đã không ký kết một cách quá dễ dãi như thế được vì hơn ai hết chúng tôi tin chắc rằng không thể nào thoả hiệp với bọn ‘Két’, dù là thoả hiệp tạm thời. Xem ngay như ở Lạng Sơn thì rõ: ở đây ta mạnh hơn chúng về chính trị và quân sự, thế mà ngay sau khi bản Tinh thành Đoàn kết được công bố vài ngày, chúng nó đã trở mặt cướp trụ sở của mình, lấy súng và âm mưu ám sát cán bộ ta, như thế thì sự ký kết của các anh ở Trung ương chỉ là một hành động có hại cho địa phương; bản Tinh thành Đoàn kết ấy đã trở thành một lợi khí cho chính quyền Vẹt trói chân trói tay chúng tôi mà thôi.”

Tôi nói dứt lời, Anh trầm ngâm suy nghĩ rồi nhìn thẳng vào mắt tôi Anh đáp:

“Riêng tôi cũng biết rõ như thế nhưng xin các đồng chí xét rộng ra mới hiểu nỗi khổ tâm của chúng tôi. Những người cộng sản đã mau tay cướp được chính quyền, trong việc này họ đã được lợi thế rất nhiều vì sự nhu nhược thiển cận của chính quyền Trần Trọng Kim cũng như sự phò trợ gián tiếp của bọn cầm quyền quân sự của Nhật ở đây sau ngày đình chiến. Sau này họ lại mua chuộc được bọn tướng lĩnh Tàu và ngầm kết liên với bọn thực dân Pháp. Tinh thần dân chúng cũng như cán bộ ta tuy có cao nhưng nếu cuộc tranh đấu đi đến nội chiến thì máu đồng bào ta và cán bộ ta sẽ phải chảy rất nhiều, hậu quả tai hại không biết thế nào mà lường được, nhất là dân tộc ta đã phải trải qua bao thảm hoạ chiến tranh, náo bom đạn Đồng minh, náo bệnh tật, náo nạn đói năm ngoái. Bởi vậy tranh đấu quyết liệt, chúng ta lúc nào cũng phải nghĩ đến nhân dân đồng bào. Sự ký kết này cũng có những lý do của nó, xin đồng chí hiểu cho.”

Mặc dầu phát ra từ miệng một Nhất Linh mà tôi hằng mê say kính phục, lời giải thích đó không làm tôi thoả mãn. Điều này cũng dễ hiểu vì hồi đó tôi mới ngót ba mươi tuổi lại vừa bước chân vào con đường hoạt động cách mạng thì thử hỏi làm sao tôi có thể chấp nhận một quan niệm tranh đấu lưỡng chùng, uỷ mị kiêu vãn nhân lòng mền như thế được? Nhất là từ sau ngày Đảng Cộng sản Đông Dương cướp được chính quyền, tất cả những hành vi của họ qua mắt tôi đều đúng tầm tắp với những lý thuyết của Đệ tam Quốc tế mà tôi đã thấu hiểu qua sách vở báo chí cộng sản. Trước mắt tôi lúc bấy giờ chỉ có một mục tiêu duy nhất là đánh đổ chính quyền cộng sản; mục tiêu ấy có đạt được thì mới mong cứu vãn dân tộc được; bởi thế mọi thoả hiệp với Việt Minh dưới bất cứ hình thức nào cũng đều bị tôi gạt bỏ; đối với tôi hồi ấy thì chỉ có hai thái độ: một là tranh đấu đến một mất một còn với cộng sản, hai là khuất phục thuận tòng chúng. Chứ không thể có thoả hiệp, dù là thoả hiệp tạm thời theo chính sách giai đoạn.

Với thái độ quyết liệt như vậy, tôi từ biệt Nguyễn Tường Tam ra đi trong một tâm trạng băng khuâng nghi ngại. Sau đó vì phải bôn ba trên đường công tác tôi không còn được gặp Anh lần nào nữa nhưng hồi ở tỉnh bộ Nam Định, khi nhận được tin ký kết bản Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 với Pháp, thấy không có tên Nguyễn Tường Tam trong đó, tôi những mừng thầm không khác gì chính danh dự mình được cứu vãn. Thế rồi, không cần đợi chỉ thị của Trung ương, tôi liền thảo luận cùng các đồng chí trong tỉnh bộ tổ chức ngay hôm đó một cuộc

biểu tình phản đối Hiệp định Sơ bộ. Thành thực mà nói, nếu có tên Nguyễn Tường Tam ký dưới bản Hiệp định đó có lẽ tôi đã không làm thế: sau này phân tích tâm trạng của chính mình, tôi cũng không hiểu tại sao mình lại vô lý đến như thế nhưng ở vào cái tuổi ba mươi tôi đâu có cần lý luận tách bạch? Kế đó với tư cách là Tổng trưởng Ngoại giao Việt Nam đi dự Hội nghị Sơ bộ với phái đoàn Pháp tại Đà Lạt, Hội nghị này chuẩn bị cho cuộc đàm phán chính thức ở Fontainebleau cũng sẽ do Anh cầm đầu. Theo dõi các tin tức trên báo chí và qua chỉ thị của Trung ương, tôi chỉ nóng lòng mong mỗi cho Hội nghị Đà Lạt tan vỡ.

Rồi quả nhiên nó tan vỡ thật: lòng tôi lại như được cất bỏ đi một gánh nặng. Kế đó khi hay tin Nguyễn Tường Tam đã từ bỏ chức vị Tổng trưởng Ngoại giao, ly khai Chính phủ Liên hiệp để trốn sang Trung Hoa đồng thời với cụ Nguyễn Hải Thần để tổ chức lại lực lượng cách mạng quốc gia chống Cộng phản Thực, lòng tôi mừng rỡ khôn xiết. Ngay đêm đó tôi tổ chức một bữa rượu cùng mấy chiến hữu uống cho đến quá nửa đêm.

Cho đến giờ tôi vẫn không hiểu tại sao tôi lại có tâm trạng và thái độ như vậy – một tâm trạng khó hiểu và một thái độ hầu như phi lý – nhưng quả tình là con người Nguyễn Tường Tam đã ngự trị tâm hồn tôi: tôi muốn cho nhân vật ấy được trong trắng cao thượng trong lòng tôi mãi mãi cho đến khi tôi từ già cõi trần hình ảnh ấy cũng không bị lu mờ, hoen ố.

Sau này, khi cuộc kháng chiến nổ ra, tôi lưu lạc hết năm này qua năm khác trên miền rừng núi Sơn Tây – Hoà Bình nhưng không lúc nào là không nhớ đến bóng dáng, đến sắc diện của các chiến hữu đã cùng tôi san sẻ những nỗi cay đắng, khổ đau, những niềm hy vọng phấn khởi trong cuộc tranh đấu hồi 1945-1946 như Nguyễn Tường Tam, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Tường Bách, Gia Trí, mặc dầu tôi cho rằng không chắc gì những người ấy đã nhớ đến tôi. Hoài niệm đó có lần đã được diễn tả ra thành lời thơ qua những bữa rượu tiêu sầu bên sông Đà:

*Ta nhớ xa xa những bạn nào,  
Đêm nay trăng sáng, nhạt thưa sao.  
Bên trời, ôm ấp hàm ca hận,  
Vọng mỹ nhân hề ai hát ngao?*

Ba chữ “vọng mỹ nhân” tôi lấy ở “Phú Xích Bích” của Tô Đông Pha, có nghĩa là nhớ bạn hiền, nhớ người quân tử.

\*\*\*

Bây giờ đây, sau hơn mười năm sống ngoài xã hội cộng sản, thật khó mà hồi tưởng lại được một cách trung thực và đầy đủ cái tâm trạng của chính tôi trong mấy năm đầu của cuộc kháng chiến: tâm trạng đó không hẳn là tâm trạng tuyệt vọng của một kẻ chiến bại vì, tuy lạc lõng theo cái biển người từng đợt lại từng đợt kéo đi trên mọi nẻo đường từ khu 3 đến Việt Bắc, nơi nào cũng nặng trĩu một không khí kinh hoàng của chết chóc giam cầm, giả dối và nghi kỵ, tôi đã gặp được biết bao tâm hồn đồng điệu! Họ là những thanh niên vừa được tha ra khỏi những trại tập trung Mai Côi, Phi Đình, Thái Nguyên, Bắc Kạn sau hàng năm trời bị dày ải, đánh đập nhưng tinh thần của họ càng nhờ thế mà thêm vững chắc: niềm tin tưởng của họ là một niềm tin tưởng bất diệt vào tương lai cuộc tranh đấu của cả dân tộc để tự thoát ra khỏi mọi chế độ áp bức dưới bất cứ hình thức nào. Nhiều người trong số những thanh niên đó kể lại cho tôi nghe rằng có những nam nữ chiến sĩ Quốc dân Đảng trước khi nhắm mắt lìa đời sau những ngày dài bệnh hoạn trong một xó trại giam ở giữa rừng còn nhắc đến tên “Nguyễn Tường Tam”. Hơn thế lại óc

những chiến sĩ trong khi bị bịt mắt dẫn ra pháp trường cũng như trước khi giờ ngược ra để đón nhận lấy những phát đạn hoặc những nhát dao của bọn đao phủ cộng sản đã thu hết tàn lực của họ để hô to ba tiếng “*Nguyễn Tường Tam*”. Sau khi được nghe chuyện do chính miệng những người thoát chết kể lại, tôi cảm thấy lòng được an ủi một phần nào trong cái cảnh bơ vơ lạc lõng của một kẻ chiến bại.

Đến cuối năm 1947 và sang đầu năm 1948, sau khi bị thất vọng vì bài diễn văn của Cao uỷ Pháp Bollaert đọc tại Hà Đông (trong vùng chiếm đóng), chính quyền cộng sản liền cho phát động một phong trào tuyên truyền đã kích rất sâu rộng để triệt hạ uy tín của Bảo Đại, bởi lẽ thời ấy, trong dư luận dân chúng cũng như các phần tử trí thức bỗng dưng phát sinh ra một khuynh hướng luyến tiếc vị vua cuối cùng của triều Nguyễn đã thoái vị: người ta nhắc lại những lời trong bản tuyên cáo thoái vị của vua Bảo Đại với rất nhiều thiện cảm. Để thủ tiêu nốt đôi chút uy tín mà người vắng mặt còn lưu lại trong tâm não dân chúng, bọn cộng sản đã dùng đủ mọi hình thức: ngoài những cuộc mít-tinh tuyên truyền liên tục, những biểu ngữ nhan nhản khắp nơi, chúng còn cho vẽ tranh để bôi nhọ Bảo Đại và nhất là kết rơm thành những “hình nộm” Bảo Đại đặt tại các chợ búa trường học, các chốn thị tứ rồi cho người chọc mắt, đâm thủng ngược cuối cùng đem đốt.

Thế rồi bỗng nhiên phong trào đó ngưng hẳn lại để được thay thế bằng một phong trào khác, rầm rộ hơn: *phong trào hạ bệ Nguyễn Tường Tam*.

\*\*\*

Phong trào tuyên truyền đả phá Nguyễn triều và Bảo Đại rầm rộ về mặt tổ chức và nặng nề về hình thức bề mặt bao nhiêu thì trái lại phong trào hạ bệ Nguyễn Tường Tam lại chú trọng về chiều sâu. Những người cộng sản Đông Dương thừa hiểu rằng uy tín của Nguyễn Tường Tam đã được xây dựng một cách vững chắc trong tâm não đại đa số nhân dân quần chúng trước hết bởi văn học nghệ thuật rồi sau đó lại được củng cố và phát triển bởi những hoạt động cách mạng, cho nên muốn huỷ diệt cái thế lực tinh thần của nhân vật đó trong dư luận không thể dùng đến mít-tinh, biểu ngữ, khẩu hiệu hoặc hình nộm mà được. Họ cũng thừa biết rằng những tư tưởng cách mạng dân chủ của Đảng Đại Việt Dân chính do Nguyễn Tường Tam khai sáng và lãnh đạo đã thâm nhập vào cốt tuỷ của cả một thế hệ thanh niên do con đường văn hoá thì không thể một sớm một chiều đánh tan đi được bằng những trò bịp bợm quá nông cạn, hời hợt. Chính vì thế, từ cuối năm 1947 trở đi, Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra lệnh cho tất cả đoàn thể văn hoá cũng như đảng bộ các cấp phải thường xuyên học tập, thảo luận để đưa ra những lý luận đả kích Nguyễn Tường Tam và nhóm Tự lực Văn đoàn dưới hình thức phê bình văn học và nghệ thuật.

Những lý luận đó không nhất thiết được đưa ra một cách máy móc như trong vấn đề chính trị khác mà nội dung thay đổi tùy theo đối tượng tuyên truyền của chúng. Đại khái đối với giới trí thức thanh bình thì chúng trình bày Nguyễn Tường Tam như một nhân vật điển hình cho phong trào phản ứng uỷ mị của giai cấp tiểu tư sản trong chế độ áp bức của thực dân phong kiến và cái cách mạng kiểu tiểu tư sản của Nguyễn Tường Tam chỉ là một thứ cách mạng tạm bợ trong một giai đoạn quá độ, chỉ cần thiết trong một xã hội tiếm tiến chứ đối với một xã hội đã có cách mạng bột phát như của Việt Nam sau ngày 19 tháng 8 năm 1945 thì một phong trào cách mạng như thế rõ rệt là lỗi thời. Đó là luận điệu giải thích cho giới trí thức trung lưu còn đối với các cán bộ đảng viên, bọn cộng sản thẳng thắn cho rằng Nguyễn Tường Tam là kẻ thù trước mắt của cuộc cách mạng vô sản bởi lẽ, với danh nghĩa giải phóng dân tộc và chủ trương đem chính

quyền về cho nhân dân (dân chính) phong trào cách mạng của Nguyễn Tường Tam rất được đại đa số quần chúng tán thành và như thế một mai lực lượng tiềm tàng của cách mạng dân chính có thể trở thành nguy cơ lâu dài cho chính quyền vô sản. Vì những lý do đó người cộng sản phải đối phó ngay từ bây giờ và luôn luôn đả phá uy tín của Nguyễn Tường Tam và triệt hạ mọi phần tử có khuynh hướng dân chính.

Qua hai phong trào hạ bệ nói trên hồi đó tôi thường lấy làm lạ tự hỏi tại sao trong khi chúng đã nắm trọn chính quyền trong tay và đang gặp hoàn cảnh vô cùng thuận lợi để thực thi chủ nghĩa, nấp sau nhãn hiệu kháng chiến chống Pháp, bọn Cộng sản Đông Dương lại tỏ ra quá sợ hãi những kẻ vắng mặt? Và nhất là trong lúc chúng đang cao rao khẩu hiệu “*Toàn dân đoàn kết chống xâm lăng*” mà chúng lại giữ những trò xảo quỷ ấy ra thì khỏi sao gây hoang mang, thắc mắc cho dân chúng vì, một mặt thì kêu gọi đoàn kết mà một mặt lại trắng tráo thực hiện chia rẽ như thế, dân chúng ai còn tin nữa?

Thế rồi một bữa kia, nhân lúc tửu hứng, một đảng viên cao cấp của cộng sản đã nói lộ ra cho tôi biết cái nguyên nhân chính trong phong trào hạ bệ Nguyễn Tường Tam: sở dĩ Chính phủ và Đảng phải làm thế là vì ở bên Trung Hoa Nguyễn Tường Tam đang tiến mạnh đến sự liên kết tất cả các đảng phái quốc gia để lập ra một tổ chức khá mạnh là Mặt trận Quốc gia Liên kết (thực ra thì đó là Mặt trận Thống nhất Toàn lực chứ không phải Quốc gia Liên kết như lời cán bộ đảng viên đã nói). Nhân đó tôi có hỏi tại sao phong trào hạ bệ Bảo Đại tự nhiên lại ngưng để thay thế bằng phong trào đả kích Nguyễn Tường Tam thì y trả lời:

“Bảo Đại dù sao cũng chỉ là nhân vật rất lu mờ, uy tín không đáng kể cho nên dù hắn có bắt tay với Pháp, cũng không đáng sợ. Trái lại, uy tín và anh hùng của Nguyễn Tường Tam đối với dư luận trong nước và quốc tế lúc này đây và mai sau nữa vẫn còn là trở ngại khá lớn cho chính quyền vô sản chúng ta. Từ trước đến giờ các lực lượng quốc gia phản động chỉ được coi như những viên gạch vỡ lán lóc, mỗi nơi một viên nhưng bây giờ Nguyễn Tường Tam có thể là chất xi-măng gắn liền những viên gạch rời rạc đó vào với nhau để trở thành một khối chặn đường của chính thể ta sau này.”

Đồng thời với cuộc tấn công bằng tuyên truyền và học tập có kế hoạch tỉ mỉ, chính quyền cộng sản lại bắt tay vào một cuộc khủng bố mới. Ngoài việc bắt bớ thêm một số người bị nghi là đã có những hoạt động chống đối chính quyền từ trước ngày Toàn quốc Kháng chiến, ngoài việc đem những phạm nhân chính trị – hầu hết là đảng viên các đảng quốc gia đối lập – ra tàn sát một cách vội vã, không cần đến mọi hình thức và thủ tục tư pháp nhân cuộc quân Pháp nhảy dù xuống Phú Thọ và tiến đánh Việt Bắc, chính quyền và Đảng Cộng sản còn bắt tay vào một cuộc thanh trừng rộng lớn trong bộ máy hành chính và quân sự: tất cả cán bộ các ngành đều phải khai lý lịch đến tam đại, phải tự tay ghi rõ thành phần xã hội của mình vào lý lịch (công nhân, nông dân hay tiểu tư sản? Trí thức bậc nào? Tôn giáo nào?); thế rồi sau đó lệnh giãn chính được thi hành để loại bỏ những phần tử bị coi là bất hảo ra khỏi bộ máy hành chính, ra khỏi các chức và chỉ huy trong quân đội và nhất là ra khỏi các cơ cấu của Đảng và Mặt trận. Tất cả những biện pháp đó đều nhắm một mục đích là loại trừ mọi ảnh hưởng của phong trào Quốc gia Liên kết có thể từ hải ngoại tẩm nhập vào nội bộ kháng chiến, một phong trào mà tinh thần dân chính của Nguyễn Tường Tam là động cơ chủ não.

Cuối năm 1949, sau khi hầu hết tỉnh Sơn Tây đã lọt vào phạm vi chiếm đóng của quân đội viễn chinh Pháp, vào một ngày cuối thu, ba-lô trên lưng, tôi sang một làng nọ thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên để mở lớp huấn luyện địch vận, làng này ở cách làng Thổ Tang, quê



hương Nguyễn Thái Học có một cánh đồng và lúc bấy giờ đúng vào thời kỳ cộng sản đang khủng bố mạnh nhất: nhiều nhân sĩ cao niên đã từng tham gia cách mạng trong phán bảo Nguyễn Thái Học cũng lần lượt bị bắt và đưa đi trại tập trung. Lớp huấn luyện cán bộ địch vận mà tôi phụ trách mở ngay tại một toà nhà ngói cổ, có sân và có vườn rộng nhưng chủ nhà, một cụ Lang nổi tiếng Nho phong nền nếp năm đó đã ngót sáu mươi tuổi, cũng đã bị bắt từ mấy tháng trước. Trong thời kháng chiến, các lớp huấn luyện đều được tổ chức theo lối sống tập thể vì học viên hầu hết đều là những cán bộ hạ tầng từ trong vùng địch chiếm trốn ra theo học. Vào một đêm trăng nọ, giữa khoá huấn luyện, phần kiểm thảo hàng ngày vừa xong, theo thường lệ, các cán bộ huấn luyện cũng như các học vấn đều tụ tập ở giữa sân để dự cuộc “vui nhộn” trong đó mỗi người cống hiến một trò giúp vui cho tập thể, hoặc một bản đàn, một bài ca, hoặc ngâm thơ hoặc diễn kịch cũng lắm phải kể một câu chuyện tiểu lâm hoặc chuyện cổ tích. Thế rồi đến lượt một học vấn tuổi chừng ba mươi, về người láu lỉnh, quê ở Phúc Thọ đứng lên tự giới thiệu để ca một bài vọng cổ: cử tọa vỗ tay reo lên vì điệu hát vọng cổ trong thời đó ở miền Bắc là một môn văn nghệ độc đáo bên cạnh những bài tân nhạc ca tụng cách mạng và lãnh tụ. Ngồi một góc sân tôi cũng theo dõi cuộc vui nhộn thì thấy người cán bộ học vấn giới thiệu cái tên của bài ca là “Nguyễn Tường Tam”, tôi lạ quá cố lắng tai nghe. Qua mấy câu nói lối kể lại gốc tích Nguyễn Tường Tam đại khái như sau:

Vốn quê ở Quảng Nam, Nguyễn Tường Tam thuộc dòng dõi phong kiến, tổ tiên đều làm quan, cha thì làm tri huyện Cẩm Giàng cho đến Nguyễn Tường Tam sang Pháp du học đỗ bằng cử nhân nhưng vì tính thích lê lổng chơi bời, thực dân không dùng nên sinh ra bất mãn v.v... Sau mấy câu nói lối, bắt sang điệu vọng cổ, y đổi giọng ngâm nga kết tội Nguyễn Tường Tam là tên trùm phản động, là tiêu biểu cho giai cấp trí thức tiểu tư sản lạc hậu, thối nát; cuối cùng là bài ca ngả hẳn sang luận điệu hô hào cổ võ đồng bào đừng nên mắc mưu tuyên truyền của bọn phản động đội lốt cách mạng mà Nguyễn Tường Tam là kẻ cầm đầu và dĩ nhiên bài ca kết thúc bằng một vài câu xưng tụng Hồ Chí Minh, đề cao cuộc cách mạng vô sản.

Nghe hết bài vọng cổ, tôi trầm ngâm suy nghĩ trong khi từ cán bộ huấn luyện đến cán bộ học vấn ai nấy đều vỗ tay hoan hô: có kẻ lại vội vã lấy bút và sổ tay ra xúm quanh gã cán bộ vừa hành trình để xin chép lại bài vọng cổ.

Hôm sau tôi lân la đến làm quen với người cán bộ vùng Tề đã hát bài vọng cổ đêm trước rồi dần dà tôi được biết hẳn là đảng viên dự bị ở miền Phúc Thọ, gần thị xã Sơn Tây. Mặt hẳn bèn bẹt, đôi mắt hẳn hí lại, ti hí mắt lươn, trước đây hẳn đã từng làm kép hát và nay làm nghề thợ may. Vì được bảo đảm bởi tư cách đảng viên, hơn thế lại được nhận công tác làm kinh tài trong vùng chiếm đóng nên y vẫn thường xuôi về Hà Nội để đi xem hát cải lương và do đó, căn cứ vào chỉ thị của Đảng, hẳn đã đem cái nghề mọn của hẳn là nghề hát cải lương để phục vụ đường lối của Đảng trong phong trào hạ bộ Nguyễn Tường Tam.

Hình ảnh của đêm trăng đó với tên cán bộ kép hát và điệu vọng cổ tuyên truyền của hẳn đã gây ra trong trí óc tôi một ấn tượng rất sâu đậm về tính cách kịch cỡm, ngu độn và buồn nôn của những kẻ đã bất chấp lý trí và lương tri của con người để bôi nhọ những người mà chúng coi là địch thủ chỉ vì không đi chung đường lối, không chịu khuất phục chúng.

Tuy nhiên có một điều khiến tôi không khinh gã cán bộ kép hát mà chỉ thương hại cho hẳn là vì hẳn đã không hiểu việc hẳn làm, không biết hết những điều hẳn nói. Chẳng qua hẳn ngêu ngao mấy câu vọng cổ bôi nhọ Nguyễn Tường Tam là vì hẳn muốn tăng công với Đảng. Chứ thực tình nếu biết đến nơi đến chốn, có lẽ hẳn phải tự thẹn vì mấy câu hát xuyên tạc một cách

vô ý thức trong đêm đó. Tôi biết rõ như thế là vì trong một đêm trăng sông sau đó, tôi đã cùng hẳn và một vài cán bộ học vấn đi dạo chơi ngoài cánh đồng; khi bước lên bãi cỏ dịu mượt dưới ánh trăng chính gã cán bộ kếp hát kèm thợ may, trong một phút xúc cảm trước cảnh thiên nhiên đã bắt giác ngâm lên mấy câu thơ của Vũ Hoàng Chương trong bài “Dâng tình”:

“... Đường xanh bóng trăng  
Lửa đào tung bay pháp phối  
Giai nhân ôi xin đừng gót lại!”

Tôi đã đoán biết rằng gã có một tâm hồn văn nghệ cho nên sau khi gọi ra cho gã đi sâu vào câu chuyện thơ tôi mới đem những tác phẩm của Tự lực Văn đoàn – nhất là mấy tác phẩm chính của Nhất Linh – ra hỏi ý kiến gã. Thì quả nhiên gã như xuất thần say sưa, hoa chân múa tay tán thưởng từ nội dung đến văn chương của những tác phẩm như *Gánh hàng hoa*, *Nửa chừng xuân* và nhất là *Lạnh lùng*, *Đoạn tuyệt* và *Bướm trắng*. Để gã thao thao bất tuyệt một hồi lâu rồi tôi mới hỏi:

“Thế qua tất cả những tiểu thuyết đó của Tự lực Văn đoàn, đặc biệt là của Khái Hưng và Nhất Linh, đồng chí nhận thấy có khuynh hướng gì?”

Gã cán bộ tuy cảm thấy nhưng không thể diễn tả hết ra lời được. Thấy thế tôi khơi mào hỏi:

“Ý muốn của Nhất Linh và Khái Hưng là phá bỏ tất cả những cái gì lạc hậu, xấu xa, giả dối trong chế độ gia đình và xã hội cũ để tạo lập nên một xã hội mới theo một tinh thần mới trong đó con người được giải phóng và tự do hơn, đồng chí có nghĩ như thế không?”

Gã cán bộ vỗ tay reo lên:

“Phải rồi! Chính tôi cũng nhận thấy như thế nhưng không nói ra được.”

Tôi lại hỏi:

“Theo đồng chí thì phá bỏ cái cũ để kiến tạo cái mới cho thích hợp với sự tiến bộ của loài người, như thế có phải là cách mạng không?”

Người cán bộ đáp không suy nghĩ:

“Thế đúng là cách mạng chứ!”

Cuối cùng trước khi ra về tôi ghé tai bảo thăm gã cán bộ kếp hát:

“Nhất Linh là Nguyễn Tường Tam đấy, đồng chí có biết không?”

Gã lặng người không đáp. Và từ hôm ấy cho đến ngày chia tay, gã trở nên ít nói, thỉnh thoảng chỉ nhìn trộm tôi với tất cả vẻ ngượng ngập trong ánh mắt.

\*\*\*

Câu chuyện trên đây tôi nhớ như mới xảy ra ngày hôm qua. Từ đó đến nay tôi đã được nghe

hoặc được đọc khá nhiều những luận điệu chê bai, chỉ trích hoặc bôi nhọ Nguyễn Tường Tam phát ra từ miệng những kẻ không phải là đảng viên cộng sản mà cũng chẳng phải là kếp hát. Nhưng nếu so sánh với gã cán bộ vùng Tề năm nọ thì những kẻ sau này còn đáng phỉ nhổ hơn nhiều: người công nhân yêu chuộng văn nghệ vùng Phúc Thọ có lương tri vì đã biết tỏ ra hổ thẹn khi thấy là mình lầm trong khi có biết bao nhiêu kẻ khác – tuy vẫn tự vỗ ngực là chiến sĩ quốc gia, dân tộc vì tự do mà chống cộng – nhưng chúng đã không từ một hành vi xảo quỷ nào, không kiêng một lời lẽ hạ tiện nào để bôi nhọ nhằm hạ uy tín của một văn hào, một chiến sĩ đã dám hy sinh cả cuộc đời mình cho lý tưởng duy nhất là đem lại tự do và hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam.

Từ cuối năm 1949 cho đến hết năm 1950, với tư cách là một cán bộ huấn luyện công tác địch vận, tôi đã có cơ hội được đặt chân đến rất nhiều miền quê ở trung châu và thượng du Bắc Việt. Nhờ đó chính tôi đã được mắt thấy tai nghe muôn vàn thảm cảnh của đồng bào, những thảm cảnh do chiến tranh gây nên cũng có mà do chính quyền Cộng sản tạo ra cũng có. Sau khi lệnh tổng đảng viên nhân lực vật lực và tài lực được ban bố và thi hành thì nhân dân – nhất là nông dân – hầu như tuyệt cả đường sống, nhất là những nông dân sống sát miền địch chiếm đóng. Vào một chiều đông năm 1949, nhân một chuyến đi công tác tôi ghé qua một căn lều của một gia đình nông dân dựng tạm lên dưới chân một ngọn đồi hẻo lánh thuộc một làng ven sông Hồng gần Hưng Hoá. Cảnh sống xơ xác, kinh hoàng của gia đình này cũng là cảnh sống đầy đoạ vất vưởng của đa số nông dân miền Bắc hồi đó. Thế rồi khi chia tay, người nông dân bùi ngùi đến rơi lệ mà bảo với tôi rằng:

“Các ông ở Hà Nội thì mai kia còn có Hà Nội mà về chứ như chúng cháu đây thì không biết về đâu mà sống được?”

Sau đó có những đêm dài trần trọc tôi nhớ lại lời của Ninh đã nói với tôi trước mặt Khải Hưng trên căn gác 80 Quan Thánh vào một buổi sáng mùa xuân năm Bính Tuất:

*“Nếu cuộc tranh đấu đi đến nội chiến thì máu đồng bào và cán bộ ta sẽ phải chảy rất nhiều, hậu quả sẽ tai hại không biết thế nào mà lường được...”*

Lời nói đó bây giờ đây tôi mới nhận thức được cái ý nghĩa chính xác và cao cả của nó. Thì ra tấm lòng yêu nước thương đồng bào đã là động cơ duy nhất thúc đẩy Nguyễn Tường Tam vào con đường đấu tranh cách mạng: không lúc nào Anh để cho tinh thần đó bị xóa nhòa bởi những thủ đoạn chính trị giai đoạn. Trong Anh không thể có sự phân biệt giữa phương tiện và cứu cánh: bất cứ thủ đoạn nào, bất cứ phương tiện nào dù cho nó mang lại thắng lợi cho cá nhân hoặc đoàn thể mà đi ngược lại với quyền lợi và hạnh phúc của dân tộc cũng đều bị Anh gạt bỏ. Rõ rệt là trong con người cách mạng Nguyễn Tường Tam người ta vẫn nhận thấy cốt cách, tâm não của con người văn nghệ Nhất Linh.

Trở lại với hiện tình đấu tranh của bản thân mình, tôi không lúc nào quên lời nói của người tài liệu và lời than thở nghẹn ngào qua ánh lệ của người nông dân miền Hưng Hoá rồi tôi tự hỏi không biết có nên cứ bám mãi vào cái danh nghĩa kháng chiến hư huyền này không? Và bên kia vành đai trắng, trong miền chiếm đóng, có ai là người còn nghĩ đến cái thảm cảnh của người dân ngoài này đeo nặng trên tâm hồn và thể xác cái gông cùm áp bức nô lệ được tô vẽ bằng danh nghĩa kháng chiến chăng?

Tâm sự này có lần tôi đã thổ lộ ra bằng những lời thơ qua những cuộc rượu thâu đêm trong một quán vắng bên sông Đáy kể cận vùng địch chiếm:

*Đêm nay sủng rộ giang biên  
Lờ mờ binh hoả kì miền Thăng Long  
Không sang chẳng tại cách sông  
Đây chưa là bến đày không có bờ  
Đêm nay có một con đò  
Bơ vơ bến lạ, quanh co sông người.*

Rồi, trong những lúc canh tà bóng xế ngồi một mình trên căn nhà sàn giữa xóm Mường Bá Trại tôi dở cuốn sổ tay ra đọc lại những lời lẽ mà Nguyễn Tường Tam từ bên kia biên giới đã gửi về cho các đồng chí trong nước hồi tháng 1 năm 1945, trước ngày Nhật đảo chính Pháp đúng 2 tháng:

*Cùng hết thầy các bạn chiến đấu,*

*Sau mấy năm cách mặt, đến giờ mới có cơ hội gửi lời thăm hết thầy các bạn xa gần, già trẻ, biết hay không biết nhưng đã cùng tôi trong mấy lâu chiến đấu dưới một lá cờ, phụng sự một lý tưởng: cứu nước và duy trì nòi giống, đưa dân tộc đến chỗ vinh quang. Thời giờ thật là khẩn cấp, chiến tranh biên giới sắp đến hồi quyết định sự hưng vong của nòi giống Đại Việt ta là ở lúc này đây. Mong anh em ra tâm phấn đấu, dốc hết sức lực ra để làm cho Đảng chúng ta mạnh mẽ gấp mười trước, có thể đối phó với thời cuộc, đem lại cho nước ta sự độc lập ao ước bao lâu. Ở trong nước hy vọng đặt cả vào anh em. Ở ngoài này chúng tôi xin nỗ lực cho khỏi phụ lòng anh mong mỏi. Ở ngoài, ở trong cùng hết sức để rồi có ngày kia bắt tay nhau trên đất nước nhà trong cái không khí tung bừng của ngày Quốc hội: ngày đầu tiên của nước Đại Việt độc lập.*

*Vân Nam, ngày 17-1-1945*

*Tường Tam*

Niềm hy vọng mãnh liệt chứa chan của Nguyễn Tường Tam bốc toả lên qua mấy lời hiệu triệu trên đây, theo tôi nghĩ, có thể được ghi lại như một sức khoẻ lịch sử tiêu biểu cho tinh thần ham chuộng Tự Do của thực tế dân tộc trong một giai đoạn đầy hào hứng và phấn khởi ít thấy trong lịch sử. Nhưng than ôi! Khát vọng đó của Nguyễn Tường Tam cũng như của cả một dân tộc đã bị cộng sản bóp chết ngay từ chớm nở. Và, nếu những lãnh tụ các lực lượng quốc gia được thấy tận mắt cái cảnh thảm khốc ngày nay mà dân tộc đang phải chịu thì chắc chắn là vào hồi đầu năm 1946 họ đã ít dè dặt hơn trước viễn tượng một cuộc nội chiến.

Trước kia tôi đã cương nghị phản đối mọi thoả hiệp với cộng sản thì giờ đây, sau bao kinh nghiệm bản thân, tôi lại càng kiên quyết cho rằng lý tưởng Tự do Độc lập và Hạnh phúc Dân tộc không phải là hoàn toàn chỉ nhờ vào thiện chí và quyết tâm mà đủ: nếu chỉ vì sợ phương hại đến đoàn kết mà chịu nhân nhượng cả với bọn gian tham quỷ quyệt độc ác bạo tàn thì còn tệ hại hơn cả sự đầu hàng kẻ địch. Qua ngót một thế kỷ Pháp thuộc chúng ta há chẳng nhận thấy rằng cường hào, quan lại, phong kiến còn đáng sợ hơn Thực dân và từ sau ngày cộng sản nắm được chính quyền thì Cộng sản lại còn đáng sợ hơn quan lại, phong kiến. Muốn có một đĩa trứng trứng ngon lành tất nhiên phải đập vỡ quả trứng tròn đẹp; bởi vậy trong thâm tâm tôi

vẫn hy vọng rằng rồi ra thực tế sẽ tài bồi cho Mặt trận Thống nhất Toàn lực của Nguyễn Tường Tam thêm nhiều kinh nghiệm tranh đấu. Tôi tin tưởng ở sự thành công của đoàn thể Đại Việt Dân Chính vì ngay trong hàng ngũ kháng chiến lúc bấy giờ hiện còn có biết bao nhiêu phần tử trí thức đã – hoặc nhiều hoặc ít, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp – chịu sự chi phối của đoàn thể đó, tỉ dụ như Dương Đức Hiền hồi đó là lãnh tụ Đảng Dân chủ dưới sự kiểm chế của Đảng Cộng sản Đông Dương, trước ngày 19-8-1945 chính là Trưởng ban Thanh niên Tiên tuyến của Đại Việt Dân Chính. Tất cả những người bạn đồng cảnh đó của tôi trong kháng chiến chắc cũng phải có những giờ phút sống tâm trạng khắc khoải của một kẻ lạc ngũ như tôi. Mấy năm sau, khi đã rời bỏ hàng ngũ kháng chiến để trở về thành, tôi mới được anh bạn Lý Thắng đưa cho xem một bức thư – đúng hơn là một mẫu giấy chỉ bằng bàn tay – do chính Nguyễn Tường Tam viết cho Dương Đức Hiền nhưng tên người nhận chỉ được viết tắt là H..., nguyên văn như sau:

*Anh H...*

*Từ lúc chúng mình đứng trước lá cờ của Đảng, lúc nào tôi cũng tin tưởng ở anh và chứa chan hy vọng ở anh, một chiến đấu viên có thể làm vinh dự cho Đảng, cho nước. Sau một hồi yên lặng bắt buộc vì tình thế, lại mong anh gia nhập hàng ngũ để cùng anh em khác chiến đấu, để nâng dất các anh em khác, gây cho Đảng Đại Việt ta một sức cứng như thép, đủ đối phó với thời cuộc rất khẩn cấp hiện nay. Mọi việc anh thương thảo với R... rồi hành động ngay đi. Tôi ở ngoài này đợi tin anh và tôi chắc không bao lâu sẽ vui mừng, thấy anh, trước cũng như sau, bao giờ cũng là chiến đấu viên trung thành của Đảng và dự một phần vào công việc tăng thêm sức cho Đảng, đã quyết tâm hy sinh, đã biết lý tưởng của chúng ta là đúng thì hăng hái theo cho đến cùng, đến khi cứu được nòi giống ra khỏi vùng áp bức nô lệ.*

*Bạn chiến đấu của anh*

*Tường Tam*

Mấy dòng chữ có quan hệ lịch sử này cho tới nay vẫn chưa đến tay người nhận. Và, trong giờ phút mà tôi viết ra mấy lời hoài niệm này, tác giả bức thư – Nguyễn Tường Tam – cùng người nhận thư – Dương Đức Hiền – đều đã nằm sâu dưới đáy mộ, một ở miền Nam và một ở miền Bắc. Câu chuyện thương tâm trên đây có thể coi là một điển hình cho cả một thời đại bi đát mà dân tộc ta đã trải qua trong mười lăm năm gần đây: có những người bạn đồng chí cùng nhau nguyện thề dưới một lá cờ để phụng sự một lý tưởng mà rồi đến nước phải sống xa nhau như âm dương cách trở, những dòng chữ chuyển đạt tâm tư được gửi đi mà không đến tay người nhận và rút cục mỗi người phải nhắm mắt lìa đời ở một phương trời, mang theo cả tâm sự ngàn đời xuống đáy mồ khép kín.

Người xưa có câu “Cái quan định luận”, nghĩa là sau khi đập nắp quan tài mới định rõ được giá trị chân xác của cuộc đời một người. Nhưng trong trường hợp Nguyễn Tường Tam và Dương Đức Hiền – cũng như trường hợp của trăm ngàn chiến sĩ vô danh khác đã bỏ mình trong tủi hận vì chính nghĩa dân tộc trong khoảng mười lăm năm nay, - dù cho nắp quan tài đã đóng lại và dù cho cỏ xanh đã phủ kín mộ phần, đã chắc gì thế nhân có thể định luận cho đúng mức được?

\*\*\*

Kể viết mấy hàng hoài niệm này, may mắn đã không phải ở vào hoàn cảnh của Dương Đức Hiền. Vào khoảng đầu năm 1951, khi tôi đã rời bỏ hàng ngũ kháng chiến để hồi cư về Hà Nội được mấy tháng thì thấy các báo đăng tin Nguyễn Tường Tam cũng vừa từ Hương Cảng về nước. Mặc dầu đang ở vào tâm trạng ngỡ ngàng của một kẻ “neo thuyền bến lạ” sau khi đặt chân vào vùng chiếm đóng được mệnh danh là vùng Quốc gia, tôi cũng không nén nổi vui mừng vì thực tâm tôi đặt rất nhiều hy vọng vào sự trở về của Nguyễn Tường Tam: tình thế lúc bấy giờ, về đối nội cũng như đối ngoại, đã lâm vào một trạng thái vô cùng phức tạp, khó xử chứ không còn giản dị như hồi đầu năm 1945 nữa.

Hồi đó Pháp đang dốc toàn lực sang Đông Dương để cố thanh toán cuộc chiến tranh ở Việt Nam, đằng sau Pháp lại có cả Hoa Kỳ và Anh vẫn nỗ lực viện trợ về mọi mặt để Pháp lại được vững chân trên bán đảo Đông Dương: giải pháp Bảo Đại chỉ là một nước sơn rất mỏng không đủ che mặt bất cứ người Việt Nam yêu nước nào. Trong khi đó cộng sản Trung Hoa đã thôn tính trọn lục địa và còn thừa sức để võ trang cho hàng sư đoàn Vệ Quốc quân Việt Nam ngày đêm ùn ùn kéo qua biên giới với chiếc đầu trục lốc và hai bàn tay không để trở về các mặt trận với súng ống tối tân của Tiệp Khắc và Trung cộng. Ngày 6 tháng 1 năm 1950, trước ngày tôi trốn về thành nửa năm, đúng vào lễ kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, tôi đã được nghe một cán bộ Đảng công khai tuyên bố rằng cuộc tổng phản công tất nhiên sẽ phải đến vì một là nước bạn Trung Quốc sẽ dốc toàn lực để giúp chúng ta giải quyết chiến trường Việt Nam, hai là sẽ mở thêm trận tuyến ở một nơi khác để chia sẻ lực lượng của phe Đế quốc: mặt trận thứ hai đó có thể là Triều Tiên.

Bắt đầu trốn về Hà Nội ngày 19 tháng 5 năm 1950 thì sang tháng 6, tôi bàng hoàng nghe tin cuộc chiến tranh Cao Ly bùng nổ. Trước đó tôi không tin vào lời gã cán bộ đảng viên và cho đó chỉ là một luận điệu tuyên truyền hứa hẹn hão để kích lệ dân chúng trong nỗ lực đóng góp cho cuộc tổng phản công. Nhưng giờ đây, lời nói đã trở thành sự thực và cái thế nước lúc bấy giờ có thể tóm tắt như sau:

Hai huy hoàng quân sự và chính trị tương tranh trên dải đất Việt Nam là cộng sản và thực dân: lực lượng Cộng sản Việt Nam có Trung Cộng trực tiếp giúp đỡ là một lực lượng đang lớn mạnh lại được võ trang bằng chính nghĩa kháng chiến cho nên mặc dầu đã được Mỹ và các nước Đồng minh Tây phương giúp dập dủ đường, Pháp không thể nào giải quyết được vấn đề Việt Nam theo ý muốn bằng một giải pháp chính trị hay một cuộc tấn công quân sự. Tuy nhiên người ta không thể đoán được rằng Pháp sẽ chấm dứt cuộc “*sa lầy*” ở Đông Dương bằng phương thức nào. Trước thực trạng đó, những người Việt Nam thật lòng yêu nước khó có thể chấp nhận được một sự hợp tác với thứ chính quyền hữu danh vô thực được mệnh danh là “giải pháp Bảo Đại”, bởi lẽ cái chính quyền quốc gia hồi đó, qua mấy nội các kế tiếp nhau, trong thực chất chỉ là những triều đình tạm bợ gồm toàn những ông tri huyện và đốc phủ cũ, từ xưa vốn chỉ quen với nhiệm vụ thừa hành chứ không hề biết đến chính trị và cách mạng nào hết. Thật đúng với lời một người pháp thời ấy đã định nghĩa triều đình Bảo Đại là triều đình của những “tri huyện còm” (une cour de petits tri huyện).

Chính trong trạng huống bi đát đó mà tôi gặp Nguyễn Tường Tam lần thứ nhì trong đời: gặp trong một bữa tiệc do ông Giám đốc Thông tin Nguyễn Trọng Trạc thiết tại tư thất đường Quan Thánh. Thời ấy những nhà cách mạng hải ngoại trở về đã là những món hàng được giá: người ta muốn có những quân cờ mới, những tài tử mới để mong gọi hứng cho dư luận đã quá chán chường vì không khí tẻ nhạt của sân khấu chính trị trong vùng chiếm đóng. Chính vì lý do đó mà đã có những “*cách mạng gia*” bất đắc dĩ và cũng bất đắc dĩ phải sống cuộc đời lưu vong

trong ít năm khi trở về đã được cả một bầy tay em đầu cơ xoắn lấy, bao vây thật chặt để dùng làm “đầu tàu”, hoặc một món hàng tung ra thị trường chính trị khi cần đến. Bởi vậy, tuy ngồi thiết bị bàn tiệc mà lòng tôi lo ngay ngáy, chỉ sợ Nguyễn Tường Tam cũng sẽ bị lợi dụng, cũng sẽ “điểm mại” cả cuộc đời cách mạng của Anh để lấy một chức Bộ trưởng hoặc Tổng trưởng như sau đó một vài người đã làm. Nhưng may thay, Anh đã tuyên bố rõ rệt và cương quyết ngay trong bữa tiệc với các người thân cũng như trước đó đã tuyên bố với báo chí rằng Anh sẽ không hoạt động chính trị và sẽ quay về với hoạt động văn hoá.

Lời tuyên bố này đã khiến nhiều người hoặc ngạc nhiên hoặc chán nản nhưng riêng tôi, tôi nhận thấy như thế là rất phải. Nguyễn Tường Tam không hề bao giờ làm chính trị và không thể nào làm chính trị được: ANH CHỈ LÀ CON NGƯỜI CỦA VEN, CON NGƯỜI CỦA CÁCH MẠNG. Văn nghệ và Cách mạng có những tương quan rất chặt chẽ như môi với răng nhưng Cách mạng không thể là Chính trị. Cho nên lúc bấy giờ tôi tin tưởng rằng Nguyễn Tường Tam không làm chính trị nhưng sẽ vẫn làm cách mạng.

Cho đến lúc từ giã nhau sau bữa tiệc, Nguyễn Tường Tam vẫn không nhận ra tôi là một đồng chí cũ của Anh; còn tôi, tôi vẫn yên lặng theo dõi hành vi của người lãnh tụ.

\*\*\*

Sau khi di cư vào Nam tôi cũng không hề tìm gặp lại Nguyễn Tường Tam mặc dầu giữa chúng tôi vẫn có những sự tương quan qua trung gian của người khác. Cho đến mùa đông năm 1957 tôi đã theo chân một vài người bạn văn tìm đến thăm Nguyễn Tường Tam tại một biệt thự ở Đà Lạt vào đúng đêm Giáng sinh: Anh nói chuyện về phong lan cho chúng tôi nghe trong một gian phòng rộng có bày đầy những chậu lan quý. Tôi vốn tính không ưa những trò tỉ mỉ như chơi hoa và nuôi chim, có lẽ vì cái óc thực tế tạo ra do cuộc đời nghèo khổ của tôi từ tám bé và do cả những tao ngộ bi đát trong những năm hoạt động cách mạng và kháng chiến. Hơn thế, đối với tôi lan là một thứ hoa vương giả, phải mất nhiều công phu tìm kiếm, vun tưới, chăm sóc thì mới đâm hoa đượ. Cho nên trong buổi tối đó tôi đã không chú ý lắm vào câu chuyện phong lan của Anh. Và tôi lại lấy làm lạ là sao một người như Anh mà lại đi tiêu phí thời giờ vào một thú chơi vương giả đó. Nhưng sau này tôi mới biết là tôi đã xét đoán một cách vội vã, nông nổi.

Sang năm 1958, Nguyễn Tường Tam từ giã toà biệt thự hoang lạnh trên Đà Lạt và tạm đoạn tuyệt với cái thú chơi lan để về Sài Gòn cùng một số văn hữu bắt tay vào hoạt động văn nghệ. Do lời đề nghị khẩn thiết của Đỗ Đức Thu và tôi, Anh nhận làm Cố vấn cho Trung tâm Văn Bút Quốc tế tại Việt Nam vừa được thành lập và công nhận trong hội nghị quốc tế tại Đông Kinh vào tháng 9 năm 1957. Đồng thời Anh cũng sửa soạn cho ra đời tạp chí *Văn hoá ngày nay* với sự cộng tác của một nhóm văn hữu trong nhóm Phượng Giang. Và từ đó, Nguyễn Tường Tam cùng tôi đã trở thành đôi bạn văn khá mật thiết: trong suốt mấy năm trời không mấy ngày là chúng tôi không gặp nhau nhưng tuyệt nhiên tôi vẫn không để Anh hay biết việc tôi đã từng hoạt động cách mạng cùng trong một đoàn thể với Anh trước đây.

Kể ra thì cũng khá kỳ thú! Tôi bắt đầu say mê Nhất Linh qua văn nghệ, kể đó tôi gặp Nguyễn Tường Tam trên con đường tranh đấu cách mạng để rồi cuối cùng tôi lại trở thành người bạn của Anh trong văn nghệ.

Còn nhớ hồi tôi còn ở trên một căn gác hẹp trong xóm Vườn Chuối, Anh cùng Đỗ Đức Thu tìm quanh co suốt cả buổi sau cùng lần mò đến được chỗ tôi ngụ thì tôi lại đi vắng. Hôm sau gặp

tôi, anh kể lại nỗi khổ đi tìm nhà trong khu Bàn Cờ rồi cười mà bảo tôi:

“Để cho bạn hữu dễ tìm thiết tưởng anh nên trưng lên trước căn gác một tấm biển để bốn chữ “Quân tử cư chi” như thế có lẽ tiện hơn.”

Tôi cũng cười đáp:

“Tôi sợ nếu làm thế thì các anh lại càng khó tìm hơn vì trong thời đại này của chính mình một thằng ăn cắp cũng vẫn dám tự xưng là quân tử với tất cả những biểu tượng kên kiệu thì mấy chữ trong *Luận ngữ* có nghĩa gì đâu, nhất là tôi lại ở ngay cạnh chợ Vườn Chuối lắm kẻ cắp lắm.”

Sau một thời gian ngắn tạm trú tại căn phòng tồi tàn dành cho bồi bếp trong toà biệt thự của một người thân đường Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Tường Tam trở về với gia đình tại căn gác ngay giữa chợ An Đông. Thật là một sự tình cờ có lẽ đã khiến xui Anh cũng như tôi, hai người vốn ưa tính mịch mà lại cùng phải ở vào giữa cảnh ồn ào của hai khu chợ náo nhiệt và bần thiêu vào bậc nhất của thành phố Sài Gòn. Nhưng có điều khác với câu ngạn ngữ Tàu “*Bản cư trung thị vô nhân vấn*”, từ sau ngày anh có ngụ sở nhất định rồi thì anh em văn hữu cũng dễ dàng tìm gặp.

Ở gần Nguyễn Tường Tam lâu ngày, dần dà tôi mới nhận thấy tất cả những điểm đáng mến trong con người của Anh. Cuộc sống của anh rất giản dị về mặt vật chất và rất thuần phác cởi mở về mặt tinh thần. Khi nói chuyện tiếng nói của anh chỉ vừa đủ nghe và có những câu trào phúng rất ý nhị, anh nói ra bằng một giọng điệu và vẻ mặt thản nhiên khiến người kém thông minh không thể nhận ngay ra được là một câu khôi hài. Còn nhớ trong một cuộc họp mặt với một nhóm văn hữu tại trụ sở Trung tâm Văn Bút ở đường Phan Đình Phùng nhân bàn về kỹ thuật sân khấu của hai môn chèo và kịch, Anh có nói ra một câu khôi hài khiến mọi người phải ôm bụng cười, trong khi đó mặt Anh vẫn thản nhiên như không.

Vũ Khắc Khoan hỏi Vũ Huy Chấn về nghệ thuật xếp đặt sân khấu trong một buổi hát chèo:

“Bây giờ không nói đến cách trang trí trong một rạp, tôi chỉ cần hỏi xem trong một tối hát chèo ở sân đình hoặc trên một mô đất dùng làm sân khấu chẳng hạn thì có cái gì ngăn cách phòng hoá trang của đào kép với sân khấu không? Tôi nghĩ ít ra cũng phải có một manh chiếu hay một tấm phen chứ. Nếu không thì tài tử ở đâu mà chui ra?”

Sau câu hỏi này Vũ Huy Chấn chưa kịp đáp thì Nguyễn Tường Tam đã nghiêm mặt giơ tay nói một cách trịnh trọng:

“Ấy chết! Xin các anh giữ mồm giữ miệng: ở đây không nói chuyện chính trị!”

Tôi nghe câu ấy không thể nhịn được cười phá ra! Chẳng là hồi đó mấy ông bà dân biểu vừa tranh luận rất gay go tại Quốc hội về vấn đề “nam nữ bình quyền” và một bà dân biểu đã trắng trợn nói ra trên diễn đàn Quốc hội câu hỏi bất hủ: “Nếu không có đàn bà thì đàn ông ở đâu mà chui ra?”, câu này đã được đăng trên khắp các báo. Mấy tiếng “ở đâu mà chui ra” của Vũ Khắc Khoan vô tình đã trở thành đề tài cho lời nói khôi hài của Anh.

Trong mấy năm liền, có những buổi chiều Anh ngồi đeo sau chiếc xe Lambretta của tôi để dạo



chơi khắp nơi trong thành phố: chúng tôi có thói quen vừa ngồi trên xe như vậy vừa nói chuyện chứ không chịu ghé vào nhà ai cả. Thấy thế có những văn hữu sợ Anh tuổi già đa bệnh ngồi xe như thế sẽ dễ mỏi và nguy hiểm nên ngờ ý muốn nhường xe hơi cho Anh dùng nhưng Anh một mực từ chối, cho rằng ngồi sau xi-cút-tơ thoáng mát hơn. Bởi thế một văn hữu đã gọi Anh là “*người ngồi sau xe xi-cút-tơ*”. Ngồi đeo sau xe “xi-cút-tơ” do tôi lái, Anh thường nghiêm khắc chê trách tôi hai tật: một là đi quá nhanh và hai là không chú ý đến bên tay trái mỗi khi qua ngã tư mà chỉ chú tâm nhường tay phải. Tôi tự bào chữa:

“Chỉ cần chú trọng đến những xe bên tay phải vì họ có quyền ưu tiên. Đến như các xe cộ bên tay trái thì họ phải nhường mình chứ.”

Anh cười khẩy đáp:

Anh tin tưởng như thế thì có ngày hai chúng mình vào nhà thương mất thôi vì trong đời chính những kẻ đáng lý ra không có quyền hại mình chúng mới hay gây hại cho mình.

Giờ đây Nguyễn Tường Tam không còn nữa! Cái chết của Anh sẽ có Lịch sử ghi lại hậu thế phê phán cho nên ở đây tôi chỉ muốn ghi lại những kỷ niệm cùng với những cảm xúc chân thành của cá nhân tôi với niềm hy vọng nói lên tiếng nói của một nhân chứng. Những lời ai điếu Nguyễn Tường Tam trước quan tài trong giờ mai táng, hoặc do chiến hữu, hoặc do văn hữu, hoặc do thanh niên và sinh viên lớp trẻ đã thốt ra đã đủ là những tài liệu chứng minh giá trị của một cái chết.

Mấy tuần gần đây, sau ngày đi theo linh cửu anh đến nơi an nghỉ cuối cùng, có những buổi sáng bừng mắt dậy trước những luồng nắng sớm chan hoà qua song cửa, tôi giật mình tưởng tượng ra về mặt mệt mỏi với đôi mắt sâu thẳm trên đôi vai gầy guộc với thân hình dong dỏng cao của Anh hiện ra qua khung cửa gỗ. Trong mấy năm qua Anh thường đến chơi thăm tôi trong những giờ rất sớm vào buổi sáng; có khi tôi hãy còn mê man trong giấc ngủ, bừng mắt dậy đã thấy Anh đứng ngay trên đầu đi-văng tôi nằm.

Thế rồi khi chợt nhớ ra rằng Anh đã chết tôi không khỏi bàng hoàng tự hỏi không biết rằng thực Anh đã chết hay là Anh chỉ mới bắt đầu đi vào một Cõi Sống khác, cực lạc và bất diệt khác hẳn với cái thế giới Ta Bà đầy khổ não bất công này?

Và rồi tôi không khỏi nhớ lại những lời của Lỗ Tấn mà tôi xin dùng làm đoạn kết cho mấy dòng tâm sự hoà niệm này:

*Tôi thường thấy rằng giữa chính trị và văn nghệ vẫn có sự xung đột. Văn nghệ cùng với Cách mạng vốn dĩ không có gì tương phản nhau, trái lại giữa hai cái đó vẫn có sự đồng nhất về điểm bằng lòng ở hiện trạng.*

*Duy có chính trị là muốn duy trì hiện trạng nên chính trị cùng với văn nghệ (cái thứ văn nghệ không lúc nào thấy yên ở hiện trạng) tự nhiên không cùng một phương hướng là do đó...*

*Loài người vốn rất thích xem kịch cho nên các nhà văn nghệ tự dần thân ra làm kịch cho người ta xem. Hoặc họ bị trói tay, chặt đầu dưới trướng; hoặc họ phải chết gục dưới chân tường, đó đều là để làm cho Nhân loại náo nhiệt lên một chút mà thôi. Như ở Thượng Hải lính cảnh sát dùng dùi cui đánh người, ai nấy đều quay tròn chung quanh để xem. Tuy chính họ không ưa cái*

việc đánh người như thế nhưng khi xem người khác bị đánh đập, áp bức, con người cũng sớm hiểu được đôi chút cái thân phận của mình”.

Cho nên cùng với cái chết của Nguyễn Tường Tam, thế nhân chúng ta đã hơn một lần được xem những bậc tiên giác dùng chính thân họ ra để giác ngộ người đời.

Nhưng người đời đã thực sự được giác ngộ chưa?

*Sài Gòn, một ngày mưa tháng Năm năm Quý Mão (1963)*

Nguồn: Văn. Tập san Văn chương – Tư tưởng – Nghệ thuật. Năm thứ Bảy, số 156, ra ngày 15 tháng 6 năm 1970. Toà soạn và trị sự: 38, Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. ĐT: 23.595. Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/NĐ, ngày 4-12-1963. Bìa 1 số này: Chân dung Nhất Linh, vẽ bởi Nguyễn Gia Trí. Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút). Thư từ, bản thảo đề tên ông Trần Phong Giao (thư ký toà soạn). Giao thiệp trực tiếp ông Gia Tuấn (phụ tá thư ký toà soạn). In tại nhà in riêng của báo Văn. Quản lý: cô Nguyễn Thị Tuấn. Giá 280đ. [Chúng tôi nhập liệu nguyên văn từ trang 1 đến trang 78, tập san này dày 125 trang, có bỏ một vài bản tin rao vặt, quảng cáo sách]. Bản điện tử do talawas thực hiện.

\*\*\*

### **3 - Trần Văn Bang** **Bệnh tật và cái chết của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam**

*Bài dưới đây là một chương trích trong cuốn sách nhan đề Bệnh tật và cái chết của các văn gia thi gia... Sách thuộc loại “lịch sử y học”, một môn học mới được công nhận tại Y khoa Đại học Sài Gòn, mà tác giả là giảng sư.*

#### **I. Thân thế và sự nghiệp văn chương**

1. Thân thế: Sinh ngày 25 tháng 7 năm Bính Ngọ (1906) tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Bắc Việt. Ông bà nội gốc người Cẩm Phô, Quảng Nam, ông bà ngoại người gốc Huế. Vì làm tri huyện ở Cẩm Giàng, Hải Dương nên dời gia đình ra đây. Chết ngày 7-7-1963, tại Sài Gòn.
2. Văn nghiệp: Chúng ta có thể chia các tác phẩm của Nhất Linh ra các loại:
  1. Tiểu thuyết lý tưởng: *Nho phong* (1924), *Quay tơ* (1925).
  2. Tiểu thuyết tranh đấu xã hội: *Đoạn tuyệt* (1935), *Lạnh lùng* (1937), *Đôi bạn* (1938).
  3. Tiểu thuyết tâm lý: *Bướm trắng* (1941), *Nắng thu* (1942), *Dòng sông Thanh Thủy*, *Ba người lữ hành* (1960), *Chi bộ hai người* (1960-1961), *Vọng quốc* (1961), *Sống dở dang*, *Hai buổi chiều vàng*, *Đi Tây* (du ký vui).
  4. Viết chung với Khải Hưng: *Anh phải sống*, *Gánh hàng hoa* (1934), *Đời mưa gió* (1934); và một số tác phẩm đang soạn chưa xuất bản.

#### **II. Bệnh tật và cái chết của Nhất Linh**

Để tìm hiểu bệnh trạng và cái chết của Nhất Linh, chúng tôi đã tiếp xúc với gia đình Nhất Linh: Bà Nguyễn Tường Tam, con trai út của ông là Nguyễn Tường Thiết, cùng Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm vừa là bạn thân vừa là thầy thuốc của Nhất Linh lúc sinh thời, đặc biệt hơn nữa Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm đã theo dõi từng phút cái chết của Nhất Linh và đã giúp chúng tôi những tài

liệu y học xác thực.

Nguyễn Tường Tam cao 1m67, nặng 55kg, dáng người mảnh khảnh, mặt sáng, trán rộng, tính tình điềm đạm ít nói, hay suy tư. Ông có tật nghiện thuốc lá hiệu Bastos xanh, mỗi ngày thanh bình phải hai gói, thích uống rượu Tây đủ loại từ Whisky đến Cognac, bia v.v..., nhiều lần ông cố bỏ nhưng sau lại uống. Theo một vài người bạn, có hồi ông hút thuốc phiện sau lại bỏ.

Tuy dáng người không vạm vỡ, nhưng ông không hay đau ốm. Ngày 6-7-1963 ông nhận được giấy đòi phải trình diện tại Tiểu đội Hiến binh số 635 Nguyễn Trãi, Sài Gòn và được biết sáng thứ hai 8-7-1963 phải ra Tòa vì tội tham gia cuộc đảo chính 11-11-1960.

Ông đã có ý định tự tử để có tiếng vang trong quần chúng hầu thúc đẩy cuộc cách mạng chống Ngô Đình Diệm; ông đã chuẩn bị cái chết và đã viết di ngôn từ sáng chủ nhật 7-7-1963, theo ý ông, tự tử ngày "song thất" là đem cái nhục cho họ Ngô.

Ông đã có ý định tự tử ít nhất là một tuần lễ trước ngày 7-7-1963. Vì chủ nhật trước ông có tới dự buổi họp của Văn Bút (hình như là để vĩnh biệt các văn hữu) và có chụp ảnh để kỷ niệm, lúc 4 giờ chiều chủ nhật 7-7-1963, Nhất Linh ngồi nói chuyện với các con và uống rượu Whisky Jonnhie Walker, con trai ông là Nguyễn Tường Triệu tỏ vẻ ngạc nhiên tưởng ông uống để quên sự thế, nào ngờ ông vừa uống rượu vừa uống thêm độc dược để đi tìm cái chết để khỏi phải toà án loài người xét xử mình.

Năm giờ chiều, Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm được mời đến thì Nhất Linh đã mê man, hơi thở đã yếu. Đem vào Bệnh viện Grall chạy chữa nhưng đến 1 giờ 15 sáng thì Nhất Linh đã trút hơi thở cuối cùng.

Từ lúc uống thuốc ngủ đến lúc chết thật sự chỉ vồn vện chín giờ. Tất nhiên ông đã uống rất nhiều thuốc ngủ và cách uống cũng thật khoa học nên mới đem lại một cái chết mau chóng như thế.

Theo kết quả phân chất nước tiểu của Nhất Linh có rất nhiều thuốc ngủ (Barbituriques) loại Vénoral.

Nhất Linh mất trong đêm 7-7-1963 rạng ngày 8-7-1963, đúng 1 giờ 15 sáng.

Ngay sau khi Nhất Linh mất, chính quyền Ngô Đình Diệm ra lệnh làm một cuộc phẫu nghiệm tử thi (autopsie) mặc dầu không có sự ưng thuận của gia đình, để tìm hiểu nguyên nhân chết thực sự của Nhất Linh.

Sau đây là nguyên văn bản phúc trình kết quả thử nghiệm của Viện Pasteur Sài Gòn dịch ra tiếng Việt:

*Sài Gòn, ngày 15 tháng 7 năm 1963*  
*Số 562/HA*

### **Thử nghiệm độc dược**

Chiếu theo giấy số 13.747, ngày 10-7-1963 của Tòa án Sài Gòn, xin khám nghiệm nước tiểu, máu và nước rửa bao tử của Nguyễn Tường Tam.

*\* Tìm chất độc loại hữu cơ trích ra nhờ hơi nước lôi cuốn:*

- Tìm chất lân tinh: kết quả *không*.
- Tìm chất Cyanure: không *không*.

\* *Tìm chất cặn để lại bởi éther alcalin:*

- Tìm chất alcaloïdes:

1. Phản ứng Valsler và Mayer: kết quả *không*.

2. Phản ứng Dragendorff: kết quả *không*.

\* *Tìm trong chất cặn để lại bởi éther acide:*

- Tìm chất digitaline: kết quả *không*.
- Tìm chất phénol acide salicylique và antipirine: kết quả *không*.

\* *Tìm chất barbiturique (thuốc ngủ):* kết quả *có*.

1. Phản ứng kiểm nhận bằng Nitrat mercureux: cặn trắng, rồi sẫm màu rất lẹ.

2. Phản ứng Dengiès (bằng nước trung cách Sulfate mercurique): kết tủa trắng và keo tan trong acide chlorhydrique.

3. Phản ứng Pari: màu đỏ tím rất đẹp.

4. Kiểm nhận bằng phương pháp microcristalloscopie Dengiès: hiện diện của những mảnh hình chữ nhật riêng rẽ hay chụm lại với nhau.

\* *Kết luận:*

Có hiện diện của chất Barbituriques với một mức độ rất cao trong nước tiểu của Nguyễn Tường Tam.

Sau khi kiểm nhận bằng microcristalloscopie ta có thể kết luận chất barbiturique này là loại Véronal.

Trưởng Phòng Thí nghiệm  
Phạm Văn Tất

Nguyên văn bản kết quả thử nghiệm viết bằng tiếng Pháp:

Sài Gòn, le 15 Juillet 1963  
Số 562/HA

### **Examen Toxicologique**

*Ref:* Demande d'examen No.13.747 du 10-7-1963 du Tribunal de Sài Gòn, concernant l'analyse de l'urine, du sang et du liquide de lavage gastrique de Nguyễn Tường Tam.

\* *Recherche des poisons organiques extraits par entraînement à la vapeur d'eau:*

- Recherche du phosphore: résultat négatif.
- Recherche des cyanures: résultat négatif.

\* *Examen du résidu laissé par l'éther alcalin:*

- *Recherche des alcaloïdes:*

1. Réatif de Valser et Mayer: recherche négative.

2. Réatif de Dragendorff: recherche négative.

\* *Examen du résidu laissé par l'éther acide:*

- Recherche de la digitaline: recherche négative.

- Recherche du phénol, de l'acide salicylique et de l'antipirine: recherche négative.

\* *Recherche des barbituriques:* Recherche positive.

1. Réaction d'identification avec le nitrate mercurieux: précipité blanc, fonçant très rapidement.

2. Réaction de Dengiès (avec la solution neutre de sulfate mercurique): précipité blanc gélatineux, soluble dans l'acide chlorhydrique.

3. Réaction de Pari: belle coloration rouge violacée.

4. Identification par microcristalloscopie (Denigès): lamelles rectangulaires isolées ou groupées.

\* *Conclusion:*

Présence des barbituriques à dose très élevée, dans l'urine de Nguyễn Tường Tam.

Par l'identification par microcristalloscopie, on peut conclure que ce barbiturique est du VERONAL.

Le Directeur du Laboratoire

Singé Phạm Văn Tất

Và sau đây là nguyên văn bản phúc trình pháp lý về cuộc phẩm nghiệm tử thi Nguyễn Tường Tam.

Sài Gòn, ngày 9 tháng 7 năm 1963

### **Bản phúc trình Pháp y về việc phẫu nghiệm tử thi Nguyễn Tường Tam**

Ngày 8-7-1963, hồi 16 giờ tại nhà xác Bệnh viện Grall có sự hiện diện của những vị sau đây:

1. Ông Lưu Đình Việp, Biện lý Toà Sài Gòn.
2. Ông Lý Quốc Sinh, Phó Biện lý Toà Sài Gòn.
3. Ông Dương Tấn Hữu, Phó Ty Cảnh sát quận I.
4. Ông Nguyễn Tứ Quý, Sở Giáo nghiệm.
5. Ông Trương Tấn Bảo, Sở Giáo nghiệm.
6. Bs. Nguyễn Văn Bồn, Y sĩ Chẩn y viện quận I, Y sĩ Giám định.
7. Bs. Nguyễn Đăng Phong, Y sĩ Trưởng Đô thành.
8. Bs. Đào Huy Chân, Y sĩ Chẩn y viện quận III, Y sĩ Giám định.
9. Bs. Nguyễn Danh Đản, Thanh tra Bộ Y tế.
10. Bs. Nguyễn Bình Nghiêm, Đại diện Bộ Y tế.

11. Bs. Nguyễn Huy Can, Giảng viên Trường Đại học Y khoa.
12. Bs. Gourillon, Y sĩ giải phẫu Bệnh viện Grall.

### **Thời gian Nguyễn Tường Tam nằm Bệnh viện Grall**

Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm viết giấy tới khẩn gọi Nguyễn Tường Tam vào Bệnh viện Grall, ngày 7-7-1963, hồi 18 giờ. Có mấy chữ như sau: Toan tử tử (không rõ với chất gì). Khi vào đến bệnh viện thì hơi thở, mạch của bệnh nhân rất yếu cho đến nỗi bác sĩ tưởng đã chết rồi.

Sau khi được chữa trị thì hơi thở và mạch khá hơn chút ít.

Bác sĩ điều trị không thấy triệu chứng của một bệnh nên có nghĩ đến sự tự tử bằng chất độc. Tuy nhiên có tìm chất thuốc ngủ trong nước đái bệnh nhân mà không thấy rõ.

Bệnh nhân tắt thở ngày 8-7-1963 hồi 1 giờ 15 phút.

### **Giảo nghiệm**

Muốn cho chắc rằng tử thi đang khám là của Nguyễn Tường Tam, hội đồng nhờ Sở Giảo nghiệm (hai ông Nguyễn Tứ Quý và Trương Tấn Bảo) chụp hình và lặn ngón tay.

### **Khám tử thi bề ngoài**

Do Bác sĩ Nguyễn Văn Bồn và Đào Huy Chân là hai y sĩ giám định.

Tử thi là một người đàn ông gầy, độ 60 tuổi, râu môi trên và tóc bạc một phần màu muối tiêu.

a. *Đầu*: Cái mặt không có vết thương nào. Trong miệng không có răng giả, con ngươi mở (mydriase). Tìm kỹ nơi da đầu không thấy thương tích.

b. *Cổ*: không có thương tích.

c. *Tay chân*: không có thương tích.

d. *Mình mẩy*: không có thương tích.

Nơi vùng xương khu (vertébres sacrées) có hai mụn lở (escarres) vì gầy yếu và nằm cứng, ngay những đốt xương D3-D4 có bứu mỡ đo 5cm x 3cm.

### **Phẫu nghiệm**

Bác sĩ Nguyễn Văn Bồn giải phẫu. Bác sĩ Đào Huy Chân phụ tá.

1. *Phổi*: Không có bệnh, chỉ đen vì bụi (anthracose). Màng phổi không có chi lạ.

2. *Tim*: Không có bệnh Infarctus. Màng tim không có chi lạ.

3. *Bao tử*: Không có bệnh. Đầy phân nửa thức ăn. Bao tử được cột hai đầu và lấy nguyên ra với thức ăn để tìm chất độc tại Viện Giảo nghiệm.

4. *Gan*: Phía dưới lá gan có một lần chai to (bande scléreuse). Ngoài ra không có bệnh chi cả.

Gan và túi mật cân nặng 1kg120.

5. *Tụy tạng* (pancréas): không có chi lạ.

6. *Lá lách* (rate): có vẻ thường.

7. *Thận*: thận hữu nặng 130gr, thận tả 120gr, không có bệnh.

8. *Tuyến thượng thận* (glandes surrénales): có vẻ thường.

9. *Đầu*: da đầu không có thương tích, xương sọ tốt.

10. *Óc*: không có chảy máu, không có bướu, màng óc (tumeur không có bệnh).

**Tìm chất độc.** – Có gửi đến Viện Giảo nghiệm:

a. Nguyên cái bao tử với thức ăn.

b. 25cc máu lấy trong tim.

c. 30cc nước tiểu lấy trong bọng đái. Nước tiểu có vẻ thường.

d. 4cc nước đầu và xương sống (liquide céphalorachidien).

**Kết luận:**

Với những phương pháp khám nghiệm thông thường tại chỗ, không thấy thi hài có triệu chứng nào có thể giải thích cái chết mau chóng của Nguyễn Tường Tam.

Cần chờ xem kết quả việc tìm kiếm do các phòng và Viện Giảo nghiệm.

Bs. Đào Huy Chân và Bs. Nguyễn Văn Bồn (ký tên)

Và cái kết quả tìm chất độc của Viện Pasteur Sài Gòn do Trưởng Phòng Thí nghiệm Bs. Phạm Văn Tấn xác nhận có chất thuốc ngủ (barbiturique) rất nhiều trong nước tiểu đã giải thích được cái chết của Nhất Linh. Bất cứ trong các vụ tự tử bằng chất thuốc ngủ nào, nếu ta tìm thấy trong nước tiểu có chất barbiturique thì nhất định nạn nhân đã uống thuốc ngủ. Đây là bằng chứng của các vụ tự tử vậy.

**Kết luận**

Về phương diện y học, Nhất Linh đã biết cách tìm một cái chết mau chóng bằng thuốc ngủ pha rượu đến nỗi các y sĩ làm phẫu nghiệm cũng không giải thích nổi cái chết quá mau lẹ của Nhất Linh.

### III. Suy luận về cái chết của Nhất Linh

Nguyễn Tường Tam lúc thiếu thời là một người khỏe mạnh. Tôi có dịp gặp ông ở nhà riêng ông ở phố Hàng Cau Hà Nội hồi ông mới ở Pháp về và tôi còn nhớ hình ảnh và dáng điệu của một người tráng kiện và lanh lợi.

Sau này lúc mới 50 tuổi, sức khỏe của ông đã bị sút kém. Thế Uyên cũng viết: “Tuần trước tháng 11 năm 1960, Nhất Linh là một ông già đau ốm đầy vẻ suy tư” (*Chân dung Nhất Linh*, Tập san Văn xuất bản, SPT số 6/66).

Sao mà ông khỏi ốm được. Mười mấy năm làm văn nghệ không nghỉ, mười mấy năm làm cách mạng, mấy năm lưu lạc, vật chất thì thiếu thốn, tinh thần bị lung lạc. Tất cả những cực nhọc, những lo âu, những thất vọng đã chồng chất lên thể xác ông, tâm thần ông. Tất nhiên sức khỏe ông phải suy yếu.

Hơn nữa, ông cũng như đa số các nhà văn, thích uống rượu, thích hút thuốc, cả thuốc lá lẫn thuốc Lào.

Người ta cho hút thuốc lá, uống rượu là thích thú, hút để giải khuây. Văn sĩ thì lại coi những thứ này như kích thích tố và dùng nó để tăng năng suất hay gây thêm cảm hứng. Nhưng đối với y học thì rượu và thuốc lá, cà-phê không làm tăng năng suất, trái lại, làm giảm trí nhớ, làm cho phản xạ chậm trễ, kém nhạy. Khoa sinh lý thực nghiệm đã nghiên cứu những chất này và coi như là những chất độc có hại cho cơ thể, và giảm thọ con người. Thuốc lá và thuốc Lào cũng vậy, làm hại tim và gây ra bệnh ung thư phổi. Còn rượu thì bất cứ rượu nào, kể cả rượu bia, sau một thời gian có thể sinh ra chứng héo gan, hay là chứng loạn óc, tùy theo phản ứng cơ thể của mỗi người.

Nhiều nhà văn Việt Nam thích uống rượu, nhưng chắc số người nghiện rượu thì ít, họa may có Tản Đà, Nguyễn Tuân; Nguyễn Khuyến ca tụng rượu, di ảnh ông để lại tay cầm chén rượu, nhưng vị tất đã là người nghiện rượu. Còn thanh lý thì đa số người trong nghề viết văn đều nghiện.

Nhất Linh nghiện thuốc lá rất nặng, mỗi ngày hai bao Bastos, ông hút luôn miệng, lại hút cả thuốc Lào. Còn rượu thì chắc ông không nghiện bằng Tản Đà. Không biết ông bắt đầu uống từ năm nào, và uống mỗi ngày bao nhiêu và loại rượu gì. Hình như mấy năm sau ông chỉ uống bia thôi. Có lẽ ông cũng thích uống Whisky, chứng cứ là ngày ông tự tử ông uống Whisky Johnnie Walker.

Tường Hùng, cháu gọi Nhất Linh bằng chú viết trong *Chân dung Nhất Linh* (sđd): “Đã có một dạo cứ buổi chiều Nhất Linh lại say rượu. Nhưng ông uống rượu chỉ để ngủ và lúc say ông chỉ ngồi im nghĩ ngợi trong căn phòng không ánh sáng...”. Mấy năm sau theo Bác sĩ Phiếm thì tinh thần ông kém nhiều và tay ông run (*tremblement des extrémités*). Đây là một triệu chứng của bệnh nghiện rượu.

Thế Uyên, cháu của Nhất Linh, viết trong bài “Người bác” (sđd): “Ông không lên Đà Lạt tu tiên... và bước vào một thời kỳ đau ốm (đau dạ dày) và suy nhược tinh thần. Thỉnh thoảng ông lên cơn loạn trí, đứng trước nhà đường Lý Thái Tổ, móc giấy tờ trong ví đưa cho mọi người, miệng nói lảm nhảm: “Lấy hết đi, xin các ông lấy hết đi. Đừng áp chế tôi!”. Tội nghiệp, các người thân hết sức lo lắng. Chỉ riêng mẹ tôi (mẹ Thế Uyên là em gái Nhất Linh) sau một lần chứng kiến cơn loạn thần kinh về nói riêng với tôi: “Bác điên khôn ghê, chỉ thấy bác đưa vút giấy tờ lảm nhảm, chẳng thấy bác vút tiền cho mẹ con mình nhặt tiêu...”. Rất có thể Nhất Linh giả vờ loạn óc, vì chính quyền Ngô Đình Diệm đang lùng bắt ông. Đây cũng là một lối cải dạng. Ông thích đọc truyện trinh thám và rất quen thuộc với lối cải dạng.

Theo Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm thì Nhất Linh có bệnh thần kinh suy nhược (*neurasthénie*). Ông đã bị ám ảnh tự sát (*obsession par le suicide*). Mấy tháng trước, cũng theo Bác sĩ Phiếm, Nhất Linh cũng đã uống thuốc ngủ tự tử khi ông trốn ở đường Lê Thánh Tôn. Chính Bác sĩ



Phiếm chữa chạy, rửa dạ dày, chích thuốc Strychnine. Số lượng thuốc ngủ uống hồi ấy vì ít, nên ông bình phục ngay và vài hôm sau ông lại đi họp Hội Văn Bút.

Nói tóm lại, trước khi tự tử Nhất Linh đã bị tinh thần suy nhược, chúng tôi không dám phê bình tính cách tranh đấu tiêu cực của ông (theo Bác sĩ Phiếm thì ông bị ảnh hưởng sâu xa của cái chết của Thích Quảng Đức). Nhưng đứng về phương diện y học, thì tự tử với tính cách tiêu cực chứng tỏ là Nhất Linh đã bị khủng hoảng tinh thần.

Nguyên do sự khủng hoảng ấy ở đâu mà ra? Vì thế cuộc chẳng? Nếu muốn tìm lý do y học thì chỉ có bệnh nghiện rượu mới cắt nghĩa được sự khủng hoảng tinh thần ấy. Bệnh rượu của ông khác bệnh rượu của Tản Đà và ông cũng ít uống, không bằng Tản Đà. Tản Đà sau nhiều năm uống rượu, bị đau gan và chỉ ngưng chứ không loạn trí. Còn Nhất Linh tuy thời gian uống rượu ngắn hơn, rượu đã đưa ông đến tình trạng tinh thần suy nhược. Ngoài ra trong tờ trình phẫu nghiệm tử thi, lá gan có một lần chai (bande de sclérose). Đây có lẽ là do ảnh hưởng của rượu.

Ta cũng có thể suy luận một cách khác. Nhất Linh đã tự tử không phải tinh thần ông bị suy nhược. Cái chết của ông có thể có một nguyên nhân sâu xa hơn. Bản chất ông là một nghệ sĩ, ông đã sống một cách nghệ sĩ, làm cách mạng như một nghệ sĩ. Rất có thể ông đã mơ ước một cái chết nghệ sĩ.

Người ta đã kể lại nhiều cái chết nghệ sĩ, như cái “chết đẹp”, cái chết “làm dáng” của người đàn bà phấn son xiêm áo chỉnh tề, rồi chất đầy hoa tươi trong phòng ngủ đóng kín cửa lại cho nghẹt hơi mà tự tử. Cái “chết quý phái” của nhà văn Pétrone thời cổ La Mã, trước khi tự tử đã cho đặt một bữa yến tiệc linh đình rồi cắt mạch máu tay mà chết. Gần đây ai cũng bị xúc động vì cái chết cao siêu của Thích Quảng Đức.

Vì Nhất Linh là một nghệ sĩ, nên rất có thể ông mơ ước tự tử, ông vượt về một cái chết đặc biệt, khác thường, một cái “chết đẹp”.

Trong *Dòng sông Thanh Thủy*, năm 1960 ông đã viết:

“Đời sống chỉ là mơ, niềm vui cũng chỉ là mơ. Thanh tự nghĩ nếu có chết ngay lúc này, nàng sẽ không đau khổ. Hồn nàng sẽ hoá thành một giấc mơ vui rồi khi giấc mơ ấy tan đi là chết, là hết. Nàng chắc cả vũ trụ này đến ngày tận thế cũng vậy, cũng biến thành một nguồn vui bao la rồi cứ thế hoà loãng, tan dần đi trong cái mênh mông của hư vô; không có sự chết, không có sự sống, mà ngay cả đến cái hư vô cũng không có nữa”.

Theo giả thuyết trên đây thì cái chết của Nhất Linh không phải là cái chết “tiêu cực” của một tình trạng tinh thần suy nhược, mà cái chết của ông đã được xếp đặt theo sở cầu của ông. Ông muốn cái chết của ông sẽ đạt hai mục đích:

- Một là mục đích chính trị, ông định tự tử vào ngày “song thất”<sup>[1]</sup> để gây một tiếng vang trên thế giới và đánh một đòn nặng vào chính thể Ngô Đình Diệm.
- Mục đích thứ hai là để thoả mãn cái sở cầu thiên tính nghệ sĩ của ông. Ông vừa uống rượu Whisky vừa uống thuốc ngủ. Phải chăng ông muốn một cái chết say sưa, êm đềm và cũng vui như một giấc mơ của Thanh trong *Dòng sông Thanh Thủy* vậy.

#### IV. Kết luận

Trên đây là những nét chính về bệnh tật của Nhất Linh mà chúng tôi suy luận ra, căn cứ vào

những tài liệu đã xuất bản, và lời chứng của Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm. Những suy luận này rất có thể có điều thiếu sót và sai lầm. Còn cái chết của Nhất Linh là một sự kiện với tất cả những chi tiết chính xác. Tôi thành kính ghi những chi tiết này để gởi vào lịch sử.

\*\*\*

#### 4- Vũ Bằng

##### Nguyễn Tường Tam, một nhà văn “đa bất mãn hoài”

Hình như sự thể đó đã thành ra công lệ. Cái công lệ ấy là phàm viết hồi ký, để tưởng nhớ một người bạn đã khuất, người viết chỉ nhắc đến những cái hay, cái đẹp của bạn chớ ít dám nghĩ đến chuyện phan phui cái dở hay cái kém của bạn mình ra. Thiết tưởng đó là một lẽ thường. Ngày xưa, có người hỏi Đức Khổng: “Nếu chẳng may người sinh ra ngài phạm tội nặng, phải tố cáo thì ngài có tố cáo cha không?”. Đức Khổng, không cần suy nghĩ, trả lời: “Không. Tôi tố cáo người khác chớ không tố cáo người sinh đẻ ra tôi”.

Tưởng nhớ đến một người bạn thân mà giấu cái dở, cái kém của bạn đi, cũng là một điều hợp tình hợp lý, không nên chê trách. Viết hồi ký các anh em văn bút, hoặc đương ở xa, hoặc là đã mất, tôi vẫn quan niệm như thế; nhưng ở trường hợp Nguyễn Tường Tam, tôi muốn thành thực hơn thường lệ, đối với chính anh Tam và ngay cả chính với tôi, bởi vì một lẽ dễ hiểu: Nguyễn Tường Tam là một người đặt sự thành thật lên trên hết và sinh thời không tha thứ cho bất cứ một cái gì đây điếm, giấu giếm hay phết sơn ra ngoài để lấy sự hào nhoáng mà làm mờ mắt người ta, cho người ta không lưu ý đến sự thối tha ở bên trong.

#### Không thể nói đến là trắng, bảo trắng là đen

Thực tình, tôi không phải là bạn thân của Nguyễn Tường Tam. Sinh vào cùng một thời, làm cùng một nghề văn chương báo chí, tôi chỉ có dịp gặp Nguyễn Tường Tam tại báo *Ngày nay*, *Phong hoá* và trong những buổi họp mặt lúc phát động phong trào “Nhà ánh sáng”, rồi sau này, tại trụ sở báo *Việt Nam* của Việt Nam Quốc dân Đảng ở Ngũ Xã và trong các buổi họp với cụ Nguyễn Hải Thần – lúc ấy tôi làm báo cho quân đội Lữ Hán sang Việt Nam tiếp thu quân đội Nhật hoàng thua trận... Nếu muốn tỏ ra thành thật với bạn đọc, với chính tôi và với anh hồn của người đã khuất, tôi phải nói thẳng ra rằng tôi không có cảm tình đặc biệt với Nguyễn Tường Tam. Lý do? Tôi không thể nào giải thích được. Mà điều tôi có thể chắc chắn là chính Nguyễn Tường Tam cũng không có cảm tình đặc biệt với tôi.

Nhưng nếu chỉ có như thế thì không có gì đặc biệt. Đặc biệt là mặc dầu biết là người ta không có cảm tình với mình, phần đông chúng ta vẫn thường, vì vấn đề giao tế, làm như không biết và cứ cư xử như thường. Nếu gặp những người “chính trị cao” thì càng như thế lại càng làm ra mặt vồn vã, thân mật để rồi sau này có cơ hội thì lợi dụng được người bạn ấy để hướng vào những mục tiêu của mình đã định. Có lẽ chính vì tiêu chuẩn đó mà những nhà làm chính trị chủ trương không giết kẻ địch của mình, có khi, trái lại, lại nuôi dưỡng nữa.

Nguyễn Tường Tam không thế: anh là một cây thành thật, không thể giả dối, không thể đóng trò, yêu thì yêu ra mặt và ghét ai thì cũng ghét ra mặt, chớ không thể ghét mà bảo là yêu, thấy đen mà nói là trắng, thấy cây trò, cây chầu mà bảo là vàng tâm. Sau này, tiếp xúc nhiều hơn với Nguyễn Tường Tam – nhất là từ sau khi Nhật tới đây rồi thất trận – và nhân có dịp “khai luận” về Tam, tôi thấy rằng anh thành thật một cách ghê gớm như thế, không phải hoàn toàn vì

thiên bẩm, nhưng vì một lẽ khác: anh tự tin quá nơi mình. Nguyễn Tường Tam cho mình có tài, có học mà lại có đạo đức thì “thiên hạ phải dùng đến mình”, chẳng sợ ai hết, chẳng phải lèo lá với ai hết, chẳng phải màu mè gì hết.

Đó là một cái hay hay là cái dở? Tôi không dám tìm một câu kết luận, cũng như đã có một lần ngồi nói chuyện với Tam, anh ngờ ý rằng cả Nguyễn Hải Thần và Hồ Chí Minh cũng tầm thường như nhau, anh em hỏi tôi nghĩ thế nào, tôi cũng phải tránh né mà không dám đưa ra ý kiến gì về Tam.

### **Một bức thư không tiền khoáng hậu**

Riêng tôi, ngay từ lúc Tam còn dạy học Trường Thăng Long của ông Nguyễn Văn Tông, ở đầu đường Hàng Cót (Hà Nội), tôi đã có lúc ngờ Tam không có một bộ óc bình thường lắm. Đó là lúc Tam chưa làm báo, mới viết dăm ba truyện ngắn thả vào một cuốn sách in trên giấy bản, bìa bằng giấy “lĩnh”, đóng kiểu sách chữ nhỏ bằng lẽ, lấy tên là *Người quay tơ*. Bìa cho chính Nguyễn Tường Tam trình bày lấy: ở trên đầu trang bìa, phía tay mặt, trong một khung chữ điền vẽ một cô con gái quay tơ. Văn chương giản dị và trong sáng một cách kỳ lạ. Ai cũng tưởng là một nhà văn viết nên những câu văn như thế thì tâm hồn rất êm ả, bình thản và giản dị; nhưng nếu ai có dịp tiếp xúc với Tam ngay từ hồi đó đều phải nhận “văn của anh không giống như người”. Anh không khiêm nhường như các nhân vật trong truyện, trái lại, nuôi rất nhiều cao vọng – có khi gần như hợm hĩnh và thỉnh thoảng “trong một lúc nổi cơn” anh lại tỏ ra chướng ách, khó chịu và dễ làm cho người ta bực tức.

Tôi còn nhớ một lần có một thiếu phụ, vợ bạn anh, và một người bạn thân khác gặp anh trong một buổi trình bày sách báo ở nhà Khai trí Tiến đức. Vì xã giao, (lúc ấy anh mới ở Pháp về) người bạn trai chạy lại bắt tay anh và nói:

"Tôi nghe thấy anh có nhiều cây thế quý lắm, và có hai ba kiểu phong lan mới ở Nhật gửi về, phải không?"

Nguyễn Tường Tam thản nhiên trả lời bạn thân mà như trả lời một người lạ hỏi thăm đường đi Cẩm Giàng:

"Không biết. Phong lan ở Nhật thì sang Nhật mà hỏi người Nhật xem."

Rồi quay lại chào thiếu phụ, vợ một người bạn khác, một cách rất lạnh lùng “Bác có mạnh khỏe không?”, thế rồi đi luôn.

Ngay hồi đó, có nhiều người bạn quả quyết là trí óc Tam đã không bình thường rồi, nhưng tôi và mấy người bạn văn của tôi nhất định cho thế là “không được”. Vì thế, sau này, lúc Nguyễn Tường Tam làm *Phong hoá*, *Ngày nay*, mà bọn chúng tôi làm *Việt nữ*, *Tương lai*, *Vật được*, không một lúc nào hai phe “đi” được với nhau. Vì những chuyện rất không đâu, chúng tôi cũng sanh sự với nhóm *Ngày nay*, *Phong hoá*. Đến đây, tôi phải thú thật một điều mà đến tận bây giờ tôi vẫn không biết là phải hay trái, là hay hay dở. Lúc ấy, làm báo, chúng tôi nêu một phương châm nhất định là tất cả cái gì của nhóm khác, dù tốt, dù đẹp đến chừng nào, chúng tôi đều thẳng tay phủ nhận, đừng nói là những phe, nhóm chống đối với mình thì nhất định không thể nào thương được, phải đã kích gia rít, cho đối phương không thể cất đầu lên được – kiểu như chủ trương của Cộng sản, bất cứ cái gì của Thế giới Tự do cũng đều phải bác bỏ hết, bất cứ đê

ngợi gì của Đồng minh cũng đều phải gạt bỏ, không thương tiếc.

Hai nhóm đã kích nhau tới bời, hết ngày này sang tháng khác. Chúng tôi có một cái lợi là trong bọn chúng tôi có một vài tay nhà báo lão thành, nhiều kinh nghiệm về “nghề chữ” nên dù nhóm *Ngày nay* có lãnh đạo “chữ” Tứ Ly (tức Hoàng Đạo, tức Nguyễn Tường Long, em ruột Nguyễn Tường Tam), nhóm Nguyễn Tường Tam cũng không thể nào cãi lại. Ấy là chưa nói chúng tôi lại còn nghiên cứu chiến thuật, chiến lược chữ, kéo bè kéo cánh với mấy tờ báo khác (trong đó có tờ *Le Travail* của Tiến, Phú lúc ấy ra mặt Cộng sản đệ tam quốc tế). Đã vậy, chẳng may cho nhóm *Phong hoá* lúc ấy lại xảy ra một chuyện không hay, liên quan đến Nguyễn Tường Tam ở Vĩnh Yên, nên chúng tôi càng được thể... Do mấy nguyên nhân đó, một sự kiện ít thấy trong làng báo đã diễn ra: chính Nguyễn Tường Tam đã đích thân viết một bức thư bằng tay đến cho báo *Tương lai* của chúng tôi, yêu cầu chúng tôi “vì tình đồng nghiệp ngưng mọi cuộc đã kích lại để cùng sống với nhau trong hoà khí”.

### **Mấy nhà văn mà Nguyễn Tường Tam ghét nhất là ai?**

Ngay lúc nhận được thư, có mấy anh em không chịu ngưng bút chiến, muốn tiến tới nữa, nhưng sau nhiều cuộc thảo luận chúng tôi kết luận nên tỏ ra “thông cảm”. Vì thế cuộc bút chiến cắt ngang và từ đó đến khi tan rã báo *Ngày nay*, *Phong hoá* chúng tôi không bao giờ trở lại vấn đề chữ nữa.

Riêng tôi, tôi không dám tỏ bày ý kiến gì hết, nhưng trong thâm tâm, tôi quý mến Nguyễn Tường Tam từ đó vì tôi thấy rằng cử chỉ của Tam có vẻ “người lớn” mà “giải quyết vấn đề” như kiểu anh, thật là hay. Nhưng một số bạn hữu khác của tôi không nghĩ thế và chê “Nguyễn Tường Tam hiền lành quá” và tỏ ra rất non tay trong nghề. Theo ý các anh này thì viết một bức thư “cầu hoà” như thế tức là mặc nhiên nhận các tội lỗi mà đối phương đã buộc cho mình, do đó không phải chỉ hại nhất thời mà còn có hại cho cả tương lai nghề báo của mình sau này nữa.

Dẫu sao, việc đó rồi cũng qua đi. Nhưng đối với Nguyễn Tường Tam, việc đó không bao giờ qua đi được. Là vì Nguyễn Tường Tam là một người nguyên tắc: yêu rất yêu, ghét thì rất ghét, khác hẳn Khái Hưng là một anh “xuề xoà”, “thế nào xong thôi”, gần như “ba phải”. Vụ “Tương lai – Phong hoá” còn để lại tàn tích trong đầu óc Nguyễn Tường Tam còn lâu: anh “hoà” với bọn chúng tôi nhưng không bao giờ kết liên lại với tất cả bọn chúng tôi, và nếu có nhà văn, nhà báo nào mà anh ghét nhất có lẽ là Vũ Trọng Phụng và tôi. Không biết anh suy tưởng thế nào mà anh nhìn Vũ Trọng Phụng thấy hoá ra là “một anh chàng nguy hiểm”, còn tôi thì cố nhiên từ lâu anh đã liệt vào hàng “lưu manh” rồi, bởi vì lần đó không phải là lần đầu tiên tôi có chuyện lời thôi, gây gổ với nhóm *Ngày nay*, *Phong hoá*, nhưng ngay từ lúc báo *Rạng đông* của Nghiêm Xuân Huyền ra đời, do Trúc Đình làm chủ bút và tôi là tổng thư ký, số nào cũng đã kích bọn Nguyễn Tường Tam là “tiểu tư sản” và lời vụ Thạch Lam, Nguyễn Tường Lân, em ruột của Nguyễn Tường Tam hút thuốc phiện ở nhà Quý xứ Nghệ ra nói “dai như chảo rách”.

Nguyễn Tường Tam ghét ai đều có cái đặc điểm đặc biệt là không muốn nói với người ấy, không muốn nhìn người ấy. Bởi vậy có nhiều phen sau này chúng tôi đến toà soạn báo *Phong hoá* ở đường Hàng Bún, anh có mặt ở nhà mà lần mặt đi lên gác, không chịu tiếp. Tôi không bao giờ buồn anh bởi vì tôi cũng tự biết thân mình, không có điểm gì khả dĩ làm cho người ta thương được; lại nữa, tôi cũng tự biết chính mình là một tên lưu manh, tội lỗi ngập trời, bị Nguyễn Tường Tam khinh ghét, cũng là hợp lý, không có cách gì mình xác hay tự bào chữa

được. Nhưng tôi nói thực là trong đời tôi, vốn ít ngạc nhiên, tôi đã ngạc nhiên hết sức lúc nghe thấy Nguyễn Tường Tam làm Ngoại trưởng trong chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập.

### **Một phen tiếp xúc với Việt Minh**

Tôi ngạc nhiên không phải vì thấy Nguyễn Tường Tam làm chính trị. Từ lúc Nhật thua, Việt Minh xâm nhập Hà Nội để hoạt động chính trị và quân sự, đa số anh em gia nhập hàng ngũ kháng Nhật diệt Pháp, tôi đã biết Nguyễn Tường Tam, sau khi Đặng Văn Hình như và Trương Anh Tự bị giết, đã tiếp xúc mấy lần với Việt Minh nhưng không xong bề nào. Nguyên nhân là vì Nguyễn Tường Tam kiên trì với lý tưởng của mình, không chịu theo cương lĩnh của Mặt trận, tự cho mình là “độc lập”, cứ đòi hoạt động theo ý của mình; thêm nữa lại cho rằng là một nhân vật, một lãnh tụ “không kém Hồ Chí Minh hay Nguyễn Hải Thần”, đòi Việt Minh phải đãi ngộ xứng đáng nên không được anh em kháng chiến chấp nhận vào chính phủ lúc ấy mạnh mẽ thành lập.

Đến khi đội quân Lư Hán vào Hà Nội tiếp thu, giải giới quân đội Nhật, tôi làm tờ *Trung Việt tân văn*, tờ báo chính thức của đoàn Lam Y – cũng như đảng Hắc Long của Nhật – Nguyễn Hải Thần và Lư Hán bàn đưa tôi lên thủ một vai trò trong chính phủ Liên hiệp hay giữ một ghế trong Quốc hội, tôi gặp Nguyễn Tường Tam lần nữa ở Hàng Bông và tôi còn nhớ đó là một buổi chiều, hai đứa chúng tôi cùng xem một bức hình lớn chụp Hồ Chí Minh ôm lấy Nguyễn Hải Thần, nước mắt rờn rờn.

Nguyễn Tường Tam không nói gì với tôi hết, nhưng mấy hôm sau thì các báo loan tin Nguyễn Tường Tam giữ chức Ngoại trưởng trong chính phủ. Tôi ngạc nhiên chính là vì nghe thấy Nguyễn Tường Tam làm Bộ trưởng Ngoại giao. Lúc đó, tôi đặt hai giả thuyết: một là Nguyễn Tường Tam là một nhà ngoại giao lành nghề mà giữ bí mật tuyệt đối nên tôi không biết; hai là Việt Minh giỏi quá, đã đưa Nguyễn Tường Tam vào chức vụ đó để “đốt cháy” Nguyễn Tường Tam. Chỉ một ít lâu sau, thực tế cho tôi thấy hết cả sự thực phũ phàng: không cứ Bộ Ngoại giao chẳng làm được trò trống gì với Việt Minh, mà tất cả các đảng tham gia chính phủ liên hiệp đều bị “đi đong” hết. Nguyễn Tường Tam, với nguyên tắc sống trắng phải ra trắng, đen phải ra đen, yêu nói là yêu, ghét nói là ghét, đã bị thất vọng vì không được đặt vào đúng chỗ: anh không sinh để làm ngoại giao, hơn thế, anh không phải sinh để làm chính trị, mặc dầu anh yêu nước như ai.

### **Chỗ đứng của Tam là làng văn**

Rất có thể tôi lầm, nhưng cho tới lúc viết những dòng này, tôi vẫn yên trí Nguyễn Tường Tam chỉ là một nhà văn, và chỉ là một nhà văn thôi. Nguyễn Tường Tam là một nhà khoa học, một họa sĩ, một nhạc sĩ, một nhà văn, một nhà phóng sự, một nhà báo, nhưng cái “mạnh” của anh vẫn là nghề văn. Cái tài thổi saxophone của anh, cũng như tài đánh đàn thập lục của Thạch Lam, Nguyễn Tường Lân, chỉ là một cái tài hoa phụ và tôi lại nói thêm rằng: Nguyễn Tường Tam, có cái tài làm cho báo *Phong hoá* chạy một thời không hẳn đã là một nhà báo sành sỏi và lão luyện.

Theo tôi – và tôi nhắc lại rằng đây là ý kiến mọn của tôi – cái tài làm cho *Phong hoá*, Ngày nay chạy một thời, một phần lớn là do Hoàng Đạo, tức Tứ Ly Nguyễn Tường Long. Thêm nữa, Nguyễn Tường Tam, đứng về phương diện nhà báo, không tỏ ra là một người tháo vát, có thể

viết được nhiều đề mục. Phải nhận là anh có sáng kiến về các đề tài, về những vấn đề cần viết và nên viết, nhưng theo các cộng tác viên kế cận nhất của anh hiện nay còn sống, như Trọng Lang Trần Tấn Cửu, thì chính làm tờ báo hoạt kê trào phúng mà Nguyễn Tường Tam không viết được hoạt kê. Đến lúc ra mặt chống Việt Minh, làm báo *Việt Nam* ở Ngũ Xã, anh có viết một ít bài tham luận, chính trị, như “Việt Nam phải có một đạo binh mạnh”... nhưng tựu trung không có gì nổi bật lắm về tư tưởng hay chính trị.

Nói như thế, không phải để hạ thấp danh tiếng của Nguyễn Tường Tam, nhưng chính là để đề cao một đức tính căn bản của anh là chân thành yêu nước, thực thà có một, không mưu thuật, không ma đầu, lúc nào cũng tin tưởng là ai cũng tốt và cũng chân thật như mình. Mà làm chính trị và làm báo thì chỉ có đức tính ấy, không thể nào đủ được. Có lẽ một phần lớn vì thế, anh đã bị đau buồn khi nhận một chức vị trong chính phủ liên hiệp đầu tiên của Việt Nam làm cho anh phải trôi nổi sang Tàu, nhai một khối đau buồn uất hận vô tuyệt kỳ và cũng chính vì thế mà bệnh ưu uất của anh nặng thêm lên.

### **Bịt mũi lại uống rượu**

Trong thời kỳ này, tôi ít được tin tức của anh, nhưng theo lời những bạn hữu trong Việt Nam Quốc dân Đảng và Đại Việt Dân chính, tức là đảng do chính anh thành lập, thời kỳ anh ở Tàu không có mấy ngày yên vui, đầy đủ.

Nguyễn Tường Tam người gầy, hơi cao, đi đứng khoan thai, từ tốn; thoạt trông ai cũng tưởng anh là một người nhân nhã, phong lưu. Thực ra, anh không phải là một người sung sướng, nhân nhã như người ta vẫn tưởng, nhưng là một người “đa bất mãn hoài”, nuôi cao vọng mà không đạt được phần nào; thêm nữa lại mang một thứ bệnh thần kinh (neurasthénie) luôn luôn ở trong người nên ngày vui tương đối ít. Nhưng anh là một người cương quyết và có ý chí. Trước khi có biến thiên làm đảo lộn nước ta, Nguyễn Tường Tam sống một cuộc đời “chân chỉ” không rượu chè, không thuốc sái, không trai gái, không cờ bạc, nhưng sau những thất bại chán chường trên trường chính trị, Nguyễn Tường Tam đam mê chè rượu.

Nói là đam mê, có lẽ không đúng. Muốn cho đúng, phải nói rằng đầu óc anh suy yếu đi, ý chí do đó kém sút nên Nguyễn Tường Tam đã phải dùng rượu để giết cái buồn “thiên vạn cổ”. Bây giờ những người bạn từng lưu vong với anh ở đất Tàu, hiện nay còn sống, kể chuyện rằng trong thời kỳ ấy có khi anh nằm lì mười ngày, nửa tháng, không buồn trò chuyện với ai, mà cũng chẳng bước đi đâu hết. Sự đau khổ nhất đời anh là không ngủ được, do đó anh phải dùng rượu để uống cho say, hoạ may say quá thì đỡ nghĩ xa nghĩ gần, mà chính là cũng để mong rằng say quá, say mềm đi thì ngủ được. Vì tính toán như thế, anh mới bắt đầu uống rượu và bắt đầu uống là uống nhiều ngay. Anh em thân của Tam cho biết lúc ở Tàu, trời lạnh, Tam thường mua từng bát ô tô rượu để uống, nhưng vì rượu nhiều quá, mà lại nặng nên anh phải bịt mũi, nhắm mắt lại để uống như đàn bà, con trẻ sợ thuốc Bắc mà cứ phải nhắm mắt, bịt mũi lại để uống cho xong chuyện...

Nguyễn Tường Tam bắt đầu ghiền rượu và hút nhiều thuốc lá đen từ đó, nhưng cũng từ đó bệnh neurasthénie của anh nặng hơn lên. Đến lúc vào Nam, bệnh của anh đã vào thời kỳ nặng, mặc dù anh vẫn đi lại, viết lách như thường. Bởi vì anh có những phút sáng suốt nhưng thường một ngày, có nhiều lúc đã nói năng lẫn lộn một cách nặng gấp mười, gấp hai mươi lần nằm thổi saxophone ở một cái đồn điền nọ tại Vĩnh Yên. Chính trong thời kỳ “tái xuất giang hồ” làng báo ở miền Nam, có người đã thấy Nguyễn Tường Tam lúc như si, như dại. Người ta thuật rằng có

một lần có anh bạn rất thân tìm anh để báo cho anh biết một người thân của anh mới qua đời. Nguyễn Tường Tam thản nhiên trả lời: “Chết bỏ!” rồi nằm nhìn lên xà nhà, mở mắt trừng trừng, không nói năng gì thêm nữa.

### **Truyện “Săn vịt” và chuyện “Le Horla”**

Có nhiều người lấy làm lạ sao bệnh Nguyễn Tường Tam kéo dài trong nhiều năm như thế mà anh vẫn viết lách như thường và sản xuất được nhiều tác phẩm văn chương đánh dấu một thời kỳ văn học phồn thịnh ở nước ta. Hỏi như thế, nhiều người không trả lời được. Tôi cũng không hiểu, nhưng có nhiều khi suy nghĩ đến “trường hợp Nguyễn Tường Tam”, tôi lại sực nhớ đến cuốn *Le Horla* của Guy de Maupassant cực tả lúc nhà văn này lâm vào thời kỳ điên nặng, bất cứ lúc thức hay lúc ngủ, lúc mở mắt hay nhắm mắt, thấy hiện ra những ám ảnh, những hình bóng dị kỳ làm cho ông ta sống trong một thế giới lạ lùng ma quái, mở mắt mà nói chuyện với những người trong thế giới lạ lùng kia nhưng chính tai mình nghe thấy và ngay lúc ấy biết là mình nói mớ – mà không thể nào tự ngăn cản không cho mình nói.

Các nhà viết văn học sử Pháp cho là Maupassant bị một thứ bệnh tình làm hại đến thần kinh, thêm vào đó, Maupassant lại rượu chè bê bối và mất ngủ. Tôi không biết bệnh của Nguyễn Tường Tam có điểm nào và có một vài nguyên nhân nào giống bệnh của Guy de Maupassant không, nhưng tôi thấy có một điểm hai nhà văn này giống nhau: cuốn *Le Horla* không phải là cuốn truyện chót của Guy de Maupassant. Nói một cách khác, Guy de Maupassant bị si mê rồi, nhưng cứ viết, mà viết không lẫn lộn, trái lại, lại có những phút xuất thần, văn chương biến hoá, hay một cách cực kỳ quái ác.

Đối với Nguyễn Tường Tam, tôi cũng thấy anh lúc vào Nam đã viết một thứ *Le Horla*, Guy de Maupassant tả nhiều về những ám ảnh của mình, còn trong truyện “Săn vịt” thì Nguyễn Tường Tam đặt nặng vấn đề trạng thái tinh thần của một người nuôi nhiều giấc mơ đẹp, tính nhiều chuyện cao xa, nhưng vì bị dồn ép quá nên lòng khô héo đi, chết dần đi. Thế rồi có một hôm người ấy gặp một người đàn bà đẹp đúng như ước vọng của mình: anh ta liều và tưởng chừng như có thể làm mọi điều cần dỡ... Nhưng nghĩ là một chuyện mà thực hành lại là chuyện khác. Nếu phải Thạch Lam viết chuyện này, ta có thể yên trí là người săn vịt sẽ liều... để cho thoả mộng ước mơ, nhưng Nguyễn Tường Tam thì khác: đến lúc quyết định, anh vẫn cố kìm hãm lòng ước muốn và cứ kìm hãm cả đời như thế thì khỏi phải nói, bệnh ưu uất của anh đưa anh đến đâu không phải là chuyện lạ.

### **Nguyễn Tường Tam, một nhà văn không may mắn**

Bây giờ, đôi khi ngồi nhớ đến Nguyễn Tường Tam, tôi ưa nghĩ rằng anh chiếm được một địa vị cao cả trong văn học sử Việt Nam có lẽ cũng vì những sự kềm ép đó, bệnh hoạn đó, bất mãn đó. Bởi vì, dưới mắt tôi, Nguyễn Tường Tam, dưới cái bề ngoài lịch sự, đàng hoàng, nhàn nhã, chỉ là một người chung thân bất mãn: bất mãn trên cương vị con người, bất mãn trên lĩnh vực chính trị, bất mãn vì yêu, bất mãn vì tình cảm gia đình mà có lúc anh đã than là “ước muốn không có cái nào thành tựu”.

Như trên kia đã nói, anh là một người đa tài, đa cảm, nhưng tựu trung đến lúc hai tay buông xuôi thì xét ra cũng chẳng được đắc ý điểm nào. Duy có một điểm, mặc dù không được anh thừa nhận, nhưng được đa số anh em chịu là đúng, đó là anh đã thành công một cách vẻ vang trong ngành tiểu thuyết. Dù đứng về phía nào cũng vậy, dù mang màu sắc chính trị nào cũng

thế, không ai phủ nhận cái tài viết tiểu thuyết của Nguyễn Tường Tam và đều phải nhận, trên lĩnh vực tiểu thuyết, kể cả truyện dài, truyện ngắn, truyện vừa, Nguyễn Tường Tam là một tên tuổi đánh dấu một giai đoạn phồn thịnh của loại tiểu thuyết dành cho giai cấp tiểu tư sản – một giai cấp lưng chừng, bất mãn với chế độ thực dân thống trị nhưng không được nhiều thông cảm của giai cấp vô sản, bần cùng – mặc dầu lãnh tụ của nhóm *Phong hoá*, *Ngày nay* là Tứ Ly Nguyễn Tường Long đã tìm các cách để giành lấy tình cảm của những đồng bào sống ở nơi “bùn lầy nước đọng”.

Mặc dù vậy, Nguyễn Tường Tam vẫn được coi là một nhà tiểu thuyết sâu sắc, cảm hoá được nhiều người nhất, bất kể ở giai tầng xã hội nào. Riêng tôi, tôi yêu văn anh và mến phục anh từ lúc đọc *Người quay tơ*, trong đó có chuyện người nông phu mất đất cho điền chủ, chiều chiều đứng ở dưới này trông lên nói thầm “Ấy chó ông chủ, ấy đèn ông chủ”. Sau này, còn nhiều truyện ngắn kchs của Nguyễn Tường Tam chiếm được cảm tình của tôi, như chuyện cô gái diên muốn tận hưởng cuộc đời..., nhưng sâu sắc và làm cho tôi cảm động thiết tha nhất, ấy là truyện “Nhặt lá bàng” và sau này là truyện “Săn vịt” đăng trên *Văn hoá ngày nay*.

Đặc biệt của văn Nguyễn Tường Tam, theo tôi, là sự trong sáng (pureté), gọn gàng. Văn của Thạch Lam Nguyễn Tường Lâm cũng có đặc điểm ấy, nhưng nếu tôi được phép ví von một chút, tôi sẽ ví văn của Thạch Lam với một trinh nữ trời cho đẹp, còn văn Nguyễn Tường Tam thì như một thiếu phụ đa tình đau khổ nhiều hơn nhưng hiểu biết hơn, mà lòng cũng “lẳng” xuống sâu hơn.

### **Trông thì kiểu cách, nhưng sống đơn giản lạ**

Cũng như người thiếu phụ đau khổ nhiều mà lòng “lẳng” xuống nhiều, Nguyễn Tường Tam không giới ý nhiều đến ngoại cảnh – kể cả về vật chất lẫn tâm tình. Dưới cái bề ngoài lịch sự, đi đứng đàng hoàng, nhiều người tưởng anh là một người cầu kỳ, khó tính, nhưng theo chỗ biết của riêng tôi, anh sống đơn giản hết sức, gần như không thêm lưu ý đến ngoại cảnh làm gì.

Có nhiều đêm, ngồi vò võ trên gác toà báo *Ngày nay* ở đầu đường Hàng Bún, người ta thấy anh mặc một cái sơ-mi rách từ vai đến giữa lưng – mà mặc như thế luôn mấy ngày. Riêng Trọng Lang Trần Tấn Cửu kể lại rằng anh đi một đôi giày rất tàng, đã bạc cả màu; Cửu hỏi thì anh đáp: “Ba năm rồi không đánh kem! Mà đánh làm gì vì mấy ngày nó lại dơ như thường!”.

Nguyễn Tường Tam sống gần như vô tình với mọi người, nhưng anh mê say nghề một cách kỳ lạ, có lẽ ít nhà văn nhà báo say mê với nghề đến thế. Mỗi khi viết một truyện ngắn, truyện dài, anh suy nghĩ lao tâm khổ trí, nhưng đến lúc truyện thành hình ở trong óc rồi, anh vẫn chưa bằng lòng, anh đem ra trình bày với anh em trong nhà, hội ý rất cẩn thận để suốt đời nhiều lần nữa rồi mới viết. Cũng như tất cả các nhà văn viết tiểu thuyết đăng báo, anh không viết cuốn nào một lúc, nhưng viết từng kỳ để đăng, hết kỳ nào viết tiếp kỳ ấy – nhưng Nguyễn Tường Tam viết mà đã có sẵn dàn bài rồi, chứ không như Vũ Trọng Phụng viết đến đâu lại xoay câu chuyện đến đó, tùy theo cảm hứng; hay như Lê Văn Trương viết một hơi hết một truyện dài nhưng viết từng tập, tùy theo cảm hứng rồi đem những tập ấy chập lại với nhau thành truyện. Có sẵn dàn bài rồi, Nguyễn Tường Tam viết tương đối dễ dàng hơn Khái Hưng. Có một lần nhìn vào một bản thảo của Khái Hưng, người ta thấy anh viết ở đầu trang một chữ “Gia đình”, ở cuối trang một chữ “người con gái đẹp” và ở giữa trang một dòng: “Trời ơi, biết viết gì đây, hở Trời?”.



Nguyễn Tường Tam không có những phút thất vọng một cách ồn ào như thế. Tương đối anh kín đáo hơn và trầm tĩnh hơn. Chưa biết viết gì thì anh ôm đầu, cắn bút, không nói không năng, nhưng đã mở đầu được rồi thì anh viết quên chết, viết say sưa quên cả trời hừng sáng lúc nào không biết. Lúc bắt đầu làm tờ *Ngày nay* loại đẹp, chuyên về điều tra phóng sự, do Nguyễn Tường Cẩm làm chủ nhiệm, người ta đã từng thấy Nguyễn Tường Tam thức thâu đêm để ma-két, cắt hình này dán vào hình kia làm “photo montage”. Nhưng báo không mấy chạy, Nguyễn Tường Tam lại một phen lao tâm khổ trí tìm kiếm cách cứu tờ báo. Nguyễn Tường Lâm thay Nguyễn Tường Cẩm chỉ huy tờ *Ngày nay*. Nhưng lần này cũng không may mắn hơn lần trước: *Ngày nay* phải tạm đình bản để sau này ra với một thể tài khác, bình dân hơn và cũng phổ cập hơn. Có thể nói Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long là “linh hồn của nhóm *Ngày nay*”, nhưng người lèo lái cho các báo *Ngày nay*, *Phong hoá* và Tự Lực Văn Đoàn sống và phồn thịnh, người ấy chính là Nguyễn Tường Tam vậy.

### **Tin ở mình, nhưng cũng tin ở số tử vi**

Nguyễn Tường Tam là một người hành động, một người làm việc cần cù, tin ở tài mình, ở khả năng mình, tin ở cố gắng của mình. Chính một phần vì thế mà anh đã thành công trong việc xây dựng Tự Lực Văn Đoàn, nhưng Nguyễn Tường Tam, nhà khoa học, có khi lại không tin hoàn toàn nơi óc khoa học và tổ chức khoa học của anh.

Nhưng không như Nguyễn Tường Long hay Võ Đức Diên đi theo thầy Ngô Hùng Diễn để học về tướng số (Nguyễn Tường Long học tướng số được ngót ba năm thì bị bắt), Nguyễn Tường Tam mỗi khi có công việc gì khó giải quyết, bị tắc mắc trong lòng, thường hay nhờ các anh em tướng số xem giùm “xem ra thế nào”.

Bây giờ các bạn còn sống của anh thường hay nhắc đến một bữa cơm có mặt Võ Đức Diên, Trần Tấn Cử và Nguyễn Tường Tam, cả ba cùng tuổi Bính Ngọ (năm nay 65 tuổi âm lịch) nhờ một người bạn quen xem tướng số. Nhà tướng số nói rằng tuổi đó, mà sinh vào những ngày giờ nói trên, chết không mấy an nhàn, có khi lại gặp những sự hiểm nghèo ghê gớm. Chính vì thế, cần “sửa tướng”, và cũng vì thế nên lúc nào Võ Đức Diên cũng mặc quần áo đen, cạo đầu trọc. Nhà tướng số khuyên Trần Tấn Cử (Trọng Lang) để râu, Trọng Lang cũng theo răm rắp, để râu ria xồm xoàm, che cả mồm cả mũi “để tránh tai nạn”, thêm vào đó lại đeo kính trắng, gọng cũng trắng luôn. Còn Nguyễn Tường Tam thì nhà tướng số khuyên nên để râu và suốt đời một vài thứ khác nữa, nhưng dường như Tam chỉ “nghe theo” có một nửa – nghĩa là để tí ti râu và chỉ để râu thôi – nên về sau này nhà tướng số nghe thấy tin anh dùng đọc được quyền sinh cử vũ đài đen đét than trời “Nếu mà nghe tôi thì đâu đến nông nỗi này!”.

Chẳng biết nhà tướng số đại tài khi tuyên bố như thế thì có thành thật với chính lòng mình không, chớ riêng các bạn thì tuy không nói ra miệng nhưng hầu hết đều có ấn tượng Tam sẽ không được an nhàn, êm ả khi chung cục. Là vì Nguyễn Tường Tam đã bị sai lệch về thần kinh, sau này lại uống rượu nhiều quá độ, ai cũng sợ có một ngày nào đó anh bị trúng phong mà khuyu xuống một cách bất kỳ, bất đắc. Thêm vào đó, các tay nhậu nhẹt lại có kinh nghiệm này: phạm những người uống rượu nhiều mà nói nhiều, chỉ ba hoa tợn chớ ít khi có những cử chỉ, hành vi đáng tiếc hay ghê gớm; trái lại, những người uống nhiều mà cứ lì ra không nói thường hay có những quyết định khác thường, đáng sợ và vô phương cứu vãn.

Nhưng mà thôi, bây giờ nắp ván thiên đã đập lại rồi, phân tích gì về cái chết của anh và bàn luận đến mấy đi nữa về cách chết cũng là vô ích. Chỉ biết rằng Nguyễn Tường Tam lúc sống đã

làm “nổi đình đám” trong làng báo; đến lúc về già, cái chết của anh đã gây sôi nổi trong làng văn bút một cách rất thấm thía, sâu xa. Nguyễn Tường Tam đã bỏ các bè bạn ra đi một cách khác thường. Ngồi tính đốt ngón tay thì trước anh và cho đến bây giờ, chưa có văn nhân, ký giả nào đã gây một “xúc động tâm lý” gớm ghê như thế trong lúc từ biệt cõi đời đau khổ này, Nguyễn Tường Tam quả là một “cây lì” đã biết nghiên cứu và chọn lọc cách chết để chống lại độc tài áp bức.

### **Nếu có gặp Stefan Zweig trên Thiên đường...**

Tội nghiệp, cả một cuộc đời bất mãn, đến già vẫn bất mãn như thường, Nguyễn Tường Tam tuy vậy cũng đã có một cái may lúc chết: anh đã thi hành được đúng yêu mến của mình và ở dưới suối vàng gặp Stefan Zweig, chắc anh cũng phải vui cười mà bắt tay nhà văn Đức này và cả hai cùng cả cười vì lẽ “anh hùng tương ngộ”.

Stefan Zweig, tác giả nhiều truyện nổi tiếng như *Thư cho người không quen biết*, *Tình thương nguy hiểm*, *Người bán sách cũ*, *Hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong đời một người đàn bà...* là một nhà văn Do Thái sinh đẻ và lớn lên ở Đức. Chẳng may cho ông là lúc văn tính của ông được sáng chói trên trời Âu thì Hitler nổi lên mắc vào cổ nước Đức cái vòm phát-xít, độc tài, tàn sát người Do Thái.

Stefan Zweig và Nguyễn Tường Tam có điểm này giống nhau: trước hành động vô nhân đạo, cả hai cùng đứng lên chống đối. Nhưng Stefan Zweig chống đối mà bỏ đi ra nước ngoài, còn Nguyễn Tường Tam thì nhất định không chịu rời bỏ quê hương đất nước.

Thế rồi cả hai cùng áp dụng một cái chết tự động nhưng oanh liệt ngang nhau: Stefan Zweig cùng vợ đi một con tàu sang chơi Nam Mỹ và ở ngay trên tàu, hai vợ chồng ông cầm hai cây súng bắn vào đầu tự tử. Nguyễn Tường Tam, đến khi chết, vẫn không quên cá tính dân tộc: lúc sống đã trầm lặng thì lúc chết cũng trầm lặng luôn. Anh đã dùng độc dược pha vào rượu mạnh để uống và đã đi nhẹ nhàng, êm ái như đi ngủ, sau khi viết lại một bức thư lên án chế độ Ngô gia với những câu cũng nhẹ nhàng, êm ái như thế nhưng làm cho cả nước xấu xa anh và uất hận Ngô gia gấp trăm vạn lần.

Nguyễn Tường Tam, nhà văn đa bất mãn hoài, riêng một lần này, có lẽ đã được toại ý vì đã thắng trên một điểm chính trị chống bạo tàn, áp bức.

Không có vụ này, cái tên Nguyễn Tường Tam cũng đã đi vào văn học sử, nhưng có thêm vụ này, văn học sử Việt Nam lại càng nổi bật hơn vì đời nào, thế hệ nào những nhà văn, “những con người bị đời coi là không thực tế, những con người bị bạc đãi, những con người bị xã hội quên lãng, coi thường” cũng biết cách sống cho nhân dân, chết vì nhân dân, mà không hề than thở cho ai biết.

## **5 - Huỳnh Phan Anh Nhất Linh và Bướm trắng**

### **Tại sao Bướm trắng?**

Tại sao không viết về Nhất Linh theo một chủ đề rõ rệt nổi bật từ toàn bộ tác phẩm ông, công

việc đã có nhiều người làm trước đây, trong số đó bài “Hạnh phúc trong tác phẩm Nhất Linh” của ông Đặng Tiến (Bán nguyệt san *Văn* số 37) là một cố gắng đáng kể. Tại sao không viết về Nhất Linh, về tác phẩm Nhất Linh, xem đó như một công trình đã hoàn tất, đã trở thành một định mệnh, đã đầy đủ cho chính nó, đã dừng lại, đã đi đến chỗ tận cùng của nó, đã trở thành lịch sử (một thực tại thuộc lịch sử cũng như một thực tại thuộc văn học sử). Tại sao không viết về Nhất Linh bằng cách đặt ông vào một khuôn khổ, một vị trí chắc chắn, căn cứ vào những tác phẩm ông đã viết, đã để lại đầy đủ: biết rằng cái chết của mỗi nhà văn đương nhiên biến những cuốn sách của hắn thành tác phẩm, biến tác phẩm của hắn thành sự nghiệp: biết rằng cái chết của mỗi nhà văn không là cách chấm dứt một sự nghiệp dở dang, ngược lại đó là một cách hoàn thành tốt đẹp nhất.

Tại sao viết về Nhất Linh chỉ căn cứ vồn vẹn trên một cuốn sách lẻ loi tách ra từ một toàn thể, sự nghiệp của tác giả. Và tại sao chọn *Bướm trắng*, Nhất Linh và *Bướm trắng*. Tại sao *Bướm trắng* thay vì *Đôi bạn*, *Đoạn tuyệt* hay *Dòng sông Thanh Thủy*, một cuốn sách này thay vì một cuốn sách nào khác. Có thể xem đây là việc làm liều lĩnh của kẻ ký tên dưới bài viết này không? Liều lĩnh vì sẽ dễ dàng rơi vào chỗ thiếu sót, chủ quan, phiến diện, độc đoán v.v... Bởi vì quan niệm thông thường vẫn thường có khuynh hướng toàn thể hoá các tác phẩm của nhà văn, biến chúng thành một toàn thể hợp nhất và độc nhất, không thể đập vỡ hay chia cắt ra được.

Tại sao Nhất Linh và *Bướm trắng*? Sau đây là lý do chính yếu nhằm biện minh cho cái nhan đề của bài viết và người viết có bốn phần trình bày sơ qua:

Tách rời một cuốn sách khỏi toàn bộ tác phẩm của một nhà văn tức là một cách nào đó phủ nhận sự nghiệp tác phẩm của nhà văn như một toàn bộ cứng nhắc. Nói khác đi là phủ nhận sự nghiệp sáng tác của nhà văn như một dòng liên tục, như một định mệnh chờ đợi hoàn tất, an bài. Một cuốn sách không là một chặng đường, mà là một hướng đi, một lối đi bên cạnh những hướng đi, những lối đi của cùng một người. Mỗi một cuốn sách đều có thứ tiếng nói riêng của nó, một giọng nói riêng của nó, một ước muốn riêng của nó. Một cuốn sách có thể nói khác đi, ngược lại nếu cần với những điều mà tác giả đã nói ở những nơi khác, những cuốn sách khác. Tác phẩm là một hình thái bất liên tục. Để hoàn tất (tạm dùng chữ này) tác phẩm của mình, nhà văn không đi trên một con đường thẳng, êm xuôi, thanh bình. Trái lại hắn không ngớt phải vượt qua chính mình, phải nói không với chính mình, phải phủ nhận chính mình. Hắn phải trải qua những kinh nghiệm, những tìm tòi và khủng hoảng luôn luôn đổi mới. Những cuốn sách hắn viết nên có thể mâu thuẫn, chống đối nhau, nhưng chính tác phẩm hắn hứa hẹn làm nên từ những mâu thuẫn và chống đối đó. Tác phẩm của hắn không đứng lại bao giờ, bởi nó còn những xung đột nội tại phải làm nên từ những mâu thuẫn và chống đối đó. Tác phẩm của hắn không đứng lại bao giờ, bởi nó còn những xung đột nội tại phải giải quyết, bởi nó còn phải trò chuyện không ngừng với người đọc. Không có bảo tàng viện cho văn chương bởi tác phẩm vẫn không ngừng sống, lớn lên. Và công việc của các nhà làm văn học sử chỉ là một ảo tưởng bởi tác phẩm văn chương, thực tại văn chương không bao giờ là một món đồ ù lì, bất động để cho các sử gia mặc tình khâu hay phân loại!

Khi Nhất Linh đưa ra những điều mà ông cho là lầm lẫn của chính ông trong đời nhà văn của mình<sup>[1]</sup>, lời thú thật mang ý nghĩa một tác động kiểm thảo can đảm, ngoài ra còn ngầm nói lên một ý nghĩa cần thiết, cốt cán của tác phẩm cũng như của công việc sáng tạo: người ta viết trong sự thức tỉnh thường trực, người ta viết trong khốn khổ, người ta viết để hy vọng lấp đầy những hao hụt của chính tác phẩm mình, và mỗi cuốn sách là một cơ hội đặt một câu hỏi, nêu

một câu trả lời, mở ra một viễn tượng. Ta hãy nghe Nhất Linh nói về “cái làm lớn nhất” của ông:

*“... Luận đề tiểu thuyết của tôi có cuốn Đoạn tuyệt, Hai vẻ đẹp, Lạnh lùng (và ít nhiều truyện ngắn). Sự hoan nghênh của những truyện đó, nhất là Đoạn tuyệt, những lời khen ngợi của các nhà phê bình đã làm tôi sau này khó chịu một cách thành thực (...). Sau hai mươi năm, giờ Đoạn tuyệt đọc lại tôi thấy chỉ có một vài đoạn tả mẹ chồng nàng dâu có đôi chút giá trị, còn những cái về xung đột mới cũ (ý định chính của tôi) như việc Loan dọn nhà đi không đem bát hương, Loan để con trai, lời cãi của trạng sư v.v... thì đến nay chẳng còn gì là hay nữa. Về cuốn Lạnh lùng (tuy nghệ thuật cao hơn Đoạn tuyệt) nhưng còn bao nhiêu chi tiết về tâm hồn một người góa trẻ, khao khát yêu đương v.v... tôi đã bỏ qua, không cho tìm kiếm thêm. Đố ấy tôi chỉ coi nhân vật như những quân cờ để đánh một ván bài, họ không phải là cái chính và chỉ dùng những chi tiết nào lợi cho ái ý chứng tỏ của mình không theo sát cuộc đời thực là mục đích chính của tiểu thuyết mà đổi cuộc đời thực đi để lại luận đề của mình” [2] .*

Trước khi các nhà phê bình sau này có thể sẽ lên tiếng chỉ trích ông, ông đã nhìn tác phẩm của mình với đôi mắt nghiêm khắc (đã có bao nhiêu nhà văn làm công việc đó?), ông đã là nhà phê bình của chính ông. Điều này chứng tỏ rằng người ta viết không nhất thiết để thoả hiệp với những gì người ta đã viết hay sẽ viết. Mỗi cuốn sách chỉ còn là một giai đoạn không liên tục nằm trong một toàn thể tự nó đã là một mâu thuẫn nội tại.

Biết rằng, như ai kia đã nói, không nhà văn nào giống nhà văn nào, không tác phẩm nào giống tác phẩm nào cho dù là tác phẩm của cùng một con người sáng tạo, tại sao không nhìn ngắm một nhà văn, một tác phẩm như một *giá trị nội tại, tự tại*, không tùy thuộc, không nợ nần gì với những yếu tố bên ngoài. Người ta viết một mình. Và tác phẩm là kết tụ từ một niềm cô đơn tuyệt đối, kết tụ của chính niềm cô đơn tuyệt đối đó. Vấn đề chính yếu của người đọc hay người phê bình có lẽ không phải là tìm xem Nhất Linh đã chịu ảnh hưởng của Tolstoi, của Somerset Maugham, của Jean Eyre, của André Gide v.v... ra sao, không phải đối chiếu từng dòng từng chữ của Nhất Linh với từng dòng từng chữ của một nhà văn nào khác, không phải là cố tình đặt để Nhất Linh bên cạnh một tên tuổi nào khác, gần gũi hay xa lạ...: đó phải chăng là những công việc có phần dễ dãi (mặc dù có thể không dễ dàng) và vô bổ tổ cáo sự thất bại trước tiên của người đọc (người phê bình) đã không tìm thấy ý nghĩa và giá trị chân thật nhất, riêng tư nhất, thân mật nhất của một tác giả hay một tác phẩm: và đó cũng chính là công việc thường thấy trong sinh hoạt phê bình xưa nay, ở bất luận nơi nào.

Nhất Linh và *Bướm trắng*. Sự chọn lựa không tình cờ chút nào. Tôi muốn xem Nhất Linh trước tiên như một tác giả không ngừng *sống* dưới mắt tôi và đang hoàn tất tác phẩm của ông, bởi vì cái chết (của ông) không là cánh cửa khép lại một lần chót sau tác phẩm, trái lại đặt tác phẩm đó vào tình trạng dang dở đời đời. Tôi muốn đọc *Bướm trắng* như một cuốn sách đang viết, đang hoàn tất trong toàn bộ một tác phẩm dường như cũng không ngớt tìm kiếm cho nó một định mệnh. Đọc *Bướm trắng* không là tìm đến một câu trả lời mà là lắng nghe lời hứa hẹn của một tác gia *đang* lên tiếng. Vâng, một tác giả vẫn không ngừng lên tiếng trong tác phẩm của mình, lên tiếng với từng độc giả một tìm đến, trong từng một lần đọc đang diễn ra, lên tiếng từ những bến bờ xa lạ, nhưng lại thân mật gần gũi bao nhiêu.

Hơn nữa, tôi muốn đọc *Bướm trắng* như người ta tìm đến một bộ mặt cô đơn nhất của một đời người, xem nó như một hiện hữu biệt lập: một cách quên đi những tác phẩm còn lại của tác giả. Dĩ nhiên ở đây người ta chỉ có thể có được một cái nhìn thiếu sót về Nhất Linh cũng như *Bướm*

*trắng* chỉ là một cánh cửa của một đền đài. Tại sao không? Ở đây sự thiếu sót của một người đọc, người phê bình lại chính là một dịp may tốt đẹp của tác giả, của tác phẩm mai đây hãy còn là lời kêu gọi. Nếu sáng tạo là một công trình nhất thiết dở dang, thường ngoạn và bình phẩm là những tác động còn tiếp tục mãi mãi. Như vậy đọc và phê bình không có nghĩa là “thanh toán” một lần cho xong một tác phẩm, mà là tạo cơ hội cho những lần đọc khác, những lần phê bình khác, đầy đủ và tốt đẹp hơn, và cứ như vậy.

Ta đã nói về những làm lẫn của Nhất Linh do chính ông tiết lộ. Những làm lẫn đó, ông đã gom về bốn điểm chính:

*“1. Để cái thích riêng của mình nó huyền hoặc, làm hoa mắt không nghĩ đến sự tìm tòi cái hay thực.*

*2. Để câu văn trống rỗng du dương, hoặc cầu kỳ nó quyến rũ mình (...).*

*3. Để cái ý định viết hay xuống dưới cái ý định viết để làm gì, viết về thứ gì (viết về nghị luận, triết lý v.v... thì cố nhiên là mình viết để làm một cái gì rồi nhưng viết tiểu thuyết khác, tiểu thuyết nó có mục đích của nó...).*

*4. Để nêu một cách giải quyết một vấn đề gì. Sự làm lẫn tiểu thuyết với cuốn sách giảng giải một tính đồ thật là vô lý, nhưng lại có những nhà phê bình vẫn làm lẫn, và lại có báo đem đăng lên thực là vô lý nữa (đây là đem xếp đặt cốt truyện để giải quyết chứ không phải để đời thật rồi tự nó, nó bày tỏ một cái gì). Tôi nhớ có đọc được một nhà văn (mà tôi quên mất tên) phê bình trên báo Cải tạo (xuất bản ở Hà Nội) cho ngay một cuốn tiểu thuyết là hay, là có giá trị vì câu chuyện đã giải quyết được một vấn đề một cách đẹp đẽ. Truyện một người vương vít vợ con rồi giải quyết nỗi khổ trong gia đình bằng cách đăng lính, phục vụ quốc gia. Truyện ấy viết rất dở nhưng nhà phê bình kia cho nó là hay, là xây dựng, là lành mạnh. Đây chỉ có thể là một bài tuyên truyền người ta vào quân đội (dùng thể thức tiểu thuyết cũng như các bài dạy người ta tránh nạn xe hơi dùng thể thức thơ lục bát) không thể gọi là một tiểu thuyết hay được”<sup>[3]</sup>.*

Nhất Linh đã viết những điều trên đây vào cuối đời mình ở giai đoạn già dặn và trầm tĩnh nhất của một người đã từng có một quá khứ văn nghệ đáng kể, đã từng biết tới những vinh dự lớn lao của nghề cầm bút. Ông đã không ngần ngại, căn cứ trên chính lời lẽ của ông đã trích dẫn, tố giác chính những hư hỏng của mình trên phương diện sáng tác, và mặc nhiên *phủ nhận* ít ra là một sự thành công nào đó của mình trong những tác phẩm cũ đã từng được tán thưởng, ca ngợi (chỉ cần tưởng tượng đến Nhất Linh của thời kỳ *Đoạn tuyệt* với những “tiếng động” mà cuốn sách này gây nên trong văn giới cũng như trong xã hội). Thiết tưởng đó là điều ta không được phép quên. Càng không được phép quên khi nhắc đến *Bướm trắng* vì mấy lý do sau đây:

1. *Bướm trắng* là một cái đỉnh quan trọng của nghệ thuật Nhất Linh. Nó đánh dấu thời kỳ già dặn nhất của tác giả sau những thành công của *Đôi bạn*, *Đoạn tuyệt* v.v... Chính tác giả đã hơn một lần bày tỏ sự hài lòng của mình về nó. Trong chủ quan tôi, đó hẳn là cuốn sách xứng đáng nhất để được giữ lại một mai kia nếu có sự đào thải, lựa chọn. (Cho tới bây giờ, khi viết những dòng này, tôi vẫn muốn trung thành với những ấn tượng đầu tiên của mình khi còn là một cậu học trò trung học, mười lăm năm rồi còn gì, khi say mê đọc *Bướm trắng*, khám phá *Bướm trắng*, lạc loài trong *Bướm trắng*...).

2. *Bướm trắng* không chỉ là một cuốn sách thêm vào số lượng tác phẩm của Nhất Linh. Nó còn thể hiện một ước muốn tích cực của người viết: viết *chống lại* những gì mình đã viết, viết không có nghĩa là viết lại một tác phẩm nào đó đã hoàn tất cũng chưa hề bắt đầu chỉ đang hứa hẹn. Nói theo điệu nói thông thường, Nhất Linh đã thực hiện một cuộc thoát xác trong tác phẩm này. Những đề tài đã từng nổi bật trong các tác phẩm trước đã lùi lại hay biến mất: Không còn những xung đột mới cũ, những tranh chấp xã hội, những mưu toan biến đổi hay giáo huấn, những lý tưởng mơ hồ v.v... Có thể quan niệm *Bướm trắng* là một lời nói *không* của chính tác giả trước những lối mòn của quá khứ. Nó *thể hiện* và đồng thời *thực hiện* một cuộc đoạn tuyệt với chính vũ trụ tiểu thuyết quen thuộc của tác giả. Và tưởng tới lúc phải nói rằng cuộc kiểm thảo *thực sự* của Nhất Linh không đợi tới cuốn “Viết và đọc tiểu thuyết” mới tìm được cơ hội bộc lộ qua mấy điểm mà ông gọi là sai lầm trong văn nghiệp của mình. Cuộc kiểm thảo đó đã ẩn tàng ngay trong *Bướm trắng*.
3. Do đó trong sự nghiệp Nhất Linh, *Bướm trắng* hầu đã vượt khỏi giới hạn của một cuốn tiểu thuyết. Nó đánh dấu một sự thay đổi ngay trong quan niệm viết văn của tác giả. Nó là một thí nghiệm. Nó mặc nhiên bao gồm trong nó một lý thuyết (về tiểu thuyết) bởi nó thể hiện một chọn lựa, một quyết định của chính tác giả: viết khác đi với những điều đã viết, với những cách thể đã sử dụng để diễn đạt con người, xã hội, vũ trụ...

Tuy vậy, mục đích bài viết này sẽ không nhằm đối chiếu *Bướm trắng* với những cuốn sách Nhất Linh đã viết trước hay sau nó nhằm đưa ra một tiến trình về phương diện tiểu thuyết của tác giả (xin nhường công việc cho một lần nào khác, cho một người nào khác).

Điều quan trọng vẫn là lắng nghe thứ tiếng nói của *Bướm trắng*, gia nhập vào vũ trụ của *Bướm trắng*.

### Một giấc mơ

*Bướm trắng* là một cuốn tiểu thuyết? Là một câu chuyện kể? Là quãng đời kỳ lạ của Trương kể từ khi “tình nghi mắc bệnh lao”? Là cuộc gặp gỡ giữa Trương và Thu, là những gì tiếp theo đó đã làm nên một tình yêu cũng như đã làm nên sự thất bại của một tình yêu? Không, tôi muốn nhìn *Bướm trắng* trước tiên như một giấc mơ, một vũ trụ làm nên từ ảo tưởng con người (hay ngược lại: một vũ trụ đang nhạt nhoà, đang biến thành một ảo tưởng mơ hồ?). Tôi muốn nhìn *Bướm trắng* trước tiên như một hình ảnh, một huyền thoại đã nhập thể vào từng dòng, từng chữ lung linh, kỳ ảo trên mấy trăm trang sách không ngừng mời gọi, quyến rũ. Ngay từ câu đầu tiên của tác phẩm:

*“Trương chậm bước lại vì chàng vừa nhận thấy mình đi nhanh quá tuy không có việc gì vội vã và cũng không nhất định đi đến đâu.”*<sup>[4]</sup>

người đọc đã tiếp xúc ngay với cái thế giới đặc thù của nhân vật, cái thế giới làm nên từ những trạng thái chùng chình, lưỡng lự, buông thả, cái thế giới của thực tại xóa nhoà và của thời gian xao lãng, cái thế giới không còn bình thường nữa, có thể nó quá thừa thãi hay hãy còn hao hụt, cái thế giới không còn sự phân biệt giữa cái bên trong và cái bên ngoài, chúng trở thành bầu bạn với nhau, ăn khớp với nhau. Màu trời “*mờ xám như trong một ngày mùa đông*” xuất hiện dưới mắt Trương ngày hôm đó cũng chính là “màu trời” của tâm hồn chàng, quen thuộc và triu

mến, kể từ cơn thức tỉnh đầu tiên của chàng trước bệnh hoạn.

*“Từ khi tình nghi mắc bệnh lao, bỏ trường luật về nghỉ dưỡng bệnh, chàng không thấy mình buồn lắm, lúc nào chàng cũng hy vọng sẽ khỏi bệnh và chàng lại thấy mình náo nức muốn sống, yêu đời và vui vẻ”<sup>[5]</sup>.*

Có thể Trương không biết rằng chàng đã lừa dối chính mình để quên đi những ám ảnh của bệnh tật và cái chết (bệnh tật và cái chết của một thanh niên đang tuổi yêu đời như chàng!), để quên đi thực tế đang đè nặng lên tâm hồn chàng. Có thể Trương không biết rằng, để có thể chống lại định mệnh gay gắt của đời mình, chàng đã phải luôn luôn sống trong mộng tưởng, luôn luôn biến vũ trụ thành một hình ảnh vừa đúng kích thước cho những khát vọng của chàng.

Như vậy, đọc *Bướm trắng* tức là lạc bước vào cơn mộng ảo của một con người tự thấy đời mình chỉ còn là một nỗi thiếu vắng lớn lao.

Trương là hình ảnh của con người mộng tưởng. Dứt bỏ đi phần mộng tưởng, liệu chàng còn có chịu đựng nổi cái vẻ buồn âm u, chết chóc đang trùm phủ lên đời chàng, hay đó là cách cắt đứt phần đời còn lại đang ù lì, đang tuyệt vọng kia? Điều cần nhất của con người mộng tưởng là không biết rằng mình đang sống trong mộng tưởng. Hấn sáng tạo nên vũ trụ riêng biệt cho hấn, hấn là kẻ sáng tạo thơ ngây. Chàng đã sáng tạo nên cái gì? Câu trả lời dàn trải lên khắp cuốn sách. Câu trả lời đó là tình yêu. Chàng đã sáng tạo tình yêu như một nhà nghệ sĩ sáng tạo nên một tác phẩm. Và cũng như người nghệ sĩ, chàng đã sáng tạo nên *“tác phẩm của mình”* bắt đầu từ mộng tưởng. Chàng đã gặp Thu, người con gái mà *“mới nhìn chàng biết rằng có thể yêu mê man”<sup>[6]</sup>*, người con gái mà khi ngồi gần, chàng *“đã thấy trong người đổi khác, cuộc đời và cảnh trời lúc đó nhiệm một vẻ khác hẳn lúc thường”<sup>[7]</sup>*: đó là khởi đầu của một chuyến phiêu lưu, một tình yêu, mai đây sẽ đưa đẩy chàng đến những chân trời xa lạ: lạc thú và khốn khổ, đợi chờ và tuyệt vọng, sự cao thượng và lòng ích kỷ, sự bao dung và lòng thù hận v.v...

Tình yêu của Trương khoác lên một vẻ nên thơ tuyệt vời dù trong khí hậu quang đấng, dù trong màu trời âm đạm của nó, bởi nó trước tiên là một giấc mơ, bởi nó làm nên từ một hình ảnh. Chàng yêu Thu và

*“... nhận ra rằng từ trước đến giờ chàng đã sống như một người đi tìm tình yêu mà ngày hôm nay là ngày chàng đã tìm thấy”<sup>[8]</sup>.*

Đó là thứ tình yêu vượt lên trên những trật tự thông thường:

*“Yêu một người con gái chỉ đẹp thôi không có linh hồn phong phú, hơi lạ lùng thì tình yêu ấy chỉ là tình yêu vật chất tầm thường...”<sup>[9]</sup>*

để đạt tới một nơi chốn, một giá trị cao siêu, lý tưởng:

*“Tôi chỉ cốt cho Thu biết vậy thôi, chứ tôi không dám xin Thu một thứ gì cả. Yêu hay không yêu, Thu cũng không cần cho tôi biết... Thu cứ để mặc cho tôi yên lòng yêu Thu. Vẫn biết đó là quyền của tôi. Thu muốn cấm cũng không được; nhưng tôi cũng xin Thu cái hạnh phúc được yêu Thu mà không dám mong Thu yêu trả lại...”<sup>[10]</sup>*

mặc dù vẫn âm thầm nung nấu tận trong da thịt của mình ước muốn được gần gũi, chiếm hữu:

*“Nhìn qua khung cửa sổ ra ngoài không thấy bóng ai, Trương với chiếc áo cánh của Thu rồi úp mặt vào chiếc áo mà chàng âu yếm vò nát trong bàn tay. Lựa áo Trương thấy mềm như da người và mùi thơm hơi cay, không giống hẳn mùi thơm của nước hoa – xông lên ngậy ngất. Trương thấy mình khổ sở vô cùng; chàng lấy làm lạ sao mình lại đau khổ như thế, đau khổ như một người sắp chết...”*<sup>[11]</sup>

và sau cùng điều đáng nói là Trương được Thu yêu trả lại, tình yêu của hai người là cả một hứa hẹn hoà hợp tốt đẹp. Nhưng dường như ngay từ lúc đầu trong tình yêu đó đã có sẵn mầm thất bại sẽ cùng với tình yêu mà lớn lên.

*“chàng nhận thấy mình tầm thường và cuộc ái tình của chàng với Thu cũng tầm thường”*<sup>[12]</sup>

còn Thu nàng nghĩ gì về Trương ngay khi nàng không chút nghi ngờ tình yêu và lòng tôn trọng chân thật Trương mang đến cho nàng?

*“Đối với nàng Trương lạ lẫm và ái tình của chàng cũng lạ lùng như tính nết chàng, lạ lùng làm nàng ghê sợ nhưng có một sức quyến rũ rất mạnh.”*<sup>[13]</sup>

Trương tìm lời tình yêu của Thu như tìm đến sự lãng quên chính chàng, một con người mà bệnh hoạn tước đi cả niềm ham sống. Nhưng ngược lại, chàng cũng chỉ yêu Thu trong ước muốn muôn đời của kẻ si tình là được san sẻ, được kề cận, được chiếm hữu, nghĩa là trong những ước muốn vị kỷ, nghĩa là chàng vẫn phải nhớ tới, nghĩ tới mình. Tình yêu Trương vẫn phải quay mãi trong cái vòng luẩn quẩn đó. Tình yêu của chàng vừa là một trò ma thuật vừa là một trò gian dối. Chàng phải lừa đảo chính mình (đúng hơn là chính cái chết của mình) và để được như vậy chàng phải mặc nhiên chấp nhận việc lừa đảo Thu (không cho Thu biết gì về chứng bệnh của chàng). Đây lại là cái vòng luẩn quẩn khác. Tình yêu chàng nhất thiết thất bại vì chàng không thể nào bẻ gãy những cái vòng luẩn quẩn của tình yêu. Tình yêu thay vì mang đến cho chàng những tia sáng chói loà đã chỉ làm cho tâm hồn chàng đã u tối càng u tối hơn:

*“Giá đời chàng không có Thu! Giá Thu không yêu chàng hoặc hơn thế nữa, chàng ghét được Thu thì thực là hoàn toàn thoát nợ, thoát khỏi ngục đời. Ái tình của Thu đối với chàng lúc nào cũng chỉ như một sự ăn năn thương tiếc không bao giờ nguôi, thương tiếc một thứ gì có lẽ đẹp lắm mà chàng không bao giờ được biết tới. Ngoài cái mong chết vì chán sống, chàng lại còn mong được chết để thoát được tình yêu Thu. Chính chàng đã thấy sợ chàng, sợ sẽ có những hành vi rất xấu đối với Thu, đối với đời, nếu chàng còn sống ít lâu nữa. Chắc chắn là chàng sẽ quấy rầy đến Thu, không thể khác được...”*<sup>[14]</sup>

Hàm hồ, đó chính là ngôn ngữ tình yêu ở Trương. Lúc đến gần Thu cũng là lúc chàng muốn lần tránh Thu để một mình thụ hưởng hết nỗi khổ khổ của sự phân ly, mất mát. Tình yêu không ngừng đặt để chàng vào những khoảnh khắc ngập ngừng khó sống, những khoảnh khắc tan vỡ của mọi ước muốn và chọn lựa. Bởi vậy khi những đòi hỏi nóng bỏng của tình yêu được thực hiện, đó cũng là lúc chàng thấy lòng mình ê chề, nguội lạnh. Như lần đầu tiên chàng tiếp Thu trong phòng, nắm lấy tay nàng, chạm vào người nàng để rồi sau đó:

*“... đứng nhìn theo Thu qua bức màn ren rồi ngồi xuống ghé ôm đầu nghĩ ngợi. Thu đi rồi, chàng không thấy sung sướng gì cả; điều mà trước kia chàng không dám ước tới nay đã thành*



*sự thực, sau chàng vẫn không thấy lòng mình thoả mãn. – Chỉ có thể thôi à? Sao mình lại khốn nạn không nói rõ hết cả cho Thu biết và thôi hẳn có hơn không. Mình hãy còn tiếc và mong ở Thu. Mong mỗi thứ gì mới được chứ?*

*Giá lúc nãy khi định nói, chàng không thấy Thu đợi hay chàng nhìn mặt Thu không thấy yêu lắm thì có lẽ chàng đã nói rồi.”<sup>[15]</sup>*

và như một lần khác, trong buổi đi chơi Chùa Thầy, cơ hội đã mang họ đến gần nhau, và sau khi đã ôm Thu vào lòng, hưởng trọn “*cái thú thần tiên, bỡ ngỡ của cái hôn trao yêu thứ nhất trên đời*”, trong gặp lại cái tình cảm khốn khổ vẫn đeo đẳng chàng ngay từ những buổi đầu của cuộc phiêu lưu tình cảm của chàng: chàng đã là

*“... người của một thế giới khác cách biệt và Thu như đứng bên kia đường nhìn sang, mấp máy môi thắm gọi chàng một cách tuyệt vọng.”<sup>[16]</sup>*

Có lẽ trong tâm hồn Trương, tình yêu của chàng đối với Thu chỉ còn giữ được một ý nghĩa, một vẻ đẹp nào đó khi nào chàng còn giữ được một khoảng cách đối với Thu. Nghĩa là tình yêu chỉ hiện hữu và tồn tại khi nào người ta ước muốn và còn cơ hội để ước muốn. Nhưng điều mà kẻ si tình trong đó có Trương vẫn quên là người ta chỉ *ước muốn trong khoảng cách*, người ta chỉ ước muốn khi nào đối tượng ước muốn còn ở ngoài, ở xa. Khi đã tóm thâu được đối tượng, khi đã chiếm hữu được đối tượng, con người không còn ước muốn, ước muốn không còn lý do tồn tại, ước muốn đã chết trong sự gãy đổ của khoảng cách. Chính Trương cũng đã nhìn thấy rõ rằng ngay trong mưu toan chiếm hữu của nó, tình yêu đã rơi xuống hàng trần tục và đã tan vỡ trong đó:

*“Chàng buồn vì thấy vừa mất đi không lấy lại được nữa một thứ gì đẹp nhất trong đời, chàng thấy tình yêu của hai người lúc ban sáng đã tới một mực cao cực điểm và từ nay trở đi chỉ là lúc tàn dần: ánh sáng rực rỡ đã tắt và buổi chiều buồn bắt đầu về trong lòng chàng, trong đời chàng từ nay.”<sup>[17]</sup>*

Ánh sáng của tình yêu đã tắt, buồn thay!

Trương đã tìm đến tình yêu, đã yêu, đã được đền đáp ngay trong tình yêu, đã thất bại. Sự thất bại không do ở Thu cũng không do một yếu tố nào ở ngoài chàng hay ngoài nàng. Sự thất bại do ở chàng, ở tâm hồn chàng, ở tình yêu chàng mang đến cho Thu.

Đúng hơn đó là sự thất bại của một giấc mơ, cơ hội để tình yêu chàng xuất hiện.

Giấc mơ. Hãy trở lại với nó một lần nữa, trở lại với câu chuyện thật, đề tài thật ẩn giấu trong cuốn sách. Sự thất bại của Trương trong tình yêu quả là một điều cần thiết. Bởi thật sự ra có thể nói rằng chàng đã không hề yêu: yêu đối với chàng chẳng qua chỉ là cơn hốt hoảng của thần trí dưới sức tác động của một kích thích nội tại hay ngoại tại nào đó, cũng như chàng đã không hề yêu Thu: Thu đối với chàng chỉ là một hình ảnh, nàng chỉ là một sản phẩm của mộng tưởng và trí nhớ của chàng. Đây chính là lý do giải thích vững chắc nhất tại sao tình yêu tan vỡ trong chàng, giữa lúc nó đang thăng hoa tốt lành, biến cố mà chàng nhận ra với tất cả sự thân nhiên của mình, “chàng ngờ Thu vì chính chàng đã đổi khác, không yêu Thu như trước nữa”, biến cố xảy đến như một cái gì phải xảy đến, không đủ sức gây nên một tình cảm xao xuyến nào đáng kể ở chàng:

*“Chàng không hiểu tại sao tình yêu Thu trước kia lại làm chàng tiếc đời và đau khổ đến như vậy. Giờ thì chàng được sống và mắt hẳn tắm ái tình đó, ngh chàng không thấy khổ lắm vì mắt hẳn tình yêu của Thu và cũng không thấy vui lắm vì còn được sống ở đời.”*<sup>[18]</sup>

Và điều tệ hại hơn nữa sau đó là tình yêu, cái tình yêu giả dối còn lại trong lòng người, đã không ngần ngại biến thành xấu xa:

*“Nghĩ đến mấy lần tìm gặp Thu, đến bức thư rủ thư đi chơi núi, Trương nhận thấy tình yêu đã hết và bao nhiêu hành vi của mình chỉ còn bị xúi giục bởi một ý muốn rất tầm thường: mong được thoả nguyện về vật dục để thôi không nghĩ đến Thu nữa, có thể thoát được một cái nợ chỉ làm chàng bút rút.”*<sup>[19]</sup>

Nhưng có thể đó là sự tan vỡ của tình yêu? Đúng ra đó chỉ là một hành vi thức tỉnh của Trương trước chính mình cũng như trước thực tại. Chàng nhận ra sự thật là tình yêu chàng nuôi dưỡng bấy lâu chỉ là một cái gì giả dối, một trò đùa, một cuộc chơi. Tàn một cuộc chơi, cuối một tấn tuồng ảo mộng, khi mỗi người trở về với sự thật của đời mình, đó là lúc tình yêu hiện lên nguyên hình: một trò gian dối.

Cái gọi là tình yêu của Trương chỉ là một giấc mơ. Giấc mơ đó bắt đầu từ một hình ảnh. Đi tìm cái hình ảnh đó, chính là đi tìm cái chìa khoá giải thích mọi sự. Hình ảnh đó đã xuất hiện ngay trên những dòng đầu tiên của *Bướm trắng* (những dòng đầu tiên của một cuốn sách dường như lúc nào cũng mang tầm quan trọng quyết định của nó, nó khai diễn một khúc hoà âm, một tấn kịch, một vũ trụ):

*“Trên đường một cơn gió thổi bay lên mấy chiếc lá khô và một ít bụi trắng, khiến Trương cảm thấy nỗi hiu quạnh của cuộc đời cô độc chàng sống đã mấy năm nay. Chàng thốt nhớ đến Liên, người yêu của chàng đã chết vì bệnh lao ba năm trước. Chàng nghĩ đến những cái thú thần tiên của tình yêu lúc bắt đầu, và nỗi buồn của chàng khi được tin Liên chết.”*<sup>[20]</sup>

Vâng, hình ảnh đó là một người con gái tên Liên chợt hiện lên trong trí nhớ để rồi âm thầm nắm giữ lấy vai trò quan trọng nếu không nói là chủ chốt trong đoạn đời kế tiếp sau đó. Tôi cho rằng chính Liên – cô gái vắng mặt hoàn toàn trong cuốn sách, một nhân vật không lời nói, không cử chỉ, đúng ra là khoảng trống của nhân vật – lại là nhân vật chánh điều động tấn thảm kịch của Trương (và từ đó của tác phẩm *Bướm trắng*). Nếu trong mỗi tác phẩm đều tàng ẩn một câu trả lời của chính tác giả, Liên chính là câu trả lời của *Bướm trắng*. Tôi tự hỏi nếu hôm đó Trương đã không “thốt nhớ đến Liên, người yêu của chàng đã chết vì bệnh lao ba năm trước”, câu chuyện của chàng sẽ ra sao, câu chuyện của *Bướm trắng* sẽ ra sao và nhất là tình yêu giữa chàng và Thu sẽ ra sao (nhưng chắc gì tình yêu đó đã xảy ra?). Chàng gặp Thu, đã tức thì bàng hoàng trước Thu, đã tức thì yêu Thu ngay trong buổi sơ ngộ đó. Nhưng có thật là chàng yêu Thu? Dưới mắt chàng Thu có còn là Thu? Hay đúng ra nàng *đã là* Liên, hình ảnh mới đây chợt đến với chàng trong tất cả sự tình cờ của nó, và chính sự tình cờ này cũng đã trở thành một định mệnh mù quáng. Dưới mắt chàng, Thu chỉ còn là sự thể nhập, hồi sinh của Liên:

*“Sao trông giống Liên thế. Lại có phần đẹp hơn.”*<sup>[21]</sup>

*“Sao lại giống Liên thế, mà lại đẹp hơn nhiều.”*<sup>[22]</sup>

Thu đã trở thành một hình ảnh, một giấc mơ và Trương đã yêu nàng qua hình ảnh, qua giấc mơ đó, biến nàng thành một tên tội phạm của chà, và những nhận thức của Trương về nàng, những tình cảm của Trương dành cho nàng, tất cả mai đây chỉ còn tuân theo một thứ luận lý, đó là luận lý (của con người) mộng tưởng.

Tình yêu, giấc mơ kia, đã tìm đến sự tan vỡ, đã tan vỡ ngay từ trong lòng nó: ta biết rằng, ở Trương, con người mộng tưởng không tách rời khỏi con người bệnh hoạn. Chính ý tưởng về bệnh hoạn (ảo tưởng về bệnh hoạn?) đã làm nền cho tất cả những mộng tưởng cũng như những tình cảm ở Trương. Giấc mơ của Trương đã xuất hiện từ đâu nếu không phải từ một cơn bại hoại tinh thần. Chàng đã *tạo* nên giấc mơ đó trong cơn hốt hoảng trước ám ảnh của cái chết tưởng đã gần kề. Như vậy phải chăng chính chàng cũng là tác giả của sự tan vỡ nói trên một khi đã thoát khỏi những cơn cuồng nộ của bệnh hoạn và cái chết, một khi tâm hồn chàng đã lắng xuống, trở lại bình thường, một khi hình ảnh của Liên sụp đổ, một khi Thu trở lại với Thu, nghĩa là từ một huyền thoại trở lại với con người thật của nàng. Và đây là Trương khi nhìn lại giấc mơ của mình:

*“Trương nghĩ lại mới thấy tình chàng yêu Thu không có một lý lẽ gì sâu xa, một căn bản gì chắc chắn cả. Chỉ là một ảo tưởng gây nên bởi một vài sự rủi ro; lần đầu trông thấy Thu là hôm Thu có một vẻ đẹp nào nùng trong bộ quần áo tang, giữa lúc chàng đương mắc bệnh lao có cơ nguy đến tính mạng; Thu lại có một vẻ đẹp giống Liên, người mà trước kia chàng đã yêu. Giá nếu gặp Thu trong một lúc khác, và nếu có thể yêu Thu một cách bình thường như yêu một người khác, không kính trọng Thu quá như thế, có lẽ chàng đã không phải chịu bao nhiêu đau khổ bấy lâu.”*<sup>[23]</sup>

Con người mộng tưởng ở Trương cũng đã chết khi tình yêu gãy đổ, khi giấc mơ tàn lụi, khi ý thức của chàng đã phục hồi địa vị và tiếng nói của nó. Thì ra, chàng cũng chỉ là một con người bình thường như bao nhiêu người khác, chợt rơi vào một kinh nghiệm choáng váng say sưa. Và *Bướm trắng* chính là khúc ca hùng tráng của một con người trong một bước chân trượt ngã, lao đầu vào một khoảng mệnh mông...

### **Một thế giới về chiều**

*Bướm trắng* là giấc mơ của một tâm hồn đang chơi với giữa lòng cuộc đời với những ám ảnh không rời của bệnh tật và cái chết, một giấc mơ điên cuồng, đẹp tuyệt được tạo thành để lấp đầy những khoảng trống vắng hời hợt của cuộc hiện hữu ngẫu nhiên, không thường tồn. Đó là mưu toan của con người muốn thoát ly, muốn lãng quên cái thực tế buồn nản và gớm ghiếc đang đè nặng lên nó, một cách nào đó, để khỏi bị chà đạp, nghiền nát, một cách nào đó, để được đóng vai kẻ thắng trận. Nhưng giấc mơ nào rồi cũng đến lúc tan vỡ. Cái thảm kịch của Trương là muốn lãng quên thực tế của đời mình nhưng luôn luôn lại phải nhớ đến nó, luôn luôn lại phải trở về với nó. Phải chăng khi đã chọn mộng tưởng làm một cách thế nhìn ngắm cuộc đời, nhìn ngắm chính mình, một cách thế sống, chàng đã chọn sự thất bại. Bởi cuộc đời thật của chàng là cuộc đời thiếu hụt. Bởi thế giới thật của chàng là thế giới về chiều. Chàng tìm cách thoát ly nhưng những bước phiêu lưu lại chỉ là những bước trở về, cho nên chàng tiếp tục là kẻ lạc loài, tuyệt vọng, người tù chung thân của cô đơn và bóng tối. Trong cái thế giới tiêu điều, âm u, buồn bã, nhàm chán của *Bướm trắng*, Trương xuất hiện như một hình ảnh muộn màng của một nhân loại không ân huệ, không hứa hẹn, chàng là hình ảnh một con người bị tước đoạt, bị xua đuổi. Chàng đang đi đâu? Chàng mong đợi gì ở đời sống? Có lẽ chàng không biết nữa:

*“Trương ở vào tình trạng một người không cần gì nữa, chỉ mong xảy đến cho mình một việc, bất cứ việc gì, miễn là khác thường để cho mình quên được sự sống.” [24]*

Chờ đợi “bất cứ việc gì” xảy đến tức là không chờ đợi gì nữa. Thế nào là một kẻ không chờ đợi? Một kẻ ở tận cùng mọi sự chờ đợi, ở tận cùng chính đời sống của mình, đời sống như một chuỗi liên tục của những khoảnh khắc chờ đợi. Một kẻ đang sống chính cái chết của đời mình. Cái chết, Trương không xa lạ gì với nó. Từ khi tình nghi mình mắc bệnh lao, cái chết trở thành một ám ảnh thường xuyên của chàng, nó kề cận bên chàng, nó đã có mặt ngay trong đời sống của chàng. Cái thế giới về chiều của *Bướm trắng*, thật ra chỉ là thế giới chiếu rọi từ một dự phóng nền tảng của Trương, một tâm hồn chạng vạng đang trù trừ giữa sự sống và cái chết. *Bướm trắng* chính là cái thế giới nhạt nhòa, chết chóc dưới cái nhìn huỷ hoại, man rợ của một con người đang hấp hối. Có một hơi thở bàng bạc, chạy dài suốt mấy trăm trang sách, tạo cho chàng một bầu không khí duy nhất, một đời sống duy nhất, một ngôn ngữ duy nhất. Kỳ lạ thay, có thể thu gọn *Bướm trắng* về một hơi thở của sự sống, một nhịp đập của trái tim. Trong hơi thở nồng nàn đó đã xen vào cái lạnh của miền đất chết. Trong nhịp đập say sưa kia đã nghe đời thoi thóp. Như vậy, có thể nói rằng đây là một cuốn tiểu thuyết viết về cái chết, đặt vấn đề cái chết? Không. Cuốn sách không nêu lên câu hỏi về cái chết cũng không đề nghị một câu trả lời nào cho cái chết cũng như đời sống. *Bướm trắng* chỉ mô tả một kinh nghiệm. Chỉ có kinh nghiệm lên tiếng, thay lời cho tác giả ẩn mặt và im lặng sau tác phẩm mình: kinh nghiệm của một người trong cơn giục giã của đời sống đồng thời trong ám ảnh của cái chết đâu đây. Kinh nghiệm của một người tên Trương. Không. Trương chỉ là một cái tên, một cơ hội từ đó kinh nghiệm xuất hiện, *cái chết lên tiếng*. Vâng, chính cái chết đang lên tiếng ở Trương. Cái chết đang xê dịch trên những bước chân lang thang của chàng. Cái chết đang nghĩ ngợi và mơ tưởng trong đầu óc chàng. Cái chết đang yêu thương hay thù hận trong lòng chàng. Cái chết đang sống trong chàng. Cái chết không hình thù mảy mạt, không lai lịch, không tên tuổi. Vẫn là nó, cái chết, trong cái nhìn reo vui gửi lên sự vật:

*“Khi ra đến ngoài, chàng thấy cảnh trời đất đẹp rực rỡ xán lạn. Lá cây chàng thấy xanh hơn và màu các bông hoa trong vườn tươi thắm như ướt nước. Chàng tiến về phía nhà ngang chỗ đông người đứng: gió và ánh sáng làm chàng chói mắt và say sưa bàng hoàng như người uống rượu.” [25]*

Vẫn là nó, cái chết, trong cuộc mặc khải êm đềm của tình yêu:

*“Giữa vẻ đẹp rực rỡ của mùa xuân, cạnh một người đẹp mà chàng yêu, Trương vẫn riêng thấy lẻ loi, chơ vơ với nỗi buồn nản thảm kín của lòng mình.” [26]*

*“Trương tự nghĩ nếu làm thế nào rũ được Thu cùng tự tử thì cái chết của hai người sẽ êm ái lắm.” [27]*

Vẫn là nó, cái chết, trong những phút sáng suốt:

*“Trương chợt nhận thấy mình là một người hấp hối cần suy nghĩ bao quát của đời sống của mình trước khi nhắm mắt.” [28]*

Vẫn là nó, cái chết, trong những ảo tưởng:

*“Hình như nàng mặc áo tang, đội mũ, tóc bỏ xõa, đi theo sau một chiếc áo quan và chính chàng lại nằm trong chiếc áo quan ấy, người chàng liệm toàn vải trắng.”* <sup>[29]</sup>

Vâng, luôn luôn là cái chết, bóng dáng nó ẩn hiện, tiếng nói của nó tiềm tàng trên khắp các trang sách, qua suốt câu chuyện kể, qua suốt lời kể chuyện của tác giả, nó thấm nhập vào chính giọng kể của tác giả: *cái chết không còn ở ngoài lời nói về cái chết, cái chết nói.*

Hỏi: đâu tiếng nói chân thật nhất của *Bướm trắng*, đâu là nhân vật chính thật của *Bướm trắng*? Phải chăng đó là cái chết đã nhập thể vào một lời nói, vào một nhân vật? Phải chăng đó là cái chết không như một đối tượng sở hữu mà là chủ thể sở hữu (cái chết chiếm đoạt lấy Trương, làm chủ tâm hồn chàng, vũ trụ của chàng...)?

Trong thế giới về chiều của *Bướm trắng* con người luôn phải sống trong mối ám ảnh liên li của cuộc huỷ hoại sau cùng, cái chết. Cái chết trở thành bá chủ. Ta có thể nói rằng tất cả đều đã bắt đầu, bắt nguồn từ *cái chết đã nằm sẵn trong ý thức của Trương*. Chính cái chết (hay đúng hơn là ảo tưởng về cái chết) đã đưa Trương vào tận những miền sâu thẳm của tâm hồn mình, của sự sống, và nhậm lời của tình yêu với những say sưa và cuồng nộ của nó. Chính nó đã biến cuộc đời Trương thành những chặng đường phiêu lưu mà rất có thể trước kia chàng chưa hề nghĩ tới: bỏ học, yêu, dấn mình vào cuộc truy lạc, phạm tội v.v...: đối với Trương dường như tất cả đều được phép khi người ta đang sống với cái chết đang kề sát, đốt cháy da thịt mình.

*“Vì không cần gì nữa, anh đã tự phá huỷ đời anh. Anh bỏ học và có bao nhiêu tiền anh đem phung phí hết trong các cuộc vui. Anh có thích gì đâu! Nhưng không lẽ cứ ngồi đấy đợi cái chết đến.”* <sup>[30]</sup>

*“Sống gấp hay không sống gấp, đảng nào cũng sẽ như đảng nào, cái cách tốt hơn hết là nhồi một viên đạn nhỏ vào trong sọ. Tạch một cái, thế là hết. Ngọt như mía lùi.”* <sup>[31]</sup>

Con người tự do trong cái chết. Con người vô trách nhiệm trong cái chết. Con người được phép làm mọi sự kể cả tự tử, “*cõi Niết Bàn của sự bạo động*” kia (Cioran) mà chính Trương đã từng nghĩ tới.

Nhưng Trương chưa tự tử mặc dù chàng đã từng thực hiện những hành vi liều mạng đến tột cùng, lòng dửng dưng trước những căn bản của Thiên Ác; chưa tự tử bởi vì trong cái thế giới về chiều đó, cái chết vẫn chưa phải là tiếng nói sau cùng và con người, may mắn thay, vẫn còn một chỗ đứng, một cơ hội, dù cho đó là một chỗ đứng tạm bợ, dù cho đó là một cơ hội sau cùng như Trương, sau những ngày ảo mộng buồn bã, đã:

*“... cảm thấy mình trở lại trước một cuộc đời không bạn hữu, không cha mẹ anh em và trí chàng tự nhiên nghĩ đến quê hương, tìm một nơi căn bản như người sắp chết đuổi tìm một vật gì để bám víu.”* <sup>[32]</sup>

Một chỗ đến cho người sắp chết đuối, một tâm hồn đã mỏi sống? Đó phải chăng là một nơi để trở về:

*“Nhìn lịch chàng nhớ ra ngay ngày mùng tám là ngày giỗ mẹ chàng. Cái yêu thương về quê để giỗ mẹ và về quê để gặp được nhau một cách rất tự nhiên, cùng hiện đến trí chàng trong một lúc. Yêu thương đó không có gì mới lạ cả, sao lại khiến chàng sung sướng đến thế. Chàng như*

*thấy một cơn gió nhẹ nhàng thổi ùa vào trong tâm hồn... Chàng cần một thứ rất êm dịu để an ủi lòng mình, thứ đó là tấm tình yêu của Nha, người vẫn dịu dàng yên lặng yêu chàng và đợi chàng ở chốn quê xa xôi và yên tĩnh.”*<sup>[33]</sup>

Trương là điển hình của mẫu người sống trong sự đốt cháy của ý thức. Sống và ý thức về đời sống, về chính mình. Nhưng *ý thức về đời sống ở Trương đồng thời cũng là ý thức về cái chết*. Trương trước tiên là một cái nhìn thấu suốt căn phận: sống tức là chạm mặt thường xuyên với chính thân phận đầy giới hạn và ngẫu nhiên của chính mình: sống tức là đang đi lần tới, đã tới chỗ tận cùng của đời sống mình. Phải chăng chính trong những phút, chỉ trong những phút gọi là hấp hối của con người, đời sống sẽ chột hiện lên trong vẻ đẹp nào nùng nhất của nó. Cái gì đã làm ngây ngất người đọc ở *Bướm trắng* nếu không phải là cái vẻ đẹp nào nùng của đời sống như sắp sửa vỡ tan thành mây khói kia?

Trong bầu trời ử dột của một vũ trụ đang tàn úa, điều đáng nói là những bước chân của Trương đã không ngớt kêu gọi tới đời sống, dù cho đó là những tiếng kêu gọi đầy tuyệt vọng. Ở Trương luôn có sự giằng co quyết liệt giữa bóng tối và ánh sáng, giữa sự sống và cái chết, giữa sống và huỷ hoại. Trong những quyển rữ đê mê của cái chết, ý thức chàng vẫn bập bùng lửa sống, và ta có thể nói rằng những bước đường phiêu lưu của chàng sau lần thức tỉnh trước sự thật của đời mình, chúng còn mang một ý nghĩa nào khác: đó là cách khẳng định chính mình như một sự có mặt, như một sự sống, và hơn thế nữa, như một *ước muốn về đời sống*. Ý thức về cái chết, thay vì dập tắt, đã càng khơi dậy ở chàng những ước muốn say sưa, nồng nàn, nóng bỏng trước cuộc đời như một niềm bí ẩn kỳ diệu với trăm ngàn cánh cửa chờ đợi mở toang. Hãy một lần nữa lần theo những bước chân của Trương, lắng nghe những tiếng nói thầm kín nhất của Trương, ngắm nhìn từng cử chỉ của Trương, xem Trương sống, để thấy rằng chính trong những tình cảm tăm tối nhất của con người, mối đam mê về đời sống của nó lại càng trở nên mù quáng, man rợ hơn bao giờ hết: những hành vi của Trương, dù trong tình yêu, dù trong tội lỗi, cần được quan niệm như những *biểu tượng* sống động nhất của một con người nổi loạn trước những hoàn-cảnh-giới-hạn của mình. Một biểu tượng khác, đó là hoài niệm, đó là hồi tưởng. Trong tâm hồn cần cỗi của Trương, quá khứ bao giờ cũng đẹp, nó như một thế giới khác, đầy thần tiên, ở ngay trong chàng, một thế giới mà chàng vẫn tìm đến, quay về, để làm gì nếu không phải để làm ấm lại ngọn lửa tro đang tàn rụi trong chàng: đó phải chăng là thế giới thật của chàng. Tuổi thơ bao giờ cũng rực rỡ trong những dòng hồi tưởng của Trương và chính ở những trang sách của kỷ niệm và trí nhớ đó, người đọc đã khám phá những dòng chữ êm đềm, trong sáng nhất của *Bướm trắng*:

*“Lòng chàng lắng xuống và từ thời quá vãng xa xăm nổi lên một hình ảnh yêu quý của tuổi thơ trong sáng: khu vườn rau của mẹ chàng với những luống rau diếp xanh thắm, những luống thì là lá nhỏ như sương mù và hôm nào trời nắng, những mầm đậu hoà lan tươi non nhú lên qua làn rơm ủ. Rồi đến khi luống đậu nở hoa trắng có những con bướm rất xinh ở đâu bay về...”*<sup>[34]</sup>

*“Chàng ngẩng nhìn trời qua những cành long não lá non và trong: chàng thấy mình như trở lại hồi còn bé dại, lâng lâng nhẹ nhàng tưởng mình vẫn còn sống một đời thơ ngây trong sạch và bao nhiêu tội lỗi của chàng tiêu tán đi mất hết.*

*Vòm trời cao lúc đó, Trương nhận thấy thân mật, êm dịu như vòm trời ở phía sau nhà đã bao nhiêu lần chàng nhìn thấy mỗi khi ra thăm vườn rau của mẹ chàng.”*<sup>[35]</sup>

Ước muốn đời sống, hoài niệm tuổi thơ và quá khứ, có thể coi đó như những cách thể diễn

hình của con người, ở đây thể hiện qua hình ảnh của Trương, trong nỗ lực tìm kiếm cho mình một cơ hội, một dịp may hầu thoát khỏi móng vuốt của định mệnh và cái chết đang chực chờ huỷ hoại. Ước muốn và hoài niệm, đó chính là *niềm vui* của con người tuyệt vọng đang đi đến tận cùng những giới hạn của mình.

Ở cuối đường phiêu lưu, khi tàn cơn mộng ảo – cũng là lúc Trương thức tỉnh lần này không phải trước bệnh hoạn và cái chết mà trước đời sống thật của mình, một đời sống bình thường, thay vì là một hình ảnh hay một huyền thoại của đời sống – Trương đã tìm được niềm vui mà trước đây đã chỉ đến với chàng trong mơ tưởng và hồi tưởng, niềm vui có *thật* của một con người *thật* trong một đời sống *thật*. Chàng từ chối gặp gỡ Thu một lần chót, cơn dối trá sau cùng của con người mộng tưởng chính là chàng; chàng từ giã luôn cái thế giới mà chàng đã dựng lên từ một hình ảnh, một cơn xúc động làm xây xắm mặt mày; chàng từ giã luôn những ám ảnh triu mến của cái chết bởi vì “*chốn đó, nơi mà chàng tưởng sẽ quên được hết (...), chốn đó không phải là cõi chết ở thế giới bên kia*”. Chàng trở lại quê nhà, tìm lại Nhan, người con gái vẫn đợi chàng từ những năm trước: Nhan như *niềm vui thứ nhất* đến với chàng, với tất cả đơn sơ và dịu dàng của nó, Nhan như sự thật đầu tiên xuất hiện dưới ý thức của Trương vừa trải qua một cơn say khướt. Chuyến trở về của Trương sau một quãng đời phóng túng trong đó có những hành vi xấu xa không chối cãi vào đâu được (việc chàng thụt két, vào tù), liệu có thể xem đó như cơn phản tỉnh của con người đạo đức ở Trương? Không. Thiết tưởng rằng tìm đến một câu giải thích về Trương cũng như về tác phẩm *Bướm trắng* mà chỉ căn cứ vào một chủ trương hay một ý hướng đạo đức, điều này có nghĩa là phủ nhận nhân vật (Trương) và tác phẩm (*Bướm trắng*) ngay từ trong bản chất của chúng. Bởi vì ở đây, khởi điểm của nhân vật và tác phẩm không căn cứ trên một ý tưởng đạo đức mà trên một nhận thức thấm đẫm tính chất siêu hình của con người về đời sống. Vậy thì Trương, hình ảnh một con người mộng tưởng đồng thời là một ý thức khốn khổ đó, hẳn đi tìm cái gì? Có thể hẳn đi tìm cho hẳn một đời sống thật, một khuôn mặt thật, sự thật và niềm vui, tất cả ẩn giấu sau những tấm màn giả ảo.

[1] *Viết và đọc tiểu thuyết*, Đồi nay, Sài Gòn, 1961

[2] Sách đã dẫn, trang 19 và kế tiếp.

[3] Sách đã dẫn, trang 22-23

[4] *Bướm trắng*, Đồi nay, Sài Gòn, 1970, trang 7

[5] Sách đã dẫn, trang 8

[6] Sách đã dẫn, trang 14

[7] Sách đã dẫn, trang 14

[8] Sách đã dẫn, trang 16

[9] Sách đã dẫn, trang 48

[10] Sách đã dẫn, trang 60-61

[11] Sách đã dẫn, trang 59

[12] Sách đã dẫn, trang 45

[13] Sách đã dẫn, trang 109

[14] Sách đã dẫn, trang 138

[15] Sách đã dẫn, trang 123

[16] Sách đã dẫn, trang 149-150

[17] Sách đã dẫn, trang 151

[18] Sách đã dẫn, trang 229

[19] Sách đã dẫn, trang 252

[20] Sách đã dẫn, trang 8

[21] Sách đã dẫn, trang 11

- [22] Sách đã dẫn, trang 12  
 [23] Sách đã dẫn, trang 251-252  
 [24] Sách đã dẫn, trang 55  
 [25] Sách đã dẫn, trang 88-89  
 [26] Sách đã dẫn, trang 67  
 [27] Sách đã dẫn, trang 68  
 [28] Sách đã dẫn, trang 137  
 [29] Sách đã dẫn, trang 80  
 [30] Sách đã dẫn, trang 236  
 [31] Sách đã dẫn, trang 155  
 [32] Sách đã dẫn, trang 84  
 [33] Sách đã dẫn, trang 256  
 [34] Sách đã dẫn, trang 141  
 [35] Sách đã dẫn, trang 197

Nguồn: *Văn*. Tập san Văn chương – Tư tưởng – Nghệ thuật. Năm thứ Bảy, số 156, ra ngày 15 tháng 6 năm 1970. Toà soạn và trị sự: 38, Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. ĐT: 23.595. Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/ND, ngày 4-12-1963. Bìa 1 số này: Chân dung Nhất Linh, vẽ bởi Nguyễn Gia Trí. Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút). Thư từ, bản thảo đề tên ông Trần Phong Giao (thư ký toà soạn). Giao thiệp trực tiếp ông Gia Tuấn (phụ tá thư ký toà soạn). In tại nhà in riêng của báo Văn. Quản lý: cô Nguyễn Thị Tuấn. Giá 280đ. [Chúng tôi nhập liệu nguyên văn từ trang 1 đến trang 78, tập san này dày 125 trang, có bỏ một vài bản tin rao vặt, quảng cáo sách]. Bản điện tử do talawas thực hiện.

## **6 – Triết lý tuyệt hảo trong cuộc đời Nhất Linh Trương Bảo Sơn**

Có nhiều người vì tranh đấu cho tự do nên bị tù đầy. Có bị tù đầy mới thấy tự do là quý. Đương bị tù mà được trả tự do - nhất là trước ngày mãn án vụ đảo chính hụt ngày 11.11.1960, đương bị tù đầy ở Côn Đảo - đều vui mừng sung sướng khi nghe tin cuộc đảo chính của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ngày 1.11.1963 đã thành công và ngày một ngày hai mình sẽ được trả lại tự do trở về đất liền. Tuy nhiên trong khi ấy, tôi lại ngổn ngang tâm sự. Trong cái vui của tôi man mác một nỗi buồn vô tả, tôi biết trong dịp này, tất cả các chính trị phạm chống đối chế độ cũ, đặc biệt các đồng chí của tôi hoặc đang bị giam cầm hoặc đang ẩn trốn ở một nơi nào đó trong hay ngoài nước, đều được trở về đoàn tụ với gia đình, bạn hữu, nhưng riêng một người vừa là đồng chí, vừa là bạn văn thơ và là bạn tâm tình của tôi không bao giờ trở về sum họp với gia đình, với đồng chí và bạn hữu nữa. Người ấy là: Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Nhất Linh đã:

*Người đi đi mãi không về –  
 Nhớ người lòng suối Đa Mê gợn buồn...*

Đó là hai câu thơ Nhất Linh làm trong một buổi chia tay với gia đình tôi, hôm chúng tôi đến thăm anh tại Phin Nôm, nơi cách xa Đà Lạt 26 cây số, nhà làm bên bờ suối Đa Mê, giữa một vườn lan tươi đẹp. Hai câu này, Nhất Linh bảo là ứng với việc tôi đi tù, không ngờ nay lại ứng vào trường hợp của chính Nhất Linh.



Nhất Linh đã đi luôn không về nữa. Và tôi không biết tả sao cho xiết nỗi buồn của tôi khi chiếc tải vận hạm “*Tiền Giang*” đưa chúng tôi từ Côn Đảo về vựa cập bến Bạch Đằng ngày 8.11.1963, tôi trông thấy chị Nhất Linh với vòng khăn tang trắng trên đầu. Chị thân hành ra đón “*mừng*” những chính trị phạm, trong đó có nhiều đồng chí của chồng chị. Chị thành tâm ra đón “*mừng*” chúng tôi thật. Chị “*mừng*” cho chúng tôi được thoát cảnh lao tù, trở về với vợ con, gia đình, bạn hữu. Nhưng tôi, nhưng chúng ta đã đoán, cũng đủ thấy trong thâm tâm chị đã đau khổ biết chừng nào!

Ngay ngày hôm đó tôi đến thăm chị Nhất Linh ở chợ An Đông, thấy chiếc bàn thờ anh ở chùa Giác Minh, thấy mộ anh với tấm bia ghi rõ tên anh, sau chót về nhà xem tấm hình chụp thi hài anh khi nằm trong phòng lạnh tại bệnh viện Grall, tôi hoàn toàn hết hy vọng gặp lại anh trên cõi đời này. Nhưng thật là lạ: tôi biết Nhất Linh đã chết, chết thực sự rồi, nhưng sao tôi vẫn cứ băng khuâng tưởng chừng như Nhất Linh chưa chết, Nhất Linh còn sống, Nhất Linh vẫn tồn tại, còn ở một nơi nào đó tôi chưa tìm thấy...Tiếp đến hôm tôi đến dự một buổi hội họp của Trung tâm Văn Bút, các văn hữu có mặt hôm đó đã nhắc nhở nhiều tới Nhất Linh, và sau một phút mặc niệm anh, tất cả đã thảo luận và quyết định tổ chức nhiều buổi nói chuyện về thân thế và sự nghiệp văn chương của anh.

Tôi đã được cái vinh hạnh anh em đề cử mở đầu những buổi nói chuyện, lấy cơ tôi gần Nhất Linh, và có thể nói nhiều về Nhất Linh.

Sự thực gần đúng như thế, nhưng chính vì thế tôi thấy khó nói về người thân, nên nhường để các văn hữu khác đề cập tới vấn đề đó. Vậy tôi nên nói gì? Suy nghĩ mãi, tôi thấy cái cơ mà các văn hữu trong Trung tâm Văn Bút nêu ra để đề cử tôi nói chuyện đã gợi cho tôi đề tài để nói, ấy là: “*Những điều tôi hiểu biết về Nhất Linh Nguyễn Tường Tam trong khi sống gần anh hoặc làm việc với anh*”.

Và hôm nay, tôi đem ra công hiến những điều ấy. Cũng có những điều cách đây 11 năm tôi đã có dịp trình bày sơ qua trên một tạp chí, hôm nay tôi sẽ nói đầy đủ hơn, với những chuyện trong 11 năm cuối cùng của Nhất Linh. Tôi muốn nói về: *Triết lý tuyệt hảo trong cuộc đời Nhất Linh Nguyễn Tường Tam*.

*Thế nào là triết lý tuyệt hảo?* Đó là một triết lý có mục đích làm được công việc cho thật hoàn toàn, không lỗi lầm thất thố, theo đúng với khuynh hướng của mình, cái khuynh hướng chân chính, mình tự cảm thấy một cách hết sức thành thực, không bị ảnh hưởng của ngoại vật hoặc của dục vọng, như tiền tài, danh giá chi phối và làm sai lạc.

Tỷ dụ như người có khuynh hướng làm kỹ sư, có óc tìm tòi sáng chế, lại đi làm hành chính là một nghề cần đến những tài năng và đức tính khác hẳn, vì tưởng rằng xuất chính danh giá hơn.

Hoặc người có khuynh hướng nhà văn và nếu cứ hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật, thì sẽ thành công nhưng lại thích làm nhà võ, vì thấy đời võ tướng oai hùng hơn.

Những người này khó thành công một cách tuyệt hảo, vì chính họ không có khuynh hướng trong cái nghề họ thích, họ phải làm một nghề chán nản, phải sống một cuộc đời gượng gạo và không giúp ích gì được cho chính mình và cho người khác bằng nếu họ sống theo đúng khuynh hướng chính của họ.

Nhưng khuynh hướng ấy không phải ai cũng đều nhận thấy ngay ở mình một cách dễ dàng: một đôi khi, người ta phải làm hết việc này việc nọ, dần dần mới tìm ra cái khuynh hướng đúng

của mình và công việc hợp với khuynh hướng ấy. Trong khi tiếp xúc với Nhất Linh, tôi nhận thấy ở anh có hai khuynh hướng:

1. Là khuynh hướng nghệ sĩ, và
2. Là khuynh hướng cách mạng. [1]

Hai khuynh hướng khác biệt nhau này, ở Nhất Linh, lại ngang bằng nhau, nên chúng luôn xung đột nhau.

Hay nói cho rõ thêm, ở anh có hai con người: Một con người Nhất Linh làm văn nghệ, và

Một con người Nguyễn Tường Tam cách mạng. Khi thì riêng một mình con người Nhất Linh làm việc.

Khi thì riêng một mình con người Nguyễn Tường Tam làm việc.

Lại thêm cái triết lý tuyệt hảo xen vào, con người nào cũng tận tâm tận lực làm cho công việc mình thật hoàn toàn tốt đẹp. Nên trong cuộc đời của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã xảy ra nhiều tấn bi kịch bi tráng.

Tấn kịch đầu tiên xảy ra khi Nhất Linh xin vào đại học. Người ta chỉ định cho anh vào ban y khoa. Hồi ấy vào khoảng năm 1923-1924, các sinh viên đại học không có quyền tự chọn khoa mình muốn học. Ban giám đốc đặt đâu phải ngồi đấy. Thế mà theo Nhất Linh anh sợ nhất nghề làm quan và làm thầy thuốc, hoặc những nghề buộc anh phải giao tiếp với nhiều người. Không những thế, chính cái khuynh hướng nghệ sĩ của anh cũng không muốn cho anh theo đuổi những nghề ấy, và đòi hỏi ở anh một nghề tự do, một đời sống hoàn toàn phụ thuộc về riêng anh, không bị ràng buộc, câu thúc bởi một điều gì, hay một thủ tục nào.

Quả nhiên mấy tháng sau anh bỏ học y khoa và xin vào trường Mỹ Thuật, trước sự ngỡ ngàng của gia đình và bạn hữu anh.

Ở trường Mỹ Thuật, anh tin tưởng đời anh sẽ thành một họa sĩ, thực thích hợp với tâm hồn nghệ sĩ của anh. Anh mê say hội họa, nhưng sau một năm, một hôm cùng bạn theo giáo sư về một vùng quê vẽ mấy con trâu, anh nhận thấy cái cảnh nghèo khổ của dân quê và sự vô lý của công việc anh đang làm trong lúc dân chúng bao nhiêu người phải sống trong cảnh “*bùn lầy nước đọng*”, anh lại có thì giờ đi vẽ trâu.

Anh ngạc nhiên một cách khó chịu nhận ra mình không hoàn toàn chỉ có một khuynh hướng là khuynh hướng nghệ sĩ, trong con người của anh còn có một khuynh hướng khác, một khuynh hướng cách mạng, muốn san bằng tất cả mọi bất công trong xã hội loài người.

Anh lại bỏ học: trừ vài ba bạn thân biết anh tham gia vào tổ chức Nguyễn Thái Học, không ai hiểu duyên cớ vì đâu.

Đó là tấn bi kịch thứ hai của đời Nhất Linh.

Muốn phụng sự văn nghệ, Nhất Linh không được trọn vẹn phụng sự văn nghệ. Muốn làm cách mạng anh không được trọn vẹn làm cách mạng, anh nên làm gì bây giờ để có thể dung hòa cả hai khuynh hướng của anh? Suy tính mãi, anh nghĩ tới đời làm báo. Nghĩ là làm, anh xa ngay nhà, xa ngay cả người vợ mới cưới để vào Nam tìm phương tiện sang Pháp học nghề làm báo.

Và tấn bi kịch thứ ba của đời anh bắt đầu.

Vào Nam, Nhất Linh liên lạc với Vũ Đình Di, Trần Huy Liệu, hoạt động chống Pháp. Tổ chức bị bại lộ, anh phải trốn sang Cam-Bốt và lấy hội họa làm sinh kế, cũng như khi ở Sài Gòn, anh đã đi về cả “*phông*” cho một vài ban hát.

Nhưng sang tới Pháp (1927) vào trường học làm báo, anh thấy chẳng có gì đáng học ở đây cả: những điều cần thiết cho nghề làm báo đáng học ở ngoài trường đời kia. Anh đi thăm các nhà báo, khảo sát cách tổ chức, cách làm việc của họ. Có tiền anh chỉ mua báo, mua sách, say mê đọc, nghiền ngẫm nghệ thuật viết văn của họ, hầu có thể áp dụng vào văn chương Việt Nam, để cải tiến nghệ thuật viết văn Việt Nam.

Trong khi ấy anh học thêm và tốt nghiệp cử nhân lý-hóa.

Trở về nước (1930) anh xin phép xuất bản tờ *Tiếng Cười* nhưng thiếu tài chính, anh đành phải bỏ giấy phép, đi làm giáo sư tại trường trung học Thăng Long ở Hà Nội. Được hưởng lương cao, và nổi tiếng dạy giỏi, trò yêu, bạn mến, nếu anh lấy đó làm mục đích thì suốt đời anh đã thành công.

Nhưng không, cả hai khuynh hướng nghệ sĩ và cách mạng của anh đều không được thỏa mãn với nghề làm giáo sư. Anh chỉ đi làm giáo sư để lấy phương tiện làm báo thôi. Trong khi đi dạy học, anh để dành tiền làm báo, anh kiếm người cộng sự làm báo, tất cả tâm trí anh chỉ để vào có một mục đích là làm báo. Đến khi anh gặp ông Phạm Hữu Ninh nhường cho làm tờ *Phong Hóa*, anh em không ai ngạc nhiên khi thấy anh bỏ ngay cái nghề hàng tháng đương cung cấp cho anh 300 đồng bạc lương để làm một nghề đem lại cho anh 30 đồng bạc, nghĩa là 1/10 số lương cũ.

Anh bỏ hết mọi việc khác để làm báo: anh say mê tổ chức tòa soạn, nhà in, quảng cáo, soạn thảo và lựa chọn bài vở, vẽ tranh ảnh, thôi thúc anh em làm việc, chia công tác cho từng người. Việc gì anh cũng nghĩ tới một cách chu đáo và tất cả hướng vào một tôn chỉ, một mục đích rõ ràng là: bài phong đã thực, xây dựng một đời sống mới, một xã hội mới, một nền quốc văn mới.

Lần này có lẽ anh đã chọn đúng nghề của anh, nên anh đã theo đuổi được ngót mười năm trời, anh tâm sự với các bạn thân của anh rằng trong tám năm làm, anh đã sống cuộc đời sung sướng nhất.

Anh không nói ra, nhưng tôi nhận thấy chính nghề làm báo đã dung hòa được phần nào cả hai khuynh hướng nghệ sĩ, được thỏa mãn với sáng tác những văn phẩm, và khuynh hướng cách mạng cũng một phần được thỏa mãn với những công việc như: lập Tự Lực Văn Đoàn, bài trừ mê tín và hủ tục... tự do cá nhân phải được tôn trọng, và cổ động các công cuộc xã hội như: Hội Ánh Sáng, Hội Truyền Bá Quốc Ngữ để xây dựng một đời sống mới có công bằng và bác ái. Nhưng cuộc đời Nhất Linh đâu có thể bằng phẳng trôi như vậy. Một bi kịch khác đã xảy ra cũng chỉ vì cái triết lý tuyệt hảo của anh: nghề làm báo chỉ dung hòa được phần nào hai khuynh hướng của anh. Sự thỏa mãn hai khuynh hướng không được trọn vẹn, nhất là bản lĩnh Nhất Linh làm gì chỉ có thể làm được một thứ thôi, hơn nữa hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ thúc đẩy và kích thích mạnh khuynh hướng cách mạng của anh.

Nhất Linh ngừng hoạt động văn nghệ để hoàn toàn hy sinh cho cách mạng; anh đứng ra thành lập đảng Hưng Việt sau mở rộng thành đảng Đại Việt Dân Chính.

Con người Nhất Linh tạm ngừng làm báo, để cho con người Nguyễn Tường Tam làm việc. Nhưng cái tạm thời ấy cũng kéo dài tới mười năm trời.

Trong thời gian đó, anh làm việc mê man như khi làm báo. Nguyễn Tường Tam hy sinh hết thảy từ bản thân đến gia đình, vợ con, và sự nghiệp văn chương của anh, để lăn vào mọi công việc nguy hiểm.

Công việc không thành, đồng chí bị bắt. Anh phải ẩn náu mãi, rồi trốn được sang Trung Hoa. Sau khi hoạt động thành lập một mặt trận đoàn kết mệnh danh Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội ... đến tháng 9.1945 anh trở về Hà Nội.

-Một mặt Nguyễn Tường Tam hoạt động về chính trị.

-Một mặt tổ chức những chiến khu.

-Và một mặt xuất bản tờ *Việt Nam*, để đả phá Việt Minh, đồng thời đòi hỏi sự thành lập một chính phủ liên hiệp.

Khi Việt Minh thành lập một chính phủ thống nhất quốc gia, Nguyễn Tường Tam được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao. Sau khi Võ Nguyên Giáp mật đàm với Saineny, Nguyễn Tường Tam đã bỏ lên chiến khu Vĩnh Yên một thời gian để phản đối việc ký kết "*Hiệp định sơ bộ mùng 6.3.1946*".

Tiếp đến cuộc hội nghị Đà Lạt với Pháp, chuẩn bị cho cuộc hội nghị Fontainebleau, Nguyễn Tường Tam nhất định không hướng dẫn đoàn Việt Nam đi dự hội nghị và đến cuối tháng 5.1946 anh lại bỏ sang Trung Hoa.

Tại Trung Hoa, Nguyễn Tường Tam ráo riết hoạt động ngoại giao với chính phủ Mỹ và chính phủ Trung Hoa Dân Quốc, thành lập Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia Việt Nam với các phong trào quốc gia và giáo phái ở Nam phần, hy vọng có thể cứu vãn lại hòa bình và thực hiện được độc lập dân chủ ở Việt Nam.

Nhưng trước sự thực đau lòng, sự phản bội của một số người đặt quyền lợi riêng lên trên quyền lợi Tổ Quốc, và sự ngoan cố của người Pháp lúc bấy giờ, thêm vào đấy cái chết đột ngột của Nguyễn Tường Long, Nguyễn Tường Tam quyết ý không làm chính trị nữa.

Đó là tấn bi kịch thứ năm trong đời anh, nhưng đó cũng là dịp để anh trở về cuộc đời nghệ sĩ.

Con người Nhất Linh lại bắt đầu hoạt động, lúc vào khoảng giữa năm 1948, anh sống trong một căn nhà bé nhỏ, bên cạnh một cái hang và một dòng suối bé nhỏ, ở lưng chừng một quả núi gần Happy Valley tại Hồng Kông. Nhất Linh bắt đầu viết cuốn "*Bèo Dạt*", sau đổi tên là "*Xóm Cầu Mới*".

Đến năm 1951, Nhất Linh trở về nước, bắt đầu lập Nhà xuất bản Phương Giang. Ngoài mục đích tái bản những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, mục đích chính của Nhất Linh là tìm thêm những nhà văn mới và xuất bản những tác phẩm có giá trị nghệ thuật. Đồng thời tổ chức "*Chấn hưng Việt Nam Quốc Dân Đảng*" cũng được anh thúc đẩy, khuyến khích hoạt động. Anh tin tưởng một đảng cần phải mạnh mới có thể tranh đấu có hiệu quả để tiến tới thành công được. Anh quan niệm đảng viên một đảng cách mạng cần phải tự mình cách mạng mình trước hết, rồi cách mạng đồng chí, cách mạng đảng của mình, sau chót mới nói tới cách mạng quần chúng

được.

Với quan niệm ấy Nguyễn Tường Tam có viết một cuốn sách, nhan đề “*Cách mạng bản thân*”, sách in tại Quảng Châu, Trung Hoa, đặc biệt không có dấu quốc ngữ, vì ở bên đó chỉ có chữ in Anh ngữ. Tôi đem về được mấy cuốn và rất tiếc bị thất lạc hết.

Vì sức khỏe, anh lên Đà Lạt. Tại đây, anh tìm ra một thứ giải trí mới là chơi lan, sưu tầm lan. Anh say mê thú vui mới này như say mê làm cách mạng hay làm văn nghệ. Anh trèo đèo lội suối, len lỏi vào những khu rừng sâu để tìm lan. Anh đi nhiều và đi luôn, mê mãi đến không biết mệt. Anh đã bình phục và khỏe ra. Anh còn đi nhanh, và nhanh mắt trông thấy lan trước mọi người. Thanh niên nhiều người không theo kịp anh.

Anh nghiên cứu các giống lan, cách trồng lan. Sẵn có óc mỹ thuật, anh trình bày lan rất đẹp, hoặc trồng vào chậu hoặc đóng treo lên các vách. Anh đặt tên cho những giống lan lạ mà các anh và các bạn chơi lan không biết tên. Anh mê lan đến độ có lần bưng cả chậu lan vào màn để thưởng thức hương lan. Anh quý nhất lan Thanh Ngọc, và không biết có phải anh mơ thấy lan hay trí tưởng tượng anh đã quá mạnh, nghĩ có thể gặp lan tu luyện lâu ngày thành tiên, hiện lên thành người trong đêm khuya vắng, hoặc trong rừng xanh thẳm, khiến anh đã có hai câu thơ:

*...Sắc trong Thanh Ngọc hương thơm mộng  
Một giấc mơ tiên thoáng xuống trần...*

Có thể nói chính Nhất Linh đã gây phong trào chơi lan trước còn nhỏ hẹp ở Đà Lạt, sau lan rộng ra gần khắp mọi nơi trong nước (miền Nam). Nhất Linh đã say mê lan, hầu như quên hết mọi chuyện đời và nhiều khi anh nói đến cả tu viện, khiến thi sĩ Bùi Khánh Đản đã khéo trách nhẹ nhàng bằng hai câu thơ:

*Say sưa chi mấy tình vương giả  
Mà để lòng quên nợ bốn phương.*

Nhất Linh lấy hai câu đó làm thích ý song anh đổi ba tiếng “*nợ bốn phương*” thành “*nợ núi sông*”:

*Say sưa chi mấy tình vương giả  
Mà để lòng quên nợ núi sông.*

Hai câu thơ này đã xúc động tâm sự Nhất Linh rất nhiều, và một hôm ngồi uống trà với mấy người bạn thân bên bờ suối Đa Mê, anh đã ngâm to lên rồi bật khóc...

Nhất Linh đã nhắc đến “*nợ núi sông*”.

Nhất Linh đã tỉnh giấc mơ tiên.

Nhất Linh đã đứng lên, bỏ cả Đà Lạt, bỏ cả Phin Nôm, bỏ cả suối Đa Mê với vườn lan quý báu anh đã mất bao công phu gây dựng, để xuống Sài Gòn, hoạt động trở lại văn hóa và cách mạng.

Trước cái họa độc tài của họ Ngô, Nhất Linh thấy anh không thể ngồi yên mãi ở núi rừng thơ mộng với lan. Anh đã “*tỉnh giấc mơ tiên để xuống trần*” nhưng phải chăng là “*xuống trần để lại trở về tiên?*”. Lần này cả hai con người Nhất Linh và Nguyễn Tường Tam cùng hoạt động một

lúc.

-Nào phát triển cơ sở xuất bản Phương Giang.

-Nào phát hành tạp chí *Văn Hóa Ngày Nay*.

-Nào xúc động công tác Việt Nam Quốc Dân Đảng.

-Nào xúc tiến thành lập Mặt trận Quốc Dân Đoàn Kết.

Anh tính cực hoạt động. Anh phân phối đi các nơi hoạt động: liên kết với quân đội, các đảng phái, các thân sĩ và chính khách, để chuẩn bị một cuộc đảo chính, sau khi anh biết chắc rằng cuộc vận động chính trị hết sức ôn hòa của anh không đi đến kết quả gì, vì anh em Ngô Đình Diệm quá chủ quan và tham quyền cố vị. Trong cuộc vận động chính trị này, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã đưa ra một giải pháp thích ứng, để gây lại lòng tin của quốc dân đối với chính nghĩa quốc gia. Anh đề ra một chương trình gồm nhiều điểm trong đó có hai điểm chính:

1.Là sửa đổi hiến pháp và chế độ chính trị.

2.Là thực thi dân chủ tự do và công bằng xã hội.

Về điểm sửa đổi chế độ chính trị, Nguyễn Tường Tam đề nghị một chế độ tương tự chế độ Cộng Hòa của Pháp. Ngô Đình Diệm vẫn giữ chức vị tổng thống nhưng trao quyền hành chính cho một chính phủ liên hiệp quốc gia có một thủ tướng đảm nhiệm. Chức vụ thủ tướng này nên trao cho một người Nam và trong chính phủ cần có đại diện các đảng phái có thành tích cách mạng, đặc biệt hai giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo. Đó là chương trình "*cái cách*" hết sức dung hòa và ôn hòa, không đẩy Ngô Đình Diệm vào hẳn cái thế đường cùng ngõ bó, để ông có thể chấp thuận được, ngõ hầu tránh những cuộc va chạm mạnh, có thể đưa đến chỗ đổ máu, thực ra, theo Nguyễn Tường Tam muốn cứu vãn tình thế Việt Nam lúc bấy giờ, phải có một cuộc cải cách toàn diện và triệt để. Nếu Ngô Đình Diệm sáng suốt đã biết nghe theo đề nghị của Nguyễn Tường Tam, hoặc khôn hơn nữa thì rút lui không ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ hai, đâu đến nỗi phải cam chịu cái hậu quả tai hại như thế.

Cuộc đảo chính ngày 11.11.1960 thất bại.

Các đồng chí của Nguyễn Tường Tam một phần bị bắt, một phần phải rút vào bí mật. Người ta phải dùng thủ đoạn không bắt anh nhưng chặt chân tay của anh đi và áp đảo tinh thần anh bằng cách luôn luôn quấy nhiễu anh, hết đòi ra công an, lại kêu ra Dự Thẩm. Người ta giam lỏng anh bằng cách ngày đêm cho người canh gác nhà và theo dõi anh từng bước.

Cho đến tháng 7.1963, người ta thành lập tòa án quân sự đặc biệt để xét xử tất cả những người liên can đến vụ đảo chính. Anh tự hủy thân anh để phản đối chế độ độc tài tàn bạo ấy, sau khi để lại một bản di ngôn.

Những phần tử chế độ cũ đâu có xứng đáng xét xử anh.

Anh là con người của lịch sử và anh đã đi vào lịch sử...

Đó là tấn kịch cuối cùng trong chuỗi lịch sử bi tráng của đời Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Trong suốt đời Nhất Linh Nguyễn Tường Tam dù hoạt động về văn nghệ hay chính trị, hay trong bất cứ công việc gì đều áp dụng triết lý tuyệt hảo. Khi đã quyết định làm việc gì, anh luôn

làm hết mình. Anh tận tâm làm việc, say mê làm việc, không kể gì đến ngày đêm, giờ giấc, tiền tài hay sức khỏe. Chúng tôi tuy ít tuổi và mạnh hơn anh, cũng phải cố gắng nhiều, mà không theo kịp sức làm việc của anh. Như khi làm báo *Phong Hóa, Ngày Nay, Văn Hóa Ngày Nay*, mỗi ngày anh chỉ ngủ 4, 5 tiếng đồng hồ, và ngoài ba bữa ăn độ mười phút, anh làm hết việc này đến việc nọ cho tờ báo: anh viết bài, chọn bài, vẽ tranh bìa, minh họa các bài văn thơ, trình bày tờ báo, săn sóc việc nhà in, còn tiếp khách, đi tiếp xúc những nhà văn, nhà thơ – các đồng chí, chính khách – tóm lại, không lúc nào anh ngưng làm việc, hứng khởi làm việc, làm việc không chán, thấy mỗi; anh tiếc mỗi ngày phải mất mấy tiếng đồng hồ để ngủ, phải gián đoạn công việc làm, ham làm.

Một hôm mới 4 giờ sáng, anh đã dậy làm việc. Để cho tỉnh ngủ và khỏi bị lạnh, anh lấy nước hoa xúc lên đầu. Thay vì mùi “*Eau de lavande*” quen thuộc, anh thấy một mùi lạ hắc nồng nặc: thì ra trong lúc mắt nhắm mắt mở, có lẽ đương mài nghĩ một vần thơ, hoặc đương nhớ lại “*giấc mơ tiên vừa thoáng qua*”, anh đã cầm nhầm lọ “*maggi*” dốc lên đầu. Lọ “*maggi*” chiều hôm trước dọn bàn, người nhà anh đã sơ ý để ngay bên cạnh lọ nước hoa của anh. Thế là anh vội đi gội đầu. Không có nước nóng, anh phải dùng nước lạnh, thành thử anh bị cảm mất mấy ngày, mặc dầu sau khi gội đầu xong, anh đã cẩn thận xúc nhiều nước hoa cho nóng và át mùi “*maggi*” hầu như còn phảng phất ở trong tóc.

Về việc chọn bài báo, Nhất Linh không vì tình hoặc vị nể ai mà đăng một bài văn, một bài thơ anh cho là không hay, không có giá trị. Bài phải hay trước và đã là bài hay thì của bất cứ ai cũng đăng. Bài không hay cho dầu của bạn bè, thân thích, anh cũng loại đi.

Anh hết sức lưu tâm đến những người dù không quen biết và bất cứ ở lứa tuổi nào, nhưng qua lời văn, lời thơ anh biết có thể viết hay, anh khuyến khích, nâng đỡ những người đó. Anh hướng dẫn người ta làm việc theo đúng sở trường, khuyến khích, như anh đã khuyên Tú Mỡ đừng viết văn vì anh biết Tú Mỡ có sở trường về thơ.

Mỗi khi gặp được một nhà thơ, nhà văn mới có tài, một tác phẩm hay, hoặc một câu thơ thích ý, anh đi khoe với các văn hữu khác. Anh đọc các đoạn văn, các câu thơ hay cho mọi người nghe, với tất cả niềm sung sướng nhiệt thành xuất phát từ trong lòng hiện ra nét mặt và cử chỉ.

Cũng như có những văn sĩ hồi trước Nhất Linh khuyến khích xếp vào những loại “*Lan sơ khai*”, “*Lan hàm tiếu*”, trong *Văn Hóa Ngày Nay*, và bây giờ đã tiến bộ, hoặc nói theo lối Nhất Linh, đã trở thành “*Lan mãn khai*” và biết đâu hôm nay chẳng có mặt nơi đây, có thể chứng minh sự nhận xét của tôi.

Nhất Linh rất ghét sự bóc lột văn nghệ của một số nhà báo hoặc nhà xuất bản. Anh cho nghề viết văn là nghề bạc bẽo nhất, và phần đông văn sĩ nước ta sống trong cảnh thiếu thốn. Những người này cần sự nâng đỡ rất nhiều về mặt vật chất, để có thể chuyên tâm phụng sự cho văn nghệ. Có như vậy văn nghệ mới tiến triển được. Vì thế cho nên anh đã đặt ra nguyên tắc là bất cứ bài gì – dù là một bài thơ, một mẫu giai thoại – đã đăng trên báo của anh đều có thù lao nhuận bút – trừ phi tác giả nhất định từ chối là chuyện khác.

Anh bảo: “*Viết một mẫu giai thoại, nhất là làm một bài thơ chỉ có 4 câu hoặc 8 câu, cũng công trình như viết hai trang văn xuôi, có khi hơn là khác, vì phải cô đọng tư tưởng lại trong phạm vi nhỏ hẹp, theo quy luật đã định*”.

Ngay đến công việc làm bếp, rửa bát, quét dọn nhà cửa Nhất Linh cũng đem áp dụng triết lý tuyệt hảo. Như trong lúc sống ở Hồng Kông không đủ phương tiện mượn người làm, chúng tôi thường phải tự làm lấy những công việc gọi là công việc nội trợ. Tôi thú thực hồi mới phải làm

những công việc ấy, tôi thấy khổ sở lắm. Nhưng Nhất Linh không bao giờ coi những công việc ấy là khổ sở, hoặc hèn hạ như có người làm tướng. Trái lại, anh coi sự làm những việc ấy như một nghệ thuật, một thích thú. Anh đã để ý tìm cách nhóm lửa làm sao cho nhanh chóng, cách rửa bát làm sao cho sạch. Anh nghiên cứu cách làm món ăn ngon, trình bày đĩa ăn cho đẹp, và nhánh hành, mấy chiếc lá xanh, mấy củ cải đỏ, làm tăng màu sắc và hương vị của con cá lóc, hay miếng thịt xào. Và tôi không bao giờ quên những món beefteck, chateaubriand [2], bouillabaisse [3], và sauce mayonnaise [4] của anh làm. Nói ngon không kém ở các tiệm danh tiếng không phải nói ngoa.

Anh dạy tôi làm những món ấy và bảo: *“Nhiều người cứ cho làm bếp với lau nhà là khổ cực, nhưng lau nhà, làm bếp, không những là một nghệ thuật lại còn có thể coi như một cách giải trí, sau khi mình làm việc bằng óc. Khi mình đã coi nó như một nghệ thuật, một môn giải trí rồi, thì không thấy nó là một cái khổ mà lại là một thú vui nữa”*.

Tôi đã học anh, và trong ba năm qua ở trong tù, những công việc người ta vẫn gọi là khổ sai đối với tôi không còn đúng cái nghĩa *“khổ sai”* của nó cho lắm. Nhất Linh là một người thẳng thắn ôn hòa hiếm có. Tôi chưa hề thấy anh to tiếng gắt máng ai. Nếu có bực tức quá, anh chỉ nói nhẹ nhàng, nếu quá lắm anh ngồi im không nói nữa.

Đức tính ngồi im này là đức tính anh thường giữ gìn trong lúc uống rượu. Tửu lượng anh rất cao. Cho dẫu có vui anh em uống thật say đi nữa, anh chỉ từ tốn cười, lẳng lặng đi nằm, tuyệt nhiên không bao giờ ăn nói ba hoa.

Nhất Linh luôn giữ lễ độ với tất cả mọi người. Không bao giờ anh nói những câu tục tĩu, chửi thề. Anh không *“mày, tao”* với bất cứ ai dù là người làm công, đưa con nít, kẻ hèn hạ, cũng như trong khi nói chuyện về chế độ cũ, bao giờ anh cũng gọi anh em họ Ngô là ông Nhu, ông Diệm.

Nhất Linh thích hội họp, đi chơi với bạn hữu, nhưng anh thấy khổ sở khi phải làm những công việc xã giao thù tiếp những người anh chẳng ghét mà cũng chẳng ưa.

Anh bảo: *“Người ta chỉ cần làm việc hết sức mình cho công việc thật hoàn hảo là đủ”*. Anh dừng dừng với những cái người ta gọi là ngoại vật hay vật chất. Đời sống của anh thật giản dị, có gì dùng nấy, thế nào xong thôi, không xa hoa, phù phiếm.

Không bao giờ anh có ba chiếc áo chemise, ba cái quần và hai đôi giày cùng lúc. Không phải tính anh hà tiện, không có tiền để sắm sửa. Có tiền hoặc không có tiền thế thôi, anh chỉ sắm đủ mặc.

Có thể nói *“giang sơn”* của anh chỉ có mỗi chiếc cặp da, trong đựng toàn tài liệu và bản thảo. Cần đi đâu anh bỏ thêm chiếc chemise và bộ đồ ngủ nữa là đủ.

Hồi ở bên Trung Hoa cũng vậy. Anh đi hết Côn Minh, Trùng Khánh, lên Thượng Hải, Nam Kinh, xuống Hồng Kông, Quảng Châu, đi đâu, anh chỉ mặc có mỗi chiếc quần với chiếc chemise quần nhân Mỹ bằng len màu kaki vàng úa, ngoài khoác chiếc blouson da khi trời lạnh. Đồ dùng mắc giá nhất trong người anh chỉ có một thứ anh để ý chọn và giữ gìn cẩn thận là chiếc bút máy Parker, mực phải xuống cho đều, ngòi bút thiệt trơn và nét phải thanh.

Tất cả những cái gì có thể gọi là của riêng anh thường dùng chỉ có thế. Có lẽ anh sợ con người có nhiều ngoại vật bám vào thì nặng nợ và bận tâm và mất thời giờ giữ gìn chẳng? Và có lẽ vì anh nhẹ nợ và sống cuộc đời thanh thoát vậy, nên tính mạng anh, anh không tiếc và đã hy sinh như ai nấy thấy. Nói tới sự hy sinh của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, nghĩ đến cái



chết của anh, tôi lại đau lòng. Anh chết đêm 7.7.1963, đến 10 giờ sáng hôm sau anh em chính trị phạm chúng tôi bị giam ở khám Chí Hòa đều biết tin. Chúng tôi òa khóc. Nhiều người tự ý để tang anh, làm lễ truy điệu anh ngay ở trong khám, không sợ những hậu quả bất lợi có thể xảy ra. Và cái chết của Nguyễn Tường Tam đã làm phấn khởi thêm tinh thần của nhiều anh em chúng tôi khi ra trước tòa án, giữ được thái độ bình tĩnh, hiên ngang và đặc biệt cái khí tiết của con người đối lập với chế độ cũ.

Trên con đường hoạt động, nhân vật Nguyễn Tường Tam thường nhắc đến câu: *“Làm việc cần phải biết tiến biết thoái. Biết tiến thì dễ biết thoái cho kịp thời đúng lúc mới khó”*.

Cũng như một hôm, cùng anh em đi kiếm lan ở Đà Lạt, Nhất Linh vừa trèo lên núi vừa nói: *“Lên dốc thì dễ, xuống dốc thì khó”*, cũng là để diễn tả cái ý *“tiến thoái”* kia vậy.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã luôn luôn áp dụng triết lý tuyệt hảo vào mọi công việc anh làm, và đã làm việc gì là anh mê say với công việc đó. Cũng như anh đã không quên áp dụng triết lý ấy vào ngay cái chết của anh. Có thể nói anh đã cẩn thận sửa soạn cái chết.

-Anh đã trữ sẵn thuốc độc mà không ai biết.

-Anh đã gọi các con ở xa về trừ người con lớn ở bên Pháp anh khuyên trong chế độ cũ đừng về vội.

-Anh đã viết để lại tờ di ngôn.

-Mấy hôm trước khi tự vẫn, anh đã gửi tặng mấy người bạn thân ở xa, mỗi người một chiếc áo của anh, mặc dầu không ai thiếu áo mặc.

-Sáng hôm chủ nhật 7.7.1963, anh đến nhà mấy người bạn thân nhất của anh để chào từ biệt. Có ai nhắc tới việc ra tòa ngày hôm sau anh nói: *“Người ta không xử được tôi đâu!”* hoặc: *“Tôi không để người ta xử tôi đâu!”* và khi anh nói: *“Tôi đến chào vĩnh biệt các anh các chị!”*. Có người để ý hỏi anh: *“Sao anh lại chào vĩnh biệt? Dù người ta có bỏ tù anh đi nữa thì cũng có ngày về, anh em lại gặp nhau, sao anh “nói gở thế !”*. Anh chỉ cười để đáp lại. Vâng, anh đã cười nói vui vẻ nên không ai nghi ngờ gì cả. Rồi đến chiều hôm ấy, anh bảo mua rượu về cùng cả nhà vừa uống vừa nói chuyện. Anh không để lộ một vẻ gì khác và trong khi ấy đã uống thuốc độc lúc nào không ai hay... Tới khi anh nói cho biết.

Anh nói: *“Tôi đã uống thuốc độc tự vẫn rồi. Bây giờ thuốc đã ngấm và cứu chữa không được nữa, và cũng đừng cứu chữa vì tôi đã quyết ý như vậy. Chỉ trong nửa giờ nữa tôi sẽ chết, vậy cả nhà hãy ngồi gần lại đây nghe tôi dặn dò ...”*

Chúng ta đã thấy Nhất Linh Nguyễn Tường Tam sửa soạn cái chết của anh một cách hoàn bị biết chừng nào. Anh đã biết thoái. Anh đã sửa soạn bước thoái của anh kịp thời đúng lúc. Chết để dội thêm trái bom vào cái chế độ độc tài tàn bạo của anh em Ngô Đình Diệm, chết để thức tỉnh bao nhiêu người nhất là giới thanh niên sinh viên, học sinh.

Và trước khi chấm dứt câu chuyện của tôi hôm nay, tôi xin đọc một bài thơ của Nhất Linh, một bài thơ chưa từng đăng ở sách báo nào, nhưng có thể gọi là *“gở”* như người ta thường nói, vện vào cái chết của Nhất Linh.

Bài thơ nhan đề *Tình Tiên* Nhất Linh làm một đêm trăng tại Vũng Tàu, có bốn câu:

*Người ơi biển rộng bao la,  
Chiều về, trăng mở đường hoa đón người  
Lâng lâng rũ sạch bụi đời,  
Theo đường tiên mộng về nơi tiên bồng*

---

[1]-Chữ “*cách mạng*” Trương Bảo Sơn dùng ở đây xin hiểu là hoạt động chính trị theo khuynh hướng tư sản

[2]-Món thịt bò rán.

[3]-Món xúp cá.

[4] Nước sauce chế biến bằng lòng đỏ trứng và và dầu ăn.